

Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt ngày 28/6/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Báo cáo số 709/2026/BC-TĐBV ngày 05/6/2026*) với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Tổng doanh thu Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.828 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024; LNST đạt 1.285 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch năm 2025, tăng 8,9% so với cùng kỳ; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 17,3%, Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt 6,9%.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Báo cáo số 709/2026/BC-TĐBV ngày 05/6/2026 và Báo cáo số 710/2026/BC-HĐQT ngày 05/6/2026*) với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt 2.015 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2%.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.320 tỷ đồng, tăng trưởng 2,7%.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE) dự kiến đạt 6,9%.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (*Chi tiết đính kèm Báo cáo số 710/2026/BC-HĐQT ngày 05/6/2026*).

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (*Chi tiết đính kèm Báo cáo số 711/2026/TĐBV-BKS ngày 05/6/2026*).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 712/2026/TĐBV-BKS ngày 05/6/2026*).



Điều 6. Thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 715/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

Điều 7. Thông qua Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi bổ sung lần thứ 16) (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 715/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

Điều 8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5) (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 716/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

Điều 9. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 717/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

Điều 10. Thông qua việc chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 718/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát: 19.200.000 đồng/người/tháng;

- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 13.200.000 đồng/người/tháng.

- Mức thù lao của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: 67.000.000 đồng/người/tháng.

Quyết toán quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 là 4.111.200.000 đồng, trong đó:

- Quỹ thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị là: 1.152.000.000 đồng;

- Quỹ thù lao của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là: 2.412.000.000 đồng;

- Quỹ thù lao của Ban Kiểm soát: 547.200.000 đồng.

Điều 11. Thông qua mức thù lao kế hoạch của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 718/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

- Mức thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát: 19.200.000 đồng/người/tháng;

- Mức thù lao kế hoạch của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: 67.000.000 đồng/người/tháng

- Mức thù lao kế hoạch của Kiểm soát viên: 13.200.000 đồng/người/tháng.

Điều 12. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 719/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

- Tổng lợi nhuận sau thuế là: **1.285.413.218.955 đồng.**

- Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: **642.706.609.478 đồng**, bằng 50% lợi nhuận sau thuế năm 2025 để tăng cường năng lực tài chính cho các Công ty Con, chủ động nguồn lực cho đầu tư phát triển bao gồm đầu tư công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh doanh theo Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Tập đoàn Bảo Việt.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Căn cứ lợi nhuận thực hiện năm 2025 sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là **41.546.996.130 đồng**, bằng 3,23% lợi nhuận sau thuế năm 2025.

+ Cổ tức năm 2025: Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận sau thuế còn lại của năm tài chính 2025 là 601.159.613.347 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 là 64.186.093 đồng, tổng lợi nhuận còn lại đến hết năm 2025 là 601.223.799.440 đồng, thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, làm tròn ở mức **8,09%** trên mệnh giá cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng), tương đương số tiền dự kiến là **600.539.116.076 đồng**.

Phần lợi nhuận năm 2025 còn lại (dự kiến 684.683.364 đồng) dùng để bổ sung vào nguồn chia cổ tức cho các năm sau

Điều 13. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 719/2026/TTr-HDQT ngày 05/6/2026*).

Lợi nhuận sau thuế năm 2026 dự kiến là: **1.320 tỷ đồng**; Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (7.423,2 tỷ đồng) dự kiến là 17,8%.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2026 còn lại sau khi xử lý các nội dung theo quy định của Pháp luật được phân phối dự kiến như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: không quá 50% theo quy định. Mức trích lập cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: thực hiện theo quy định của pháp luật;

+ Chi trả cổ tức năm 2026: Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thông qua các nội dung điều chỉnh chính trong Chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2026–2030; thông qua định hướng, chiến lược phát triển tổng thể giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt.

Giao cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt: (i) xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt chiến lược phát triển chi tiết giai đoạn 2026-2030; (ii) tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2026-2030; (iii) xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn theo đúng quy

M

định của pháp luật, phù hợp với tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với các hình thức cơ cấu lại vốn quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ, quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo hoàn thành mục tiêu, định hướng của Tập đoàn như tại định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035; đảm bảo công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn của Tập đoàn (*Chi tiết đính kèm Tờ trình số 720/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026*).

Điều 15. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông của TĐBV;
- Như Điều 15;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thừa Nhật

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 28/6/2026 tại Tòa nhà Bảo Việt, số 71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt (“Đại hội”) đã được khai mạc.

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Minh Hoàng - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông - báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự: 31 cổ đông và đại diện ủy quyền, trong đó:

- Tham dự trực tiếp: 18 cổ đông
- Tham dự thông qua ủy quyền: 13 cổ đông

Tổng số cổ phần tham dự: 675.357.917 cổ phần, chiếm 90,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (*chi tiết có báo cáo đính kèm*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt với thành phần và số lượng cổ phần tham dự như trên là hợp lệ.

Đại hội còn có sự tham gia của Đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước, các thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên của Tập đoàn Bảo Việt.

Để điều hành Đại hội, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã nhất trí thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết (*chi tiết tại Quy chế đính kèm*) và Danh sách Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Cụ thể:

Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Thừa Nhật | - Chủ tọa |
| 2. Bà Trần Thị Diệu Hằng | - Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Xuân Việt | - Thành viên |
| 4. Ông Nguyễn Quang Phi | - Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Đình An | - Thành viên |
| 6. Ông Ryota Inami | - Thành viên |



ĐHĐCĐ đã thông qua Ban Kiểm phiếu Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết, cụ thể bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng - Trưởng ban
2. Ông Trần Nhuận An - Thành viên
3. Ông Nguyễn Hoàng Dương - Thành viên
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thành viên độc lập
(Đại diện Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt)

Ông Nguyễn Thừa Nhật - Chủ tọa - chỉ định Ban Thư ký Đại hội, cụ thể bao gồm các Bà có tên sau:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Trưởng Ban
2. Bà Bùi Cẩm Hường - Thành viên

ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung chương trình Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết (*Chi tiết tại Nội dung Chương trình đính kèm*).

Với tinh thần làm việc khẩn trương và nghiêm túc, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt đã nghe các báo cáo, tờ trình, thảo luận và thông qua các quyết nghị như sau:

I. Phần trình bày các báo cáo, tờ trình

1. Nội dung 1: Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Quang Phi – Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trình bày Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết Báo cáo số 709/2026/BC-TĐBV ngày 05/6/2026 đính kèm*).

2. Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thừa Nhật – Q. Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (*Chi tiết Báo cáo số 710/2026/BC-HĐQT ngày 05/6/2026 đính kèm*).

3. Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Đại hội đã nghe Ông Vũ Thanh Hải – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ

thường niên năm 2026 (*Chi tiết Báo cáo số 711/2026/TĐBV-BKS ngày 05/6/2026 đính kèm*)

4. Nội dung 4: Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt

Đại hội đã nghe Ông Đinh Hoài Linh – Kiểm soát viên trình bày Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết Tờ trình số 712/2026/TĐBV-BKS ngày 05/6/2026 đính kèm*)

5. Nội dung 5: Tờ trình về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần thứ 16)

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Đình An – Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trình bày Tờ trình về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần thứ 16) (*Chi tiết Tờ trình số 715/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 đính kèm*)

6. Nội dung 6: Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Diệu Hằng – Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trình bày Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5) (*Chi tiết Tờ trình số 716/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 đính kèm*)

7. Nội dung 7: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Xuân Hòa – Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt trình bày Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết Tờ trình số 717/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 đính kèm*)

8. Nội dung 8: Tờ trình về việc chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên năm 2025 và đề xuất mức thù lao năm 2026

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Xuân Việt – Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trình bày Tờ trình về việc chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2025 và đề xuất mức thù lao năm 2026 (*Chi tiết Tờ trình số 718/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 đính kèm*)

9. Nội dung 9: Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Xuân Hòa – Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt trình bày Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 (*Chi tiết Tờ trình số 719/2026/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 đính kèm*)

10. Nội dung 10: Tờ trình về việc thông qua định hướng chiến lược phát triển tổng quát giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Quang Phi – Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trình bày Tờ trình về việc thông qua định hướng chiến lược phát triển tổng quát giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt (*Chi tiết Tờ trình số 720/2026/TTr-HDQT ngày 05/6/2026 đính kèm*)

II. Phần kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo số lượng cổ đông tham dự Đại hội tính đến thời điểm thực hiện thảo luận như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự: 46 cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông, trong đó:

- Tham dự trực tiếp: 26 cổ đông
- Tham dự thông qua ủy quyền: 20 cổ đông

Tổng số cổ phần tham dự 678.544.398 cổ phần chiếm 91,41% số cổ phần có quyền biểu quyết (*Chi tiết báo cáo đính kèm*).

III. Phần thảo luận

Trong phần thảo luận, các cổ đông đã đặt các câu hỏi chất vấn Đoàn Chủ tịch các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, tập trung vào nhóm vấn đề sau:

- Tình hình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn
- Vấn đề liên quan đến công nghệ thông tin và lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn Bảo Việt trong bối cảnh phát triển insurtech và chuyển đổi số mạnh mẽ.
- Vấn đề liên quan các giải pháp xây dựng nền tảng phát triển kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt trong thời gian tới.
- Việc đánh giá hiệu quả đầu tư của cổ đông chiến lược Sumitomo Life vào Tập đoàn Bảo Việt và kinh nghiệm hỗ trợ cho Bảo Việt.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Các vấn đề nêu trên đã được Đoàn Chủ tịch trả lời tại Đại hội, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp sẽ được gửi đến cổ đông bằng văn bản.

IV. Phần biểu quyết các nội dung Đại hội

Sau khi nghe các Báo cáo, tờ trình và tiến hành thảo luận, Đại hội đã biểu quyết công khai để thông qua các báo cáo, tờ trình.

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

1. Thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt

(Chữ ký)

1.1. Thông qua kết quả kinh doanh năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025) theo số liệu Báo cáo Tài chính riêng của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt - đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Tổng doanh thu Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.828 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024; LNST đạt 1.285 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch năm 2025, tăng 8,9% so với cùng kỳ; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 17,3%, Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt 6,9%.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 678.541.072 cổ phần, chiếm 99,999999% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 10 cổ phần, chiếm 0,000001 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

1.2. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt 2.015 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2%.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.320 tỷ đồng, tăng trưởng 2,7%.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE) dự kiến đạt 6,9%.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 678.541.072 cổ phần, chiếm 99,999999 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 10 cổ phần, chiếm 0,000001 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 678.541.082 cổ phần, chiếm 100 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 678.541.072 cổ phần, chiếm 99,999999 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 10 cổ phần, chiếm 0,000001% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

4. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 677.091.186 cổ phần, chiếm 99,79% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 1.449.896 cổ phần, chiếm 0,21% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

5. Thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần thứ 16)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 675.970.809 cổ phần, chiếm 99,62 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 1.120.377 cổ phần, chiếm 0,17 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 1.449.896 cổ phần, chiếm 0,21 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

6. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 675.894.309 cổ phần, chiếm 99,61 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 1.120.377 cổ phần, chiếm 0,17% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết



- Không có ý kiến: 1.526.396 cổ phần, chiếm 0,22% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

7. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 678.464.582 cổ phần, chiếm 99,99% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 76.500 cổ phần, chiếm 0,01% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

8. Thông qua chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên năm 2025 và đề xuất mức thù lao năm 2026 với nội dung như sau:

8.1. Thông qua việc quyết toán thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm 2025, cụ thể:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát: 19.200.000 đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 13.200.000 đồng/người/tháng.
- Mức thù lao của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: 67.000.000 đồng/người/tháng.

Quyết toán quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 là 4.111.200.000 đồng, trong đó:

- Quỹ thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị là: 1.152.000.000 đồng;
- Quỹ thù lao của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là: 2.412.000.000 đồng;
- Quỹ thù lao của Ban Kiểm soát: 547.200.000 đồng.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 675.970.809 cổ phần, chiếm 99,62% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 1.120.377 cổ phần, chiếm 0,17% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 1.449.896 cổ phần, chiếm 0,21% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

8.2. Thông qua mức thù lao kế hoạch của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm 2026, cụ thể:

- Mức thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát: 19.200.000 đồng/người/tháng;

mm

- Mức thù lao kế hoạch của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: 67.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thù lao kế hoạch của Kiểm soát viên: 13.200.000 đồng/người/tháng.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 675.970.809 cổ phần, chiếm 99,62% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 1.120.377 cổ phần, chiếm 0,17% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 1.449.896 cổ phần, chiếm 0,21% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

9. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 như sau:

9.1 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025, cụ thể:

- Tổng lợi nhuận sau thuế là: **1.285.413.218.955 đồng**.
- Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: **642.706.609.478 đồng**, bằng 50% lợi nhuận sau thuế năm 2025 để tăng cường năng lực tài chính cho các Công ty Con, chủ động nguồn lực cho đầu tư phát triển bao gồm đầu tư công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh doanh theo Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Tập đoàn Bảo Việt.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Căn cứ lợi nhuận thực hiện năm 2025 sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là **41.546.996.130 đồng**, bằng 3,23% lợi nhuận sau thuế năm 2025.

+ Cổ tức năm 2025: Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận sau thuế còn lại của năm tài chính 2025 là 601.159.613.347 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 là 64.186.093 đồng, tổng lợi nhuận còn lại đến hết năm 2025 là 601.223.799.440 đồng, thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, làm tròn ở mức **8,09%** trên mệnh giá cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng), tương đương số tiền dự kiến là **600.539.116.076 đồng**.

Phần lợi nhuận năm 2025 còn lại (dự kiến 684.683.364 đồng) dùng để bổ sung vào nguồn chia cổ tức cho các năm sau.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 678.541.072 cổ phần, chiếm 99,999999% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 10 cổ phần, chiếm 0,000001 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết dự họp

W

và tham gia biểu quyết

9.2 Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế năm 2026 dự kiến là: **1.320 tỷ đồng**; Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (7.423,2 tỷ đồng) dự kiến là 17,8%.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2026 còn lại sau khi xử lý các nội dung theo quy định của Pháp luật được phân phối dự kiến như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: không quá 50% theo quy định. Mức trích lập cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: thực hiện theo quy định của pháp luật;

+ Chi trả cổ tức năm 2026: Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

- Tán thành: 678.541.072 cổ phần, chiếm 99,999999% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 10 cổ phần, chiếm 0,000001 % số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

10. Thông qua các nội dung điều chỉnh chính trong Chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2026–2030; thông qua định hướng, chiến lược phát triển tổng thể giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt.

Giao cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt: (i) xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt chiến lược phát triển chi tiết giai đoạn 2026-2030; (ii) tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2026-2030; (iii) xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với các hình thức cơ cấu lại vốn quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ, quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo hoàn thành mục tiêu, định hướng của Tập đoàn như tại định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035; đảm bảo công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn của Tập đoàn.

- Tán thành: 675.894.309 cổ phần, chiếm 99,61% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không tán thành: 2.570.273 cổ phần, chiếm 0,38% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
- Không có ý kiến: 76.500 cổ phần, chiếm 0,01% số CP có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Biên bản Đại hội gồm...trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt vào hồi...giờ...phút cùng ngày, được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết./.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỌA



Nguyễn Thừa Nhật

THÀNH VIÊN

Trần Thị Diệu Hằng

THÀNH VIÊN

Nguyễn Xuân Việt

THÀNH VIÊN

Nguyễn Quang Phi

THÀNH VIÊN

Nguyễn Đình An

THÀNH VIÊN

Ryota Inami

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

THÀNH VIÊN

Bùi Cẩm Hường

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Kim Dung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

Vào hồi 09h00 ngày 28/6/2026, tại Hội trường Tầng 6, Tòa nhà Bảo Việt, số 71 Ngô Sỹ Liên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội,

Ban kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

- Ông Nguyễn Minh Hoàng – Trưởng ban;
- Ông Trần Nhuận An – Thành viên;
- Ông Nguyễn Hoàng Dương – Thành viên.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu cổ đông tới dự Đại hội với kết quả cụ thể như sau:

Số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội: 31 cổ đông và người đại diện theo ủy quyền.

Trong đó : + Tham dự trực tiếp: 18 cổ đông
+ Tham dự thông qua ủy quyền: 13 cổ đông

Đại diện cho quyền sở hữu: 675.357.917 cổ phần bằng 90,98% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 09h00 ngày 28/6/2026 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Hoàng





BAOVIET
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG LẦN THỨ HAI
THAM DỰ PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

Vào hồi 11h15 phút ngày 28/06/2026, tại Hội trường Tầng 6, Tòa nhà Bảo Việt, số 71 Ngô Sỹ Liên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

- Ông Nguyễn Minh Hoàng – Trưởng ban;
- Ông Trần Nhuận An – Thành viên;
- Ông Nguyễn Hoàng Dương – Thành viên.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu cổ đông tới dự Đại hội với kết quả cụ thể như sau:

Số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội: 46 cổ đông và người đại diện theo ủy quyền.

Trong đó : + Tham dự trực tiếp: 26 cổ đông
+ Tham dự thông qua uỷ quyền: 20 cổ đông

Đại diện cho quyền sở hữu: 678.544.398 cổ phần bằng 91,41% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt;

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 11h15 phút ngày 28/6/2026 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Hoàng



**NỘI DUNG TRẢ LỜI CHẤT VẤN CỦA CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**
(Đính kèm Biên bản số 01/2026/BB-ĐHĐCD-TĐBV ngày 28/6/2026
của ĐHĐCD Tập đoàn Bảo Việt)

TT	Câu hỏi	Phụ trách trả lời
1	Câu 1 - Cổ đông mã BVH03337 Đề nghị cho biết sơ bộ tình hình kinh doanh gần nhất của Tập đoàn Bảo Việt?	Ông Nguyễn Quang Phi – Thành viên HĐQT, Quyền TGD
2	Câu 2 - Cổ đông mã BVH08691 Trước sự phát triển nhanh của công nghệ tài chính, insurtech và các sản phẩm công nghệ chiến lược, Bảo Việt có lo ngại bị mất lợi thế cạnh tranh không? Trong giai đoạn hiện nay, AI đang làm thay đổi sâu sắc ngành tài chính – bảo hiểm, Bảo Việt đang ưu tiên đầu tư những năng lực dữ liệu và AI nào để tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt và duy trì vị thế dẫn đầu trong dài hạn?	Ông Nguyễn Xuân Việt – Phó Chủ tịch HĐQT
3	Câu 3 - Cổ đông mã BVH07699 Các giải pháp xây dựng nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt trong giai đoạn tới là gì?	Ông Nguyễn Thừa Nhật – Quyền Chủ tịch HĐQT
4	Câu 4 - Cổ đông mã BVH04743 Là cổ đông chiến lược của BVH, SML đánh giá như thế nào về việc đầu tư vào Bảo Việt? Với lịch sử phát triển hơn 100 năm của mình ở nhiều nơi trên thế giới, SML có kinh nghiệm gì để có thể hỗ trợ cho Bảo Việt phát triển?	Ông Inami Ryota – Thành viên HĐQT

1. Cổ đông mã BVH03337 hỏi:

Đề nghị cho biết sơ bộ tình hình kinh doanh gần nhất của Tập đoàn Bảo Việt?

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Quang Phi – Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trả lời:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tình hình kinh tế vĩ mô của cả nước vẫn còn khó khăn, thuận lợi đan xen ảnh hưởng không đồng đều đến từng khu vực, lĩnh vực của thị trường tài chính và thị trường bảo hiểm. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai các giải pháp đồng bộ và đạt được một số kết quả tích cực sau 6 tháng đầu năm.

- Kết quả kinh doanh hợp nhất ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 như sau: tổng doanh thu đạt khoảng 31.160 tỷ đồng, hoàn thành 50,9% kế hoạch năm, tăng 5,9% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.920 tỷ đồng, hoàn thành 52,4% kế hoạch, tăng trưởng 11,8%. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.550 tỷ đồng, hoàn thành 51,7% kế hoạch, tăng trưởng 11,4%.

- Các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống cơ bản bám sát kế hoạch dự kiến trong năm 2026:

+ Đối với Bảo Việt Nhân thọ: vượt qua khó khăn khách quan từ thị trường tài chính, sức mua suy giảm và các quy định mới của pháp luật, BVNT vẫn đảm bảo tiến độ kế hoạch như dự kiến với tổng doanh thu đạt kết quả tốt, hoàn thành trên 50% kế hoạch năm. Các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều bám sát kế hoạch.

+ Đối với Bảo hiểm Bảo Việt: ghi nhận kết quả kinh doanh tốt sau 6 tháng đầu năm với tổng doanh thu đạt hơn 7.000 tỷ, hoàn thành 51,8% kế hoạch và tăng trưởng ấn tượng 16% so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế, các tỷ suất lợi nhuận trên vốn đều đáp ứng và nằm trong kế hoạch đề ra.

+ Đối với các mảng tài chính bao gồm các công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, Chứng khoán Bảo Việt và Đầu tư Bảo Việt cũng đều ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan, bám sát và vượt trên 50% kế hoạch năm.

Về tổng thể, mặc dù còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ; tuy nhiên Tập đoàn Bảo Việt đã không

ngừng nỗ lực, triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong 6 tháng đầu năm 2026.

2. Cổ đông mã BVH08691 hỏi:

Trước sự phát triển nhanh của công nghệ tài chính, insurtech và các sản phẩm công nghệ chiến lược, Bảo Việt có lo ngại bị mất lợi thế cạnh tranh không?

Trong giai đoạn hiện nay, AI đang làm thay đổi sâu sắc ngành tài chính – bảo hiểm, Bảo Việt đang ưu tiên đầu tư những năng lực dữ liệu và AI nào để tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt và duy trì vị thế dẫn đầu trong dài hạn?

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trả lời:

Sự phát triển của công nghệ tài chính và insurtech vừa tạo áp lực cạnh tranh, vừa mở ra cơ hội hợp tác và đổi mới mô hình kinh doanh. Với lợi thế thương hiệu, quy mô khách hàng, mạng lưới phân phối và kinh nghiệm quản trị rủi ro, Bảo Việt có nền tảng tốt để thực hiện chuyển đổi trong thời gian tới. Tập đoàn không chỉ đầu tư công nghệ để số hóa quy trình hiện hữu, mà còn hướng tới phát triển năng lực dữ liệu, sản phẩm số, kênh phân phối số, dịch vụ khách hàng đa kênh và hợp tác với các đối tác công nghệ phù hợp. Quan điểm của Bảo Việt là ứng dụng công nghệ phải gắn với hoạt động kinh doanh thực tế, trải nghiệm khách hàng, hiệu quả vận hành và kiểm soát rủi ro, không đầu tư dàn trải hoặc chạy theo phong trào.

Bảo Việt xác định dữ liệu và AI sẽ là tài sản chiến lược và năng lực cốt lõi góp phần định hình mô hình hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm trong tương lai. Vì vậy, định hướng đầu tư của Tập đoàn không chỉ tập trung vào các ứng dụng riêng lẻ mà hướng tới xây dựng các năng lực nền tảng dài hạn.

Ưu tiên trước hết là xây dựng kiến trúc dữ liệu thống nhất và nền tảng dữ liệu tập trung trên toàn Tập đoàn, bảo đảm dữ liệu được quản trị đồng bộ, phân tích chuyên sâu, tiến tới xây dựng bức tranh khách hàng toàn diện, phục vụ cho các ứng dụng AI, giúp nâng cao chất lượng ra quyết định và phát triển các dịch vụ cá nhân hóa.

Về công nghệ cốt lõi, Bảo Việt tập trung phát triển trí tuệ nhân tạo AI, phân tích dữ liệu nâng cao, điện toán đám mây, mở rộng hệ sinh thái số và đẩy nhanh tốc độ đổi mới sản phẩm, dịch vụ cá nhân.

Song song với đầu tư công nghệ, Bảo Việt đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác an toàn thông tin và quản lý rủi ro công nghệ, cũng như đào tạo nâng cao trình độ hiểu biết về CNTT cho toàn thể cán bộ của hệ thống.

Chúng tôi tin tưởng rằng các chiến lược về công nghệ này giúp Bảo Việt không chỉ đáp ứng tốt các quy định pháp lý ngày càng khắt khe mà còn có thể đón đầu các xu thế phát triển chung của thị trường.

3. Cổ đông mã BVH07699 hỏi:

Các giải pháp xây dựng nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt trong giai đoạn tới là gì?

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thừa Nhật – Quyền Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trả lời:

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng nền tảng phát triển dựa trên 06 vấn đề cốt lõi của doanh nghiệp, đó là Chiến lược, Quản trị, Tài chính, Nhân lực, Công nghệ thông tin, Thị trường. Do đó các giải pháp đưa ra đều tập trung xoay quanh những vấn đề cốt lõi này. Trong giai đoạn vừa qua, qua khảo sát và đánh giá, Tập đoàn đã nghiên cứu và đưa ra 05 giải pháp cần tập trung để xây dựng nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh, đó là:

- **Thực hiện rà soát chiến lược, đáp ứng yêu cầu mới của đất nước:** Tập đoàn đã xây dựng và ban hành chiến lược giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn hướng đến năm 2035. Tuy nhiên trong 02 năm vừa qua, đặc biệt là từ đầu năm 2026 sau khi Đại hội Đảng thành công, Đảng, Quốc Hội và Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết với mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Bởi vậy, Tập đoàn nhận thấy cần phải rà soát chiến lược phát triển dài hạn và sớm triển khai để đảm bảo phù hợp với định hướng mới, góp phần vào sự chuyên mình của đất nước.

- **Nâng cao năng lực quản trị công ty:** Tập đoàn Bảo Việt đã sớm đáp ứng Bộ tiêu chí quản trị doanh nghiệp chuẩn của khu vực ASEAN (ACGS). Tuy nhiên, để đáp ứng xu thế mới đặt ra đối với các doanh nghiệp Nhà nước (đề ra tại Nghị quyết số 79/NQ-TW năm 2026 của Bộ Chính trị), Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục phấn đấu đáp ứng Bộ nguyên tắc quản trị OECD – là bộ chuẩn mực quốc tế cao nhất về quản trị doanh nghiệp trước năm 2030.

- **Tăng cường năng lực tài chính:** Xác định nguồn vốn là mạch máu không thể thiếu trong sự phát triển của doanh nghiệp, Tập đoàn đang tích cực nghiên cứu các

phương án huy động vốn như phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, cổ phần hóa công ty con và đánh giá đây đều là những giải pháp đáng lưu tâm để gia tăng nguồn vốn và tiềm lực tài chính đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới..

- **Mở rộng thị trường:** với 02 giải pháp mũi nhọn (i) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hợp lực đa dạng giữa các đơn vị trong Tập đoàn, hướng tới khách hàng là trung tâm trên cơ sở ứng dụng công nghệ số; (ii) Thúc đẩy tăng cường hợp tác với đối tác lớn tiềm năng để mở rộng quan hệ và cùng triển khai các kênh phân phối mới.

- **Tăng cường đầu tư CNTT và chuyển đổi số:** để từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh số với trung tâm là khách hàng bao gồm đầu tư, xây dựng đồng bộ hạ tầng CNTT gắn với giải pháp số hóa nghiệp vụ và dữ liệu, đồng thời ứng dụng công nghệ số phù hợp với cơ cấu tổ chức hoạt động của các công ty trong hệ sinh thái Bảo Việt.

Trên đây là 05 giải pháp mà Tập đoàn Bảo Việt đã và đang tập trung triển khai để xây dựng nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

4. Cổ đông mã BVH04743 hỏi:

Là cổ đông chiến lược của BVH, SML đánh giá như thế nào về việc đầu tư vào Bảo Việt? Với lịch sử phát triển hơn 100 năm của mình ở nhiều nơi trên thế giới, SML có kinh nghiệm gì để có thể hỗ trợ cho Bảo Việt phát triển?

Đại hội đã nghe Ông Inami Ryota – Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trả lời:

Từ khi đầu tư vào Tập đoàn Bảo Việt, Sumitomo Life và Tập đoàn Bảo Việt đã và đang xây dựng mối quan hệ đối tác vững mạnh. Chúng tôi đánh giá cao việc Bảo Việt đã vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt để duy trì và phát triển vị thế thương hiệu số một trên thị trường bảo hiểm. Chúng tôi tin tưởng rằng Bảo Việt sẽ tiếp tục đạt được những bước tiến xa hơn nữa trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược cho tới năm 2030 và hướng tới tầm nhìn năm 2035.

Sumitomo Life đã và đang chia sẻ những kinh nghiệm, bí quyết phong phú và sâu rộng, mà chúng tôi đã tích lũy qua hơn 100 năm lịch sử thành lập và qua quá trình mở rộng kinh doanh ra nước ngoài, với Bảo Việt thông qua việc phái cử các chuyên gia và cung cấp thông tin.

Cụ thể là hỗ trợ Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ trong các lĩnh vực Actuary, công nghệ thông tin và bán hàng, cũng như hỗ trợ Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt trong các lĩnh vực như quản lý rủi ro, tuân thủ và đầu tư.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sẽ tận dụng các thế mạnh tổng hợp trong Tập đoàn Sumitomo Life, như chuyên môn về ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vốn là thế mạnh của công ty con Singlife của chúng tôi tại Singapore, từ đó cung cấp thông tin hỗ trợ cho Bảo Việt.

Bằng cách tận dụng tối đa những kinh nghiệm và thế mạnh này, Sumitomo Life hướng đến mục tiêu đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng trưởng hơn nữa giá trị doanh nghiệp của Bảo Việt, đồng thời cùng nhau phát triển với tư cách là một đối tác chiến lược lâu dài.

Trên đây là nội dung các câu hỏi và trả lời trực tiếp tại Đại hội. Bên cạnh đó còn một số câu hỏi của các cổ đông khác liên quan đến tình hình thị trường, kết quả kinh doanh chi tiết 6 tháng năm 2026, tình hình trích lập dự phòng toán học... Tập đoàn Bảo Việt sẽ thực hiện trả lời các câu hỏi này bằng văn bản và gửi tới các cổ đông sau khi Đại hội kết thúc.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;

- Căn cứ theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt,

Hôm nay, vào lúc 09h00 ngày 28 tháng 06 năm 2026 tại Tầng 6, toà nhà Bảo Việt – Số 71 Ngô Sỹ Liên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm có các ông, bà có tên sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Minh Hoàng | Trưởng ban |
| 2. Ông Trần Nhuận An | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Hoàng Dương | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), kết quả như sau:

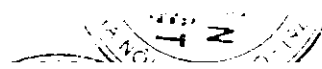
I. Các nội dung biểu quyết bằng hình thức giơ THẺ BIỂU QUYẾT

Stt	Nội dung	Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Kết quả
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026	675.357.917	675.357.917	100%	0	0%	0	0%	Thông qua
2	Danh sách Đoàn Chủ tịch Đại hội	675.357.917	675.357.917	100%	0	0%	0	0%	Thông qua
3	Danh sách Ban Kiểm phiếu của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026	675.357.917	675.357.917	100%	0	0%	0	0%	Thông qua
4	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.	675.357.917	675.357.917	100%	0	0%	0	0%	Thông qua

II. Các nội dung biểu quyết bằng hình thức sử dụng PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tổng số phiếu phát ra: 52 phiếu, tương ứng với 678.544.398 cổ phần tham dự Đại hội.
2. Số phiếu thu về: 46 phiếu, tương ứng với 678.541.082 cổ phần tham gia biểu quyết. Trong đó:
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 46 phiếu
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu
3. Số phiếu không tham gia bỏ phiếu: 06 phiếu.

Stt	Nội dung	Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Kết quả
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1.	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt. (Báo cáo số 709/2026/BC-TĐBV ngày 05/06/2026)	678.541.082	678.541.072	99,999 999%	10	0,0000 01%	0	0	Thông qua
2.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. (Báo cáo số 710/2026/BC-HĐQT ngày 05/06/2026)	678.541.082	678.541.082	100%	0	0%	0	0%	Thông qua
3.	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. (Báo cáo số 711/2026/TĐBV-BKS ngày 05/06/2026)	678.541.082	678.541.072	99,999 999%	10	0,0000 01%	0	0%	Thông qua
4.	Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính năm	678.541.082	677.091.186	99,79%	1.449.896	0,21%	0	0%	Thông qua



Stt	Nội dung	Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Kết quả
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
	2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt. (Tờ trình số 712/2026/TĐBV-BKS ngày 05/06/2026)								
5.	Tờ trình về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16) (Tờ trình số 715/2026/TTr-HDQT ngày 05/06/2026)	678.541.082	675.970.809	99,62%	1.120.377	0,17%	1.449.896	0,21%	Thông qua
6.	Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5) (Tờ trình số 716/2026/TTr-HDQT ngày 05/06/2026)	678.541.082	675.894.309	99,61%	1.120.377	0,17%	1.526.396	0,22%	Thông qua
7.	Tờ trình thông qua báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt. (Tờ trình số 717/2026/TTr-HDQT ngày 05/06/2026)	678.541.082	678.464.582	99,99%	0	0%	76.500	0,01%	Thông qua
8.	Tờ trình v/v chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT và Kiểm soát viên năm 2025 và đề xuất mức thù lao năm 2026.	678.541.082	675.970.809	99,62%	1.120.377	0,17%	1.449.896	0,21%	Thông qua



Stt	Nội dung	Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết	Tán thành		Không có ý kiến		Kết quả		
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ		Số cổ phần	Tỷ lệ
	(Tờ trình số 718/2026/TTr- HDQT ngày 05/06/2026)								
9.	Tờ trình về việc phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt. (Tờ trình số 719/2026/TTr- HDQT ngày 05/06/2026)	678.541.082	678.541.072	99,999 999%	10	0,0000 01%	0	0%	Thông qua
10.	Tờ trình về việc thông qua định hướng Chiến lược phát triển tổng quát giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt. (Tờ trình số 720/2026/TTr- TĐBV ngày 05/06/2026)	678.541.082	675.894.309	99,61%	2.570.273	0,38%	76.500	0,01%	Thông qua

III. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Phiên họp thường niên năm 2026 của ĐHĐCĐ Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 678.544.398 cổ phần, trong đó:

- Tán thành: 678.544.398 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần tham gia biểu quyết.

Kết luận: ĐHĐCĐ thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt.

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết gồm 06 (sáu) trang, được lập xong vào hồi 12h45 ngày 28 tháng 6 năm 2026 và đã được công khai trước Đại hội./.



TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Minh Hoàng

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

THÀNH VIÊN

Trần Nhuận An

THÀNH VIÊN

Nguyễn Hoàng Dương

THÀNH VIÊN

Nguyễn Thị Kim Thanh



DỰ KIẾN NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thời gian: từ 08 giờ 30 phút Chủ nhật, ngày 28 tháng 6 năm 2026

Địa điểm: Hội trường tầng 6, Tòa nhà Bảo Việt, 71 Ngô Sĩ Liên, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội

TT	Thời gian	Nội dung
1	08:30 – 09:00	Đón tiếp đại biểu và cổ đông Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt
2	09:00 – 09:05	Ôn định tổ chức chuẩn bị Đại hội, chào cờ Tuyên bố lý do và khai mạc
3	09:05 – 09:10	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và tính hợp lệ của Đại hội
4	09:10 – 09:25	Giới thiệu và thông qua: + Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ + Thành phần đoàn Chủ tịch Đại hội + Ban kiểm phiếu
5	09:25 – 09:30	Giới thiệu Ban thư ký Đại hội
6	09:30 – 09:35	Giới thiệu và thông qua: Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
7	09:35 – 09:45	Nội dung 1: Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt
8	09:45 – 09:55	Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
9	09:55 – 10:05	Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
10	10:05 – 10:10	Nội dung 4: Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt
11	10:10 – 10:20	Nội dung 5: Tờ trình về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần thứ 16)
12	10:20 – 10:30	Nội dung 6: Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)
13	10:30 – 10:40	Nội dung 7: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt
14	10:40 – 10:50	Nội dung 8: Tờ trình về việc chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên năm 2025 và đề xuất mức thù lao năm 2026
15	10:50 – 11:00	Nội dung 9: Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt
16	11:00 – 11:10	Nội dung 10: Tờ trình về việc thông qua định hướng chiến lược phát triển tổng quát giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt
17	11:10 – 11:30	Cổ đông thảo luận và biểu quyết các Nội dung của Đại hội
18	11:30 – 11:45	NGHỈ GIẢI LAO
19	11:45 – 11:50	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội
20	11:50 – 12:00	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội
21	12:00	Bế mạc Đại hội

Handwritten signature

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

Số: 709/2026/BC-TĐBV

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT****Kính thưa các Quý vị Cổ đông!**

Thay mặt Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt, Tôi xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 là một năm ghi dấu sự bứt phá mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam sau giai đoạn phục hồi, dù bối cảnh thế giới vẫn tồn tại nhiều biến động phức tạp. Sự phân tách chuỗi cung ứng và những điều chỉnh chính sách thương mại từ các nền kinh tế lớn đã tạo ra cả thách thức lẫn cơ hội; các cuộc xung đột địa chính trị vẫn tiếp diễn gây áp lực lên chi phí logistics toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã vững vàng trong việc điều hành chính sách tiền tệ và tài khóa, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát dưới mức 4,5%. Các tổ chức quốc tế như IMF và World Bank đánh giá Việt Nam là động lực tăng trưởng quan trọng của khu vực. Mức tăng trưởng GDP cả năm 2025 đạt 8,02%, nền kinh tế Việt Nam có một năm bứt phá ấn tượng.

Năm 2025, thị trường bảo hiểm có sự phân hóa rõ nét giữa các phân khúc và đối mặt với sự tái cấu trúc sâu rộng. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2025 giảm -1,9% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu khai thác mới (FYP) của nhiều doanh nghiệp Top đầu vẫn tiếp tục đà giảm mạnh do ảnh hưởng từ việc thu hẹp mạng lưới đại lý và thắt chặt quy trình tư vấn. Tuy nhiên, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ lại duy trì đà tăng trưởng tích cực với mức tăng 11,0%, trong đó các nghiệp vụ như bảo hiểm sức khỏe (tăng 10,2%), bảo hiểm xe cơ giới (tăng 12,2%) và bảo hiểm tài sản - kỹ thuật (tăng 11,2%) tiếp tục là động lực chính của thị trường nhờ nhu cầu bảo vệ thực tế của người dân và doanh nghiệp tăng cao sau các biến động về môi trường và y tế. Đặc biệt, tỷ lệ bồi thường gốc

toàn thị trường có xu hướng tăng nhẹ, đặt ra thách thức về quản trị rủi ro cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

Với những nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025, Hội đồng Quản trị Tập đoàn phê duyệt, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 59.700 tỷ đồng, tăng trưởng 5,0% so với cùng kỳ, hoàn thành 102,5% kế hoạch năm 2025, trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 44.941 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 14.040 tỷ đồng, hoàn thành 106,4% kế hoạch năm 2025. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) Hợp nhất đạt 3.554 tỷ đồng, hoàn thành 124,9% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 33,5% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế (LNST) Hợp nhất đạt 2.922 tỷ đồng, hoàn thành 127,0% kế hoạch năm 2025, tăng 33,2% so với năm trước.

- Tổng doanh thu của Công ty Mẹ đạt 1.828 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024; LNTT và LNST đạt 1.285 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch năm 2025, tăng 8,9% so với cùng kỳ; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 17,3%, Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt 6,9%.

Các Công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt cũng hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 do Tập đoàn Bảo Việt giao, cụ thể:

- Trong lĩnh vực bảo hiểm: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, dẫn dắt trên thị trường và được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước cũng như khách hàng, đối tác đánh giá cao về uy tín, tốc độ tăng trưởng, tính bền vững. Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) năm 2025 đạt 12.920 tỷ đồng, hoàn thành 101,9% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8,3% so với năm 2024. LNTT đạt 374 tỷ đồng, LNST đạt 300 tỷ đồng; lần lượt hoàn thành 149,7% và 150,2% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 3,0% và 0,9% so với năm 2024. Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) đạt 45.260 tỷ đồng, hoàn thành 102,5% kế hoạch năm 2025. LNTT đạt 2.669 tỷ đồng, hoàn thành 126,2% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 44,2% so với năm 2024. LNST đạt 2.168 tỷ đồng, hoàn thành 127,5% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 43,6% so với năm 2024. BVNT tiếp tục dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ về tổng doanh thu phí bảo hiểm.

- Trong lĩnh vực đầu tư:

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 199 tỷ đồng, hoàn thành 104,9% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 13,3% so với năm 2024.

LNTT đạt 97 tỷ đồng, hoàn thành 102,9% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 6,3% so với năm 2024. LNST đạt 77 tỷ đồng – hoàn thành 102,5% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 5,9% so với năm 2024.

+ Tổng doanh thu thực hiện của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đạt 1.032 tỷ đồng, hoàn thành 100,7% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8,7% so với năm 2024. LNTT và LNST thực hiện lần lượt đạt 240 tỷ đồng và 204 tỷ đồng, hoàn thành tương ứng 106,9% và 113,6% kế hoạch năm 2025.

- Trong lĩnh vực đầu tư và quản lý bất động sản: Doanh thu của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt (BVI) đạt 236 tỷ đồng, hoàn thành 105,6% kế hoạch năm 2025; LNTT và LNST đạt 12,7 tỷ đồng và 10,1 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 113,7% và 114,7% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng tương ứng 11,1% và 15,5% so với cùng kỳ.

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong năm 2025 đã nỗ lực triển khai thành công những giải pháp đã đề ra để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Tập đoàn.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026, các tổ chức kinh tế lớn đều dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp hơn mức trung bình giai đoạn tiền đại dịch, tăng trưởng sẽ duy trì ở mức thấp (khoảng 2,9%) do tác động của các biện pháp thuế quan, bất ổn chính sách và căng thẳng thương mại gia tăng. Nền kinh tế thế giới phải đối mặt với rủi ro từ sự leo thang xung đột tại Trung Đông, đặc biệt là nguy cơ đóng cửa eo biển Hormuz – tuyến hàng hải huyết mạch vận chuyển 20% lượng dầu khí toàn cầu. Những diễn biến này trực tiếp gây ra áp lực lạm phát nhập khẩu, làm đứt gãy chuỗi cung ứng năng lượng và đẩy chi phí logistics, phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh lên mức cao kỷ lục. Đặc biệt, những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ cùng các kịch bản biến động tỷ giá và lãi suất được dự báo sẽ gây ảnh hưởng sâu sắc đến trật tự kinh tế toàn cầu. Trong nước, dù các tổ chức như IMF, WB và ADB dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 dao động từ 5,6% đến 6,3% do ảnh hưởng từ cầu thế giới yếu, Chính phủ Việt Nam vẫn đặt ra mục tiêu với quyết tâm đưa tăng trưởng kinh tế đạt mức 2 con số (từ 10% trở lên). Đây là mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2026-2030, thể hiện ý chí chính trị mạnh mẽ nhằm tạo đột phá thông qua cải cách thể chế, thúc đẩy kinh tế số, trí tuệ nhân tạo và đầu tư hạ tầng quy mô lớn để nâng tầm vị thế quốc gia.

Trong bối cảnh đó, cùng với sự hỗ trợ từ các Nghị quyết chiến lược của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết 79-NQ/TW và 68-NQ/TW, ngành bảo hiểm và tài chính Việt

Nam được nhận định sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng thực chất, bền vững hơn, đánh dấu năm 2026 là điểm khởi đầu cho một chu kỳ phát triển mới sau giai đoạn tái cấu trúc sâu rộng. Theo dự báo thị trường, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ sẽ duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ nhờ định hướng đẩy mạnh giải ngân đầu tư công của Chính phủ và sự phục hồi của sản xuất - xuất khẩu. Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tập trung vào chất lượng để bứt phá khi niềm tin tiêu dùng được cải thiện và hành lang pháp lý được hoàn thiện khi Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi có hiệu lực từ đầu năm 2026. Với vị thế là định chế tài chính - bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt đang đứng trước cơ hội tái định vị toàn diện, không chỉ tiên phong ứng dụng công nghệ số và AI trong bảo hiểm mà còn phát huy thế mạnh của ngành tài chính trong việc đón đầu vận hội nâng hạng thị trường chứng khoán, thực thi kỷ luật đầu tư nghiêm ngặt, dịch chuyển danh mục sang các tài sản an toàn và thanh khoản cao nhằm bảo toàn vốn trước biến động tỷ giá và giá dầu toàn cầu, từ đó dẫn dắt thị trường đạt được các mục tiêu tăng trưởng và an sinh xã hội trong giai đoạn mới.

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Căn cứ dự báo diễn biến thị trường năm 2026, Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch kinh doanh 2026 của Công ty Mẹ với một số chỉ tiêu tài chính như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt 2.015 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2%.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.320 tỷ đồng, tăng trưởng 2,7%.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE) dự kiến đạt 6,9%.

2. Các giải pháp trọng tâm năm 2026

Với tâm thế chủ động “Kiến tạo vị thế - dẫn lối tương lai”, Bảo Việt đã sẵn sàng tinh thần chủ động, sáng tạo, linh hoạt và quyết liệt trong điều hành để thích ứng kịp thời trước những biến động và thách thức mới. Thông qua mô hình “Chuyển đổi kép” kết hợp giữa “Chuyển đổi số” và “Chuyển đổi xanh”, Bảo Việt hướng đến mục tiêu phát triển hài hòa và bền vững giữa các giá trị kinh tế, xã hội và môi trường. Năm 2026, với quyết tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Bộ Tài chính, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao, Tập đoàn Bảo Việt tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh Đề án Hợp lực giữa các đơn vị trong toàn Tập đoàn nhằm nâng tầm sức mạnh cộng hưởng “Một Bảo Việt”. Trong đó, tập trung tăng cường hoạt động bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên, đẩy mạnh hoạt động sử dụng dịch vụ nội bộ trong hệ sinh thái Tài chính – Bảo hiểm – Ngân hàng – Đầu tư của Bảo Việt.

Thứ hai, đẩy mạnh tiến độ triển khai hệ thống phần mềm core lõi, các dự án trọng điểm để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, tăng cường ứng dụng AI vào các hoạt động quản trị điều hành, các phần mềm nghiệp vụ, tích hợp sâu rộng công nghệ vào hệ sinh thái

tài chính - bảo hiểm nhằm tối ưu hóa năng lực quản trị, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và kiến tạo trải nghiệm khách hàng vượt trội.

Thứ ba, tập trung phát triển sản phẩm, kênh phân phối theo hướng: (i) Đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng các sản phẩm chuyên biệt cho từng đối tượng khách hàng, từng địa bàn; (ii) Hiện đại hóa kênh truyền thông và tăng tốc mở rộng kênh số; khai thác triệt để dư địa từ hoạt động bán chéo trong hệ sinh thái Tập đoàn; (iii) Tăng cường các giải pháp “số hóa”, lấy công nghệ làm nền tảng tạo đột phá trong trải nghiệm khách hàng, biến dịch vụ thành lợi thế cạnh tranh bền vững.

Thứ tư, thực hiện tinh gọn bộ máy tổ chức theo mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, nâng cao năng suất lao động, thu hút và giữ chân nhân tài, xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn. Ưu tiên đầu tư đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy đổi mới và năng lực làm việc chuyên nghiệp trong môi trường số hóa.

Thứ năm, đẩy mạnh các chiến dịch truyền thông, tập trung lan tỏa sâu rộng hình ảnh thương hiệu cùng các kết quả kinh doanh nổi bật và hoạt động cộng đồng ý nghĩa. Thông qua việc tham gia các giải thưởng uy tín và các chương trình an sinh xã hội, Tập đoàn Bảo Việt khẳng định vị thế dẫn dắt trên thị trường, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và thắt chặt tinh thần gắn kết bền vững trong toàn hệ thống.

Với quyết tâm mạnh mẽ trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên toàn hệ thống, cùng tinh thần Đoàn kết - Chia sẻ - Hợp lực - Đổi mới - Tiên phong của toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên và tư vấn viên, Bảo Việt đã và đang chuẩn bị vững chắc các nguồn lực nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2026, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin gửi tới toàn thể Quý vị Cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và chúc Đại hội thành công tốt đẹp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Phi

CICP * NỘI

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

Số: 710/2026/BC-HĐQT

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026****Kính thưa các Quý vị Cổ đông!**

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025, định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2026 như sau:

PHẦN I**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025**

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì đà phục hồi mạnh và đạt mức tăng trưởng cao, tạo nền tảng thuận lợi cho thị trường tài chính – bảo hiểm. GDP cả năm tăng 8,02%, quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD; lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức 3,31%; dòng vốn FDI thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0%; tín dụng tăng khoảng 19%, góp phần hỗ trợ sản xuất – kinh doanh, đầu tư và tiêu dùng, song cũng làm gia tăng áp lực cân đối thanh khoản, lãi suất và chất lượng tín dụng. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 10% trong khi thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục đà suy giảm với tổng doanh thu phí giảm 1,7%.

Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt năm 2025 đã đạt được những kết quả ấn tượng, cụ thể:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 59.700 tỷ đồng, hoàn thành 102,5% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 5%; lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 2.922 tỷ đồng, hoàn thành 127,0% kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 33,2%.

- Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 1.828 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8%; LNST đạt 1.285 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 8,9%; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 17,3%.

- Các Đơn vị thành viên tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường thông qua sự tăng trưởng bền vững và năng lực cạnh tranh vượt trội. Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) giữ vững đà tăng trưởng tích cực nhờ sự cải thiện trong nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh doanh các nghiệp vụ trọng tâm, duy trì vị trí số 2 thị trường về doanh thu phí bảo hiểm gốc. Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường về thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm (BVNT đạt mức tăng trưởng tổng doanh thu phí 1,5%, cao hơn so với mức tăng trưởng của thị trường) và doanh thu khai thác mới trong năm 2025, cùng cố vững



chắc danh hiệu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ uy tín nhất Việt Nam. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF) tiếp tục phát huy vai trò chuyên gia trong quản trị danh mục đầu tư, cung cấp các giải pháp tài chính đa dạng và hiệu quả cho nhà đầu tư, góp phần củng cố nền tảng tài chính vững chắc cho toàn hệ thống.

Kết quả đạt được nêu trên là nhờ sự thống nhất cao trong tập thể HĐQT và sự nỗ lực tích cực của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng yếu như sau:

Thứ nhất, thực hiện tinh gọn bộ máy tổ chức tại Công ty mẹ, tăng cường nhân sự có chất lượng tham gia vào HĐQT, Hội đồng thành viên tại các công ty có vốn đầu tư chiến lược gắn với việc phân cấp thẩm quyền rõ rệt tới các đơn vị nhằm tạo sự chủ động trong điều hành hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, tăng cường vai trò tham mưu, giúp việc của các Ủy ban thuộc HĐQT.

Thứ ba, đẩy mạnh kiểm soát hoạt động tài chính tại các đơn vị nhằm tối ưu hoá nguồn lực, kiểm soát các khoản chi nghiệp vụ kém hiệu quả, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

Thứ tư, đẩy mạnh đầu tư cho công nghệ thông tin và chuyển đổi số để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh.

Thứ năm, nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp thông qua việc xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của Tập đoàn và các đơn vị phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, xuyên suốt trong toàn hệ thống.

1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT năm 2025

HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025; tổ chức 04 (bốn) cuộc họp HĐQT và đã vận hành linh hoạt cơ chế lấy ý kiến bằng văn bản song hành cùng các kỳ họp trực tiếp, đảm bảo tính kịp thời và chuẩn xác trong việc điều hành hệ thống.

Với 123 phiếu xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định quan trọng định hướng cho các hoạt động cốt lõi của Tập đoàn, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2025.

Bảng tổng hợp các Nghị quyết, Quyết định HĐQT năm 2025 đã được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2025.

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ (PHRL) năm 2019 theo đúng mục đích đã được phê duyệt, cụ thể:

- Tổng số vốn huy động thành công: 4.011.741.161.610 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 đến ngày 31/05/2026 như sau:

m

ĐVT: tỷ đồng

TT	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng vốn đã phê duyệt	Đã sử dụng trong giai đoạn từ 01/6/2025 đến 31/5/2026	Đã sử dụng lũy kế đến 31/05/2026	Số còn lại chưa sử dụng tại 31/5/2026
1	Tăng vốn cho các Đơn vị thành viên	3.800,00	-	1.850,00	1.950,00
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin	200,00	5,95	166,76	33,24
3	Bổ sung vốn lưu động	11,74	-	11,74	-
	TỔNG	4.011,74	5,95	2.028,50	1.983,24

Nguồn vốn còn lại, trong thời gian chưa sử dụng, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đầu tư tiên gửi để gia tăng hiệu quả kinh doanh.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2025

Các thành viên HĐQT đã tham gia các cuộc họp của HĐQT theo quy định và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

- Các thành viên HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc lập và thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT; chỉ đạo, quản lý và giám sát Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT; giao nhiệm vụ để các Ủy Ban trực thuộc HĐQT và Ban Kiểm toán nội bộ phát huy chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Các thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt, các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt đã chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025 của các đơn vị, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 của toàn Tập đoàn.

3. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Các thành viên độc lập HĐQT thống nhất đánh giá hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã được tổ chức và triển khai tuân thủ theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện hiệu quả vai trò khách quan của mình, tham gia sâu sát vào quá trình xây dựng định hướng chiến lược phát triển của Tập đoàn, xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và giám sát minh bạch nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông. Mỗi thành viên độc lập HĐQT đều được phân công đảm nhiệm vai trò Ủy viên tại các ủy ban trọng yếu trực thuộc HĐQT gồm Ủy ban Thù lao & Bỏ

nhiệm, Ủy ban Chiến lược & Đầu tư, và Ủy ban Kiểm toán. Các thành viên độc lập HĐQT đã tích cực tham gia ý kiến đối với các nội dung của HĐQT liên quan đến công tác nhân sự, lương thưởng, chiến lược đầu tư, giám sát tài chính và kiểm soát nội bộ, đồng thời đưa ra các khuyến nghị hiệu quả cho Tập đoàn.

Bên cạnh công tác quản trị, các thành viên độc lập HĐQT đã định hướng và thúc đẩy mạnh mẽ việc phát triển các hợp tác chiến lược của Tập đoàn với các Tập đoàn/doanh nghiệp lớn hàng đầu thị trường.

Chi tiết Báo cáo đánh giá của các thành viên độc lập HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại Phụ lục 01, 02 và 03 đính kèm.

4. Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm toán nội bộ

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO)) và Ban Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành tốt các chức năng chuyên trách, phát huy vai trò là cơ quan tham mưu chiến lược cho HĐQT. Thông qua việc cung cấp các đánh giá chuyên sâu và phản biện kịp thời, các cơ quan này đã hỗ trợ HĐQT đưa ra những quyết sách quan trọng trong các lĩnh vực trọng yếu về việc hoạch định lộ trình chiến lược dài hạn, thẩm định quản trị đầu tư, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo cấp cao, tối ưu hóa cơ chế thù lao, cũng như đảm bảo tính minh bạch trong kiểm toán và hiệu quả quản trị danh mục tài sản nợ - tài sản có (ALCO)...

Báo cáo chi tiết về hoạt động của các Ủy ban và Ban Kiểm toán nội bộ đã được công bố tại Báo cáo Quản trị năm 2025 và Báo cáo thường niên 2025 của Tập đoàn Bảo Việt.

5. Giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt

HĐQT đã thực hiện giám sát trách nhiệm thực thi của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thông qua cơ chế báo cáo tại các cuộc họp định kỳ, các báo cáo chuyên đề, báo cáo bất thường liên quan đến kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc tuân thủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Qua quá trình giám sát, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực, quyết tâm của Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 và hoàn thành tốt các trách nhiệm điều hành Tập đoàn trong bối cảnh thị trường bảo hiểm có sự phân hóa sâu sắc, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc thực thi Luật Kinh doanh bảo hiểm mới và gánh nặng chi phí bồi thường do thiên tai tăng cao.

Kết quả đánh giá cho thấy, Ban điều hành đã bám sát chiến lược, đảm bảo tiến độ triển khai và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật cũng như Điều lệ Tập đoàn. Các nội dung trọng yếu đều được thực thi hiệu quả, góp phần bảo đảm sự minh bạch trong công tác quản trị và tối ưu hóa giá trị cho cổ đông.

6. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Bên có liên quan

Trong năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các Công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Bảo Việt thông qua hoạt động đầu tư, cung cấp/sử dụng các dịch vụ của Tập đoàn Bảo Việt và các Công

My

ty Con, Công ty liên kết theo quy định. Thông tin về các giao dịch được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt. HĐQT đánh giá các giao dịch này đã tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn và các bên có liên quan, khai thác được lợi thế của các đơn vị trong hệ thống nội bộ Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn.

II. Báo cáo tình hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt năm 2025

Báo cáo tình hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt năm 2025 đã được xây dựng đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính) và các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến theo thông lệ quốc tế (thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN - ACGS). Việc chủ động ứng dụng bộ tiêu chuẩn ACGS đã giúp Bảo Việt được công nhận và chấp thuận đánh giá hiệu quả công tác quản trị công ty bởi DowJones – CSA Ratings, từ đó, nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

Toàn bộ các thông tin chi tiết về cơ cấu và kết quả quản trị năm 2025 đã được công bố đầy đủ trong Báo cáo thường niên 2025 của Tập đoàn.

PHẦN II

BÁO CÁO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2026

Bước sang năm 2026, năm mở đầu giai đoạn phát triển 2026–2030, với thành công của Đại hội Đảng lần thứ XIV cùng công tác kiện toàn nhân sự Chính phủ nhiệm kỳ 2026–2031 được thực hiện quyết liệt và đồng bộ, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với quyết tâm cao độ thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 và bình quân giai đoạn 2026–2030 đạt từ 10%/năm trở lên, đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2026, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu dự kiến như sau:

Tổng doanh thu dự kiến đạt 2.015 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2%.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.320 tỷ đồng, tăng trưởng 2,7%.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE) dự kiến đạt 6,9%.

- Chỉ đạo Tập đoàn và các Đơn vị thành viên đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025, rà soát lại các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030 gắn với kế hoạch cơ cấu vốn để đề xuất điều chỉnh phù hợp với bối cảnh thị trường cũng như những định hướng lớn của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của đơn vị.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái tích hợp tài chính – đầu tư – bảo hiểm – chăm sóc sức khoẻ - công nghệ.

Để đạt được mục tiêu trên, Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc Tập đoàn triển khai thực hiện các giải pháp trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường năng lực tài chính cho các đơn vị trong hệ thống Tập đoàn thông qua việc nghiên cứu và thực hiện tăng vốn cho Công ty mẹ, các công ty con và/hoặc cổ phần hoá các công ty con của Tập đoàn theo phương án phù hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các đơn vị trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Thứ hai, hoàn thiện mô hình quản trị theo thông lệ tiên tiến, chủ động đáp ứng các chuẩn mực về quản trị, an toàn tài chính và minh bạch thông tin.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình kinh doanh gắn với chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Thứ tư, phát huy sức mạnh hệ sinh thái và nâng cao hiệu quả hợp lực toàn Tập đoàn.

Thứ năm, nghiên cứu và thúc đẩy đầu tư hoàn thiện hệ sinh thái; đầu tư vào những lĩnh vực tiềm năng gắn liền với hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn; đầu tư ra nước ngoài khi có cơ hội tốt.

Với những mục tiêu và định hướng giải pháp đã đặt ra trong năm 2026 nêu trên, HĐQT cần tiếp tục vận hành theo cơ chế linh hoạt, đưa ra những quyết định mang tính định hướng, dẫn dắt và đảm bảo tính thống nhất trong việc thực thi các mục tiêu kinh doanh, mục tiêu chiến lược trọng yếu; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, xuyên suốt giữa Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Tập đoàn và Hội đồng Thành viên và Ban Điều hành tại các Đơn vị thành viên. Đồng thời, HĐQT cần nâng cao vai trò của các Ủy ban trực thuộc HĐQT và Ban Kiểm toán nội bộ để nâng cao chất lượng tham mưu, tư vấn cho HĐQT.

Kính thưa Quý cổ đông!

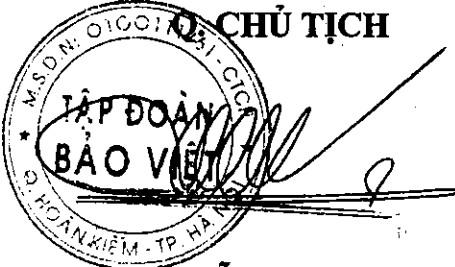
Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025, định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2026. Hội đồng Quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thừa Nhật

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VỀ HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Nghị định 155) của Chính phủ và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi một số điều của Nghị định 155 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán,

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định, tôi đã tham gia đầy đủ và có trách nhiệm vào các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:

- Tham gia 03/04 phiên họp của HĐQT, vắng mặt 01 phiên họp HĐQT (phiên họp HĐQT quý I năm 2025) do đi công tác và đã uỷ quyền cho ông Trịnh Hồng Quang – Thành viên độc lập HĐQT tham dự và ký biên bản cuộc họp. Tôi đã nghiên cứu tài liệu và đưa ra ý kiến biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền của thành viên HĐQT, đảm bảo tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- Nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho các kế hoạch hoạt động, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2025.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết, Quyết định, văn bản khác của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đưa ra các kiến nghị nhằm khắc phục tồn tại và hạn chế rủi ro.

2. Vai trò Ủy viên Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ủy ban, đóng góp ý kiến về việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao và nhân sự chủ chốt tại Tập đoàn và các Công ty con.
- Giám sát việc xây dựng và thực hiện cơ chế lương thưởng theo hướng nâng cao năng suất lao động và khuyến khích các sáng kiến đột phá trong kinh doanh.
- Đóng góp ý kiến vào quy trình bổ nhiệm đảm bảo tính minh bạch, khách quan và phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn trong giai đoạn mới.



II. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

1. Về cơ cấu tổ chức: HĐQT đã kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, đảm bảo sự ổn định và vận hành thông suốt của bộ máy, tạo tiền đề vững chắc cho việc thực thi các mục tiêu chiến lược. Công tác quản trị được triển khai theo mô hình quản lý hiện đại; phân công phụ trách rõ ràng các mảng trọng yếu từ chiến lược, quản lý tài chính, quản lý nguồn nhân lực, truyền thông thương hiệu cho đến quan hệ nhà đầu tư (IR).

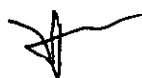
2. Về chế độ hoạt động: Các phiên họp được tổ chức đầy đủ, đúng trình tự pháp luật; công tác xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được triển khai bài bản và kịp thời. Quy trình ra quyết định, nghị quyết của HĐQT luôn tuân thủ quy định pháp luật, các chỉ đạo, định hướng của Bộ Tài chính cũng như Đảng ủy Tập đoàn. Cơ chế cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu phục vụ các kỳ họp (đặc biệt là Đại hội đồng cổ đông) được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tính minh bạch, chính xác.

3. Về kết quả quản trị và giám sát: Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, Tập đoàn Bảo Việt khẳng định vị thế vững chắc khi đạt doanh thu ấn tượng, xếp hạng thứ 163 trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á (Fortune Southeast Asia 500). HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, doanh nghiệp và quyền lợi cho cán bộ nhân viên, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	TH so với Kế hoạch (%)	TH năm 2025 so với TH năm 2024 (%)
*Hợp nhất				
Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	59.700	102,5%	105,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	2.922	127,0%	133,2%
Nợ ngân sách	Tỷ VNĐ	2.386	113,6%	115,6%
*Công ty Mẹ				
Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	1.828	100,0%	108,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	1.285	100,8%	108,9%
Nợ ngân sách	Tỷ VNĐ	604	103,3%	102,3%

(Số liệu theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán).

Trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế thế giới nhiều bất ổn, thị trường bảo hiểm tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thị trường bảo hiểm nhân thọ, tuy nhiên tổng doanh thu hợp nhất của Bảo Việt vẫn tăng dần qua các năm, thể hiện định hướng phát



triển đúng đắn, bền vững của Tập đoàn cũng như những nỗ lực của toàn thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên trong toàn hệ thống.

4. Chuyển đổi số: HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo triển khai các sáng kiến chuyển đổi số, ứng dụng AI và Big Data vào công tác quản trị rủi ro và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Định hướng chuyển đổi từ quản trị truyền thống sang số hóa toàn diện được hiện thực hóa bằng việc ban hành và đưa vào áp dụng các giải pháp đột phá, tiêu biểu như *Hệ thống lưu trữ điện tử thông minh (BVSA)* ứng dụng công nghệ OCR giúp tiết kiệm 20-30% chi phí vận hành kho, *hệ thống dữ liệu tập trung trên nền tảng số* giúp đẩy nhanh tốc độ ra quyết định và chuẩn hóa kho dữ liệu số tập trung. Bên cạnh đó, việc đổi mới xây dựng Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững ứng dụng công nghệ tương tác đã giúp Bảo Việt vinh dự đạt giải Bạch Kim danh giá của LACP tại Hoa Kỳ và lọt Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes bình chọn.

5. Quản trị rủi ro & Uy tín thương hiệu: Hệ thống kiểm soát nội bộ được củng cố, đảm bảo an toàn hoạt động và kiểm soát tốt tỷ lệ nợ xấu/rủi ro trong danh mục đầu tư. HĐQT đã chỉ đạo thiết lập hệ thống nhận diện bất thường, dự báo xu hướng để bảo vệ an toàn nguồn vốn của Nhà nước và cổ đông. Công tác quản trị rủi ro uy tín và xử lý khủng hoảng truyền thông trong toàn hệ thống cũng được nâng cao chủ động. Nhờ nền tảng quản trị rủi ro bền vững và minh bạch, Tập đoàn Bảo Việt là định chế tài chính duy nhất của Việt Nam duy trì sự hiện diện liên tiếp trong *Chỉ số bền vững Dow Jones (DJSI)* toàn cầu trong 3 năm liên tiếp. Kết quả đánh giá ghi nhận điểm số của Tập đoàn Bảo Việt cao hơn 59% các doanh nghiệp thuộc ngành bảo hiểm toàn cầu, minh chứng cho tính minh bạch và định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn.

6. Về công tác an sinh xã hội

Tôi ghi nhận và đánh giá cao những kết quả tích cực mang tính nhân văn sâu sắc mà HĐQT đã chỉ đạo Tập đoàn thực hiện trong năm 2025. Bằng tinh thần chủ động và trách nhiệm cao với cộng đồng, Tập đoàn Bảo Việt cùng các đơn vị thành viên đã dành tổng kinh phí khoảng 15,5 Tỷ VNĐ cho công tác an sinh xã hội trên toàn quốc. Trong đó, công tác điều hành ghi nhận sự phân bổ nguồn lực kịp thời với khoảng 10 Tỷ VNĐ tập trung hỗ trợ khắc phục thiên tai, bão lũ tại 16 tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung và Nam Trung Bộ.

HQĐT Tập đoàn Bảo Việt cũng đã định hướng và giám sát chặt chẽ việc triển khai đồng bộ các giải pháp an sinh lâu dài như hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, chăm lo gia đình chính sách và nâng bước học sinh nghèo, đối tượng yếu thế. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện cam kết gắn liền sự phát triển của Tập đoàn với lợi ích của cộng đồng, mà còn phản ánh năng lực quản trị rủi ro xã hội hiệu quả của HĐQT, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho toàn hệ thống.

III. KẾT LUẬN

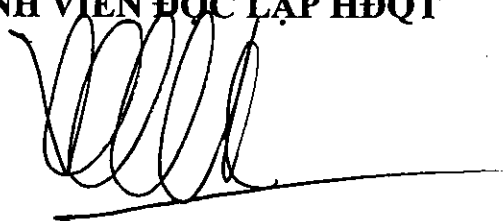
Trên cơ sở giám sát độc lập, tôi đánh giá hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025 đã được tổ chức và triển khai tuân thủ toàn diện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. HĐQT đã phát huy tốt vai trò xuyên suốt trong việc định hình đường lối chiến lược, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần đổi mới sáng tạo và tối ưu hóa hiệu quả quản trị các nguồn lực toàn hệ thống.

HĐQT đưa ra nhiều giải pháp quản trị hiệu quả, thể hiện vai trò xuyên suốt trong định hướng chiến lược kinh doanh và hoạt động toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của Tập đoàn và các Công ty Con luôn đi đúng định hướng chiến lược và phù hợp với tình hình phát triển của thị trường.

Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành Tập đoàn trong hoạt động điều hành cũng như trong công tác quản trị rủi ro, đóng góp vào hiệu quả hoạt động kinh doanh chung toàn hệ thống.

Tập thể thành viên HĐQT luôn giữ vững bản lĩnh nghề nghiệp, đề cao tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết và không ngừng nỗ lực vì mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn, bảo đảm sự minh bạch và bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông cũng như các bên liên quan.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Dương Trí Thành

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Nghị định 155) của Chính phủ và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi một số điều của Nghị định 155 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định, tôi đã tham gia đầy đủ và có trách nhiệm vào các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT (04/04), nghiên cứu tài liệu và đưa ra ý kiến biểu quyết rõ ràng về các vấn đề thuộc thẩm quyền của thành viên HĐQT, đảm bảo tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

- Nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho các kế hoạch hoạt động, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2025.

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết, Quyết định, văn bản khác của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đưa ra các kiến nghị nhằm khắc phục tồn tại và hạn chế rủi ro.

2. Vai trò Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư:

- Tham gia đóng góp ý kiến đầy đủ về các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

- Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; chiến lược, chính sách về quản lý rủi ro đầu tư; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Kết nối phát triển hợp tác chiến lược với Vietnam Airlines:

- Với tư cách là thành viên độc lập, tôi đã tích cực thúc đẩy các chương trình hợp tác giữa Vietnam Airlines và Tập đoàn Bảo Việt cùng các Đơn vị thành viên của Tập đoàn nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng.

- Chỉ đạo việc xây dựng và triển khai các sản phẩm bảo hiểm hàng không tích hợp, tận dụng mạng lưới khách hàng và kênh truyền thông của cả hai bên để mở rộng thị phần.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

1. Về cơ cấu tổ chức: HĐQT đã kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, đảm bảo sự ổn định và vận hành thông suốt của bộ máy, tạo tiền đề vững chắc cho việc thực thi các mục tiêu chiến lược. Công tác quản trị được triển khai theo mô hình quản lý hiện đại; phân công phụ trách rõ ràng các mảng trọng yếu từ chiến lược, quản lý tài chính, quản lý nguồn nhân lực, truyền thông thương hiệu cho đến quan hệ nhà đầu tư (IR). Đội ngũ cán bộ nhân viên được đào tạo bài bản, được cập nhật các kiến thức chuyên ngành cũng như các kiến thức về chuyển đổi số, AI, big data... qua đó ứng dụng hiệu quả vào công việc, góp phần nâng cao năng suất lao động chung của toàn Tập đoàn.

2. Về chế độ hoạt động: Các phiên họp được tổ chức đầy đủ, đúng trình tự pháp luật; công tác xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được triển khai bài bản và kịp thời. Quy trình ra quyết định, nghị quyết của HĐQT luôn tuân thủ quy định pháp luật, các chỉ đạo, định hướng của Bộ Tài chính cũng như Đảng ủy Tập đoàn. Cơ chế cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu phục vụ các kỳ họp (đặc biệt là Đại hội đồng cổ đông) được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tính minh bạch, chính xác.

3. Chuyển đổi số: HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo triển khai các sáng kiến chuyển đổi số, ứng dụng AI và Big Data vào công tác quản trị rủi ro và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Định hướng chuyển đổi từ quản trị truyền thống sang số hóa toàn diện được hiện thực hóa bằng việc ban hành và đưa vào áp dụng các giải pháp đột phá, tiêu biểu như *Hệ thống lưu trữ điện tử thông minh (BVSA)* ứng dụng công nghệ OCR giúp tiết kiệm 20-30% chi phí vận hành kho, *hệ thống dữ liệu tập trung trên nền tảng số* giúp đẩy nhanh tốc độ ra quyết định và chuẩn hóa kho dữ liệu số tập trung.

4. Quản trị rủi ro: Hệ thống kiểm soát nội bộ được củng cố, đảm bảo an toàn hoạt động và kiểm soát tốt tỷ lệ nợ xấu/rủi ro trong danh mục đầu tư. HĐQT đã chỉ đạo thiết lập hệ thống nhận diện bất thường, dự báo xu hướng để bảo vệ an toàn nguồn vốn của Nhà nước và cổ đông. Công tác quản trị rủi ro uy tín và xử lý khủng hoảng truyền thông trong toàn hệ thống cũng được nâng cao chủ động. Nhờ nền tảng quản trị rủi ro bền vững và minh bạch, Tập đoàn Bảo Việt là định chế tài chính duy nhất của Việt Nam duy trì sự hiện diện liên tiếp trong *Chỉ số bền vững Dow Jones (DJSI)* toàn cầu trong 3 năm liên tiếp. Kết quả đánh giá ghi nhận điểm số của Tập



đoàn Bảo Việt cao hơn 59% các doanh nghiệp thuộc ngành bảo hiểm toàn cầu, minh chứng cho tính minh bạch và định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn.

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở giám sát độc lập, tôi đánh giá hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025 đã được tổ chức và triển khai tuân thủ toàn diện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. HĐQT đã phát huy tốt vai trò xuyên suốt trong việc định hình đường lối chiến lược, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần đổi mới sáng tạo và tối ưu hóa hiệu quả quản trị nguồn lực toàn hệ thống.

HĐQT đưa ra nhiều giải pháp quản trị hiệu quả, thể hiện vai trò xuyên suốt trong định hướng chiến lược kinh doanh và hoạt động toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của Tập đoàn và các Công ty Con luôn đi đúng định hướng chiến lược và phù hợp với tình hình phát triển của thị trường.

Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành Tập đoàn trong hoạt động điều hành cũng như trong công tác quản trị rủi ro, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

Tập thể thành viên HĐQT luôn giữ vững bản lĩnh nghề nghiệp, đề cao tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết và không ngừng nỗ lực vì mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn, bảo đảm sự minh bạch và bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông cũng như các bên liên quan.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Trịnh Hồng Quang

PHỤ LỤC 03

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VỀ HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
HĐQT TRONG NĂM 2025**

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Nghị định 155) của Chính phủ và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi một số điều của Nghị định 155 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định, tôi đã tham gia đầy đủ và có trách nhiệm vào các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:

- Tham gia 03/04 phiên họp của HĐQT, vắng mặt 01 phiên họp HĐQT (phiên họp HĐQT quý I năm 2025) do đi công tác và đã uỷ quyền cho ông Trịnh Hồng Quang – Thành viên độc lập HĐQT tham dự và ký biên bản cuộc họp. Tôi đã nghiên cứu tài liệu và đưa ra ý kiến biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền của thành viên HĐQT, đảm bảo tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

- Giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, đảm bảo tính tuân thủ và kịp thời trong thực thi chiến lược.

- Tham gia ý kiến chuyên môn đối với các định hướng lớn về tài chính, danh mục đầu tư và bảo hiểm, góp phần đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn và bảo toàn tài sản của cổ đông.

2. Vai trò Ủy viên Ủy ban Kiểm toán:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ủy ban; phối hợp cùng các thành viên khác rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả trong quản trị rủi ro toàn hệ thống.

- Theo dõi sát sao chất lượng báo cáo tài chính, đảm bảo quy trình lập và công bố thông tin minh bạch, chính xác theo chuẩn mực kế toán và quy định công bố thông tin cho công ty đại chúng.

- Giám sát toàn diện các loại hình rủi ro đặc thù (rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro bảo hiểm và rủi ro tuân thủ);
- Đánh giá định kỳ kết quả kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; giám sát tiến độ và tính triệt để trong việc khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm toán.
- Đưa ra các khuyến nghị cải thiện quy trình quản trị rủi ro và tăng cường tính độc lập của chức năng kiểm soát nội bộ.
- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề Ban Điều hành trình xin ý kiến HĐQT theo yêu cầu của HĐQT.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

1. Về cơ cấu tổ chức: HĐQT đã thực hiện kiện toàn bộ máy quản trị theo mô hình hiện đại, tinh gọn và phân cấp rõ ràng. Cơ cấu tổ chức không chỉ đảm bảo tính tuân thủ pháp luật mà còn phản ánh sự linh hoạt trong việc phản ứng với các thay đổi của thị trường. Việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT và thiết lập mối quan hệ phối hợp hiệu quả với Ban điều hành đã tạo nên một chuỗi giá trị vận hành thông suốt. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT, đặc biệt là Ủy ban Kiểm toán, đã hoạt động độc lập, phát huy vai trò phản biện, giúp nhận diện kịp thời các rủi ro chiến lược và hỗ trợ HĐQT đưa ra các quyết định có độ chính xác cao.

2. Về chế độ hoạt động và tính minh bạch: Công tác quản trị được thực hiện theo tiêu chuẩn cao nhất về tính minh bạch. Các phiên họp HĐQT không chỉ đơn thuần là thủ tục hành chính mà là diễn đàn thảo luận chuyên sâu về chiến lược. Hồ sơ tài liệu được cung cấp trước các kỳ họp với đầy đủ dữ liệu phân tích, giúp các thành viên độc lập có đủ cơ sở để thực hiện quyền biểu quyết. Đặc biệt, công tác xin ý kiến bằng văn bản được triển khai bài bản, đảm bảo quy trình ra quyết định luôn thượng tôn pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông nhỏ lẻ.

3. Kết quả quản trị, điều hành và quản lý danh mục đầu tư: HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, doanh nghiệp và quyền lợi cho cán bộ nhân viên. Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, Tập đoàn Bảo Việt khẳng định vị thế vững chắc khi đạt doanh thu ấn tượng, xếp hạng thứ 163 trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á (Fortune Southeast Asia 500). Năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện tốt nhiệm vụ kinh

doanh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	TH so với Kế hoạch (%)	TH năm 2025 so với TH năm 2024 (%)
*Hợp nhất				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	59.700	102,5%	105,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.922	127,0%	133,2%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2.386	113,6%	115,6%
*Công ty Mẹ				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.828	100,0%	108,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.285	100,8%	108,9%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	604	103,3%	102,3%

(Số liệu theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán).

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới còn nhiều bất ổn, thị trường bảo hiểm tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thị trường bảo hiểm nhân thọ, tuy nhiên tổng doanh thu hợp nhất của Bảo Việt vẫn tăng dần qua các năm, thể hiện định hướng phát triển đúng đắn, bền vững của Tập đoàn cũng như những nỗ lực của toàn thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên trong toàn hệ thống.

4. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ: HĐQT đã định hướng chuyển đổi số không chỉ là xu thế mà là động lực tăng trưởng cốt lõi. Việc ứng dụng AI, Big Data vào phân tích hành vi khách hàng và tối ưu hóa quy trình bảo hiểm đã giúp nâng cao đáng kể năng suất lao động. Hơn thế nữa, việc số hóa trong công tác quản trị rủi ro cho phép HĐQT theo dõi thời gian thực (real-time) các chỉ số an toàn, từ đó ra quyết định điều chỉnh chính sách đầu tư một cách nhanh chóng, chính xác.

5. ESG và trách nhiệm xã hội: Tập đoàn đã thành công trong việc lồng ghép các chuẩn mực ESG vào chiến lược phát triển. Việc duy trì sự hiện diện trong các chỉ số bền vững quốc tế không chỉ khẳng định uy tín thương hiệu mà còn tạo niềm tin vững chắc cho các nhà đầu tư tổ chức. Các hoạt động an sinh xã hội không dừng lại ở việc tài trợ đơn thuần mà đã trở thành một phần trong chiến lược quản trị rủi ro xã hội, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu trong dài hạn.

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở giám sát độc lập và khách quan, tôi khẳng định rằng toàn bộ hoạt động của HĐQT trong năm 2025 đã được tổ chức và triển khai tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các quy chuẩn quản trị công ty đại chúng. HĐQT đã thể hiện vai trò là "trụ cột" chiến lược, không chỉ định hướng kinh doanh mà còn xây dựng một nền tảng quản trị bền vững, minh bạch, bảo vệ tối đa quyền lợi chính đáng của cổ đông và các bên liên quan.

Ghi nhận những thành quả đã đạt được, tôi đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, và sự đoàn kết của tập thể HĐQT. Đặc biệt, sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng quản trị dựa trên dữ liệu và việc nâng cao tiêu chuẩn kiểm soát rủi ro nội bộ là bước đi đột phá, tạo tiền đề để Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành các mục tiêu chiến lược.

Tuy nhiên, với tư cách là Thành viên độc lập và Ủy viên Ủy ban Kiểm toán, tôi cũng kiến nghị HĐQT cần ưu tiên một số nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới để hiện thực hóa chiến lược tăng trưởng bền vững:

- Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro tích hợp, đặc biệt chú trọng đến các rủi ro mới nổi từ thị trường tài chính số và an ninh mạng.
- Thứ hai, nâng cao hơn nữa tính chủ động trong công tác IR (Quan hệ nhà đầu tư), tăng cường đối thoại minh bạch với cổ đông về định hướng chiến lược dài hạn.
- Thứ ba, tiếp tục đầu tư vào năng lực số hóa của bộ máy quản trị, hướng tới việc áp dụng các mô hình báo cáo tích hợp ESG theo tiêu chuẩn quốc tế cao nhất.

Tôi tin tưởng rằng, với nền tảng quản trị hiện tại cùng sự đồng lòng của toàn thể bộ máy lãnh đạo, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục chinh phục những tầm cao mới, mang lại giá trị vượt trội và bền vững cho Quý cổ đông trong những năm tiếp theo.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Ngô Thị Thu Trang

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Tập đoàn Bảo Việt**

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của BKS và các Quy định có liên quan đến hoạt động của BKS, các Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt (KSV) đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2026 của Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV) với các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**1. Các hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2025 - 2026****1.1. Tổng kết các cuộc họp của BKS**

Giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2025 - 2026 của TĐBV, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp. Việc tổ chức các cuộc họp của BKS đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ TĐBV, Quy chế hoạt động của BKS. Các KSV đã tham dự đầy đủ các cuộc họp trực tiếp và biểu quyết theo đúng quy định. Tại các cuộc họp, BKS đã thảo luận và thống nhất thông qua, tổng kết các nội dung chính như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động của BKS giữa các cuộc họp và thông qua nội dung công việc trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo.
- Thông qua Kế hoạch hoạt động của BKS giữa 2 kỳ ĐHCĐ thường niên 2025 - 2026.
- Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính (Công văn) gửi Hội đồng Quản trị TĐBV (HĐQT) về việc nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo Báo cáo tài chính (BCTC) riêng, BCTC hợp nhất bán niên 2025; Dự thảo BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2025 theo chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam) soát xét, kiểm toán và một số đề xuất, kiến nghị với HĐQT.
- Nội dung Báo cáo hoạt động của BKS tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty niêm yết và Báo cáo thường niên 2025 của TĐBV.
- Các nội dung BKS đã tham gia cho ý kiến đối với một số vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động theo đề nghị của HĐQT trong năm 2025, những tháng đầu năm 2026.
- Các nội dung BKS đã tham gia góp ý đối với các Tờ trình xin ý kiến HĐQT được gửi đồng thời tới BKS.
- Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên 2026 TĐBV.
- Thông qua nội dung Tờ trình của BKS về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2027, 2028, 2029 của TĐBV.

1.2. Các hoạt động của BKS

Ngoài các cuộc họp BKS trực tiếp nêu trên, giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025 - 2026, BKS thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc lấy ý kiến các KSV qua thư điện tử, hệ thống Teams của Tập đoàn khi có các nội dung cần lấy ý kiến của BKS, các nội dung được gửi tới BKS, ngoài ra BKS có các hoạt động khác như:

- Trưởng BKS và các KSV đã tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT do TĐBV tổ chức để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn.
- Thực hiện giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất bán niên và năm 2025 theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký kết với EY Việt Nam; Tham gia ý kiến với Lãnh đạo Tập đoàn trong một số hoạt động quản lý, điều hành;
- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, các quy chế nội bộ của TĐBV và các quy định của Pháp luật có liên quan.

2. Thù lao và chi phí hoạt động BKS và từng KSV năm 2025

- Về thù lao của BKS năm 2025:

Mức thù lao bao gồm thuế thu nhập cá nhân hàng tháng của Trưởng BKS không chuyên trách là 17,2 triệu đồng/tháng và các KSV không chuyên trách là 12 triệu đồng/người.

Về chi phí hoạt động của BKS năm 2025: Tuân thủ theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của TĐBV.

(Chi tiết thù lao năm 2025 của các KSV được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Bảo Việt về Công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính).

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH BCTC

VÀ NHẬN XÉT CỦA BKS

1. Kết quả giám sát, thẩm định BCTC và kết quả kinh doanh của TĐBV

Trong năm 2025, nền kinh tế đã phục hồi, tuy nhiên năm 2025 cũng ghi nhận sự phân hóa rõ nét trong thị trường bảo hiểm do chịu ảnh hưởng chính từ việc thực thi Luật kinh doanh bảo hiểm mới, chi bồi thường bảo hiểm do thiên tai tăng cao, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, nhờ các nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, nắm bắt xu hướng và cơ hội thị trường, Tập đoàn đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao năm 2025, cụ thể:

Công ty Mẹ TĐBV đã hoàn thành kế hoạch với tổng doanh thu là 1.828,38 tỷ đồng, đạt 100,01% kế hoạch, tăng trưởng 8% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế TNDN là 1.285,41 tỷ đồng, đạt 100,84% kế hoạch, tăng trưởng 8,9% so với năm 2024.

Doanh thu hợp nhất đạt 59.699,66 tỷ đồng, vượt 2,5% kế hoạch năm và tăng trưởng 5% đồng thời lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.921,57 tỷ đồng, vượt 27% kế hoạch năm và tăng trưởng 33,2% so với năm 2024. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh được giao.

Qua giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc TĐBV (Q.TGD) trong năm 2025, thông qua việc thẩm định dự thảo BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 của TĐBV theo VAS (đã được kiểm toán), BKS có nhận xét như sau:

1.1. Kết quả giám sát HĐQT

- Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp, các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành ngoài ra để ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định phục vụ việc chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn thuộc thẩm quyền, HĐQT đã chủ động thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản (trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 90 Nghị quyết, 74 Quyết định).

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 vào ngày 21/06/2025, đã chỉ đạo Q.TGD và Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành;

- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT.

Qua việc giám sát, BKS thấy: HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn, các quy định nội bộ của Tập đoàn và quy định của Pháp luật có liên quan. Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ. HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Tập đoàn.

1.2. Kết quả giám sát Quyền TGD

Trong năm 2025, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, Q.TGD và những Người quản lý khác đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý điều hành; đã kịp thời đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2025 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và đồng thời thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành.

Qua công tác giám sát, BKS thấy: trong quá trình điều hành Q.TGD đã tuân thủ theo phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị, các quy định nội bộ của Tập đoàn cũng như các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo của HĐQT. Q.TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.


1.3. Kết quả thẩm định BCTC và kết quả kinh doanh năm 2025

Qua thẩm định các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam, BKS xin báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Về việc thực hiện chế độ kế toán:

+ Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

+ Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng, hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

+ Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán. 

- Về số liệu và kết quả kinh doanh:

BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 của TĐBV theo VAS đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam.

i) BCTC riêng năm 2025 Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt

Theo BCTC riêng năm 2025 (đã được kiểm toán), một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH 2025 (%)	Thay đổi thực hiện năm 2025 với thực hiện năm 2024	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.828,15	1.828,38	100,01%	135,73	8,0%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.274,73	1.285,41	100,84%	105,23	8,9%
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ	17,17%	17,32%	100,8%	-	-

Qua số liệu kết quả kinh doanh tại Bảng trên cho thấy:

- Tổng doanh thu kinh doanh và thu nhập khác trong năm 2025 là 1.828,38 tỷ đồng, đạt 100,01% kế hoạch năm và tăng 135,73 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 8% so với năm 2024, trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính là 1.434,94 tỷ đồng đạt 99,5% kế hoạch năm và tăng 99,41 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 7,4% so với cùng kỳ. Trong năm 2025 lợi nhuận Tập đoàn nhận từ các Công ty con 100% vốn điều lệ đạt 95,08% kế hoạch và tăng 43,77 tỷ đồng, tương ứng tăng 4% so với cùng kỳ.

- Doanh thu tài chính do Tập đoàn tự thực hiện là 310,07 tỷ đồng, đạt 119,68% kế hoạch năm, tăng 55,65 tỷ đồng tương đương tỷ lệ tăng 21,9% so với cùng kỳ. Mức tăng Doanh thu tài chính do Tập đoàn tự thực hiện chủ yếu do tăng doanh thu từ tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia, tiền thanh toán cổ phiếu MSB. Trong năm 2025, kết quả kinh doanh tự thực hiện của Tập đoàn đã cải thiện so với năm 2024, Tập đoàn đã phát sinh thu nhập chịu thuế 10,013 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 1.285,41 tỷ đồng, đạt 100,84% kế hoạch và tăng 105,23 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 8,9% so với năm 2024.

- Một số chỉ tiêu khác về tài chính năm 2025 của Công ty Mẹ TĐBV như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Cơ cấu tài sản		

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	27,78%	25,31%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	72,22%	74,69%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	1,20%	1,06%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	98,80%	98,94%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát = Tổng tài sản/Nợ phải trả	83,05 lần	93,95 lần
2.2. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	24,69 lần	23,78 lần

Các hệ số khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn của Tập đoàn vẫn đều ở mức rất cao, đảm bảo khả năng thanh toán

ii) BCTC hợp nhất năm 2025 toàn Tập đoàn

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh hợp nhất theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thay đổi thực hiện năm 2025 so với năm 2024		Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch năm 2025 (%)
			Số tiền	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)	(6)
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	59.699,66	56.875,47	2.824,19	5,0%	102,5%
- Doanh thu hoạt động bảo hiểm	44.940,74	43.506,34	1.434,40	3,3%	101,1%
- Doanh thu hoạt động khác	590,24	555,87	34,37	6,2%	95,1%
- Doanh thu hoạt động tài chính	14.039,76	12.689,33	1.350,43	10,6%	106,4%
- Thu nhập khác	24,82	29,84	-5,02	-16,8%	
- Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	104,10	94,09	10,01	10,6%	
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.921,57	2.194,17	727,40	33,2%	127%

Handwritten signature

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thay đổi thực hiện năm 2025 so với năm 2024		Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch năm 2025 (%)
			Số tiền	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)	(6)
3. Lợi nhuận thuộc Bảo Việt	2.836,61	2.110,50	726,11	34,4%	
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3.821,00	2.785,00	1.036,00	37,2%	

Với kết quả kinh doanh năm 2025 tại bảng trên, cho thấy:

- Tổng doanh thu năm 2025 là 59.699,66 tỷ đồng, tăng 2.824,19 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 5,0% so với năm 2024, hoàn thành 102,5% kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2025.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 là 2.921,57 tỷ đồng, tăng 727,4 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 33,2% so với năm 2024, đạt 127,0% lợi nhuận kế hoạch năm, việc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận là rất tích cực.

- Lợi nhuận thuộc TĐBV là 2.836,61 tỷ đồng tăng 726,11 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 34,4% so với năm 2024.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 là 3.821 đồng/cổ phiếu tăng 1.036 đồng/cổ phiếu tương ứng tỷ lệ tăng 37,2% so với năm 2024. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có sự tăng trưởng tích cực so với năm 2024 thể hiện được sự hiệu quả trong công tác kinh doanh của toàn Tập đoàn.

Mặc dù năm 2025 TĐBV còn gặp nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng nhiều từ rủi ro thị trường bảo hiểm, rủi ro về thiên tai nhưng toàn Tập đoàn đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hợp nhất so với kế hoạch.

Các chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán, BKS xin tóm lược như sau:

Qua số liệu được tổng hợp nêu trên cho thấy:

Đơn vị: Tỷ đồng

Tài sản	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi tại ngày 31/12/2025 so với tại ngày 31/12/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	150.363,05	121.226,74	29.136,31	24,0%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.194,68	1.464,09	2.730,59	186,5%

Tài sản	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi tại ngày 31/12/2025 so với tại ngày 31/12/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	127.381,98	103.898,04	23.483,94	22,6%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	14.292,37	11.535,42	2.756,95	23,9%
4. Hàng tồn kho	68,01	100,48	-32,47	-32,3%
5. Tài sản ngắn hạn khác	743,60	670,58	73,01	10,9%
6. Tài sản tái bảo hiểm	3.682,41	3.558,13	124,28	3,5%
B. Tài sản dài hạn	141.442,60	130.059,59	11.383,01	8,8%
1. Các khoản phải thu dài hạn	75,35	66,92	8,43	12,6%
2. Tài sản cố định	1.710,87	1.890,64	-179,77	-9,5%
3. Bất động sản đầu tư	102,47	109,96	-7,49	-6,8%
4. Tài sản dở dang dài hạn	146,30	131,65	14,66	11,1%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	139.153,58	127.645,42	11.508,16	9,0%
6. Tài sản dài hạn khác	254,03	215,00	39,03	18,2%
Tổng tài sản	291.805,65	251.286,33	40.519,33	16,1%
NGUỒN VỐN				
C. Nợ phải trả	266.325,31	227.720,44	38.604,87	17,0%
1. Nợ ngắn hạn	64.332,65	40.840,47	23.492,19	57,5%
2. Nợ dài hạn	201.992,66	186.879,97	15.112,68	8,1%
D. Vốn chủ sở hữu	25.480,34	23.565,89	1.914,45	8,1%
Tổng nguồn vốn	291.805,65	251.286,33	40.519,33	16,1%

Qua số liệu được tổng hợp nêu trên cho thấy:

Tổng tài sản/Tổng nguồn vốn của BCTC hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 là 291.805,65 tỷ đồng, tăng 40.519,33 tỷ đồng và tương ứng tỷ lệ tăng 16,1% so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó:

- Về tài sản:

- Tài sản ngắn hạn tăng 29.136,31 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 24% so với năm 2024. Trong đó nguyên nhân tăng chủ yếu do tăng khoản mục “Tiền và các khoản tương đương tiền”, khoản mục “Đầu tư tài chính ngắn hạn” và khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn”.

- Tài sản dài hạn tăng 11.383,01 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 8,8% so với năm 2024. Trong đó nguyên nhân tăng chủ yếu do tăng khoản mục “Đầu tư tài chính dài hạn”.

- Về nguồn vốn:

• Nguồn vốn tăng thêm chủ yếu do khoản mục “Nợ ngắn hạn” tăng 23.492,19 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 57,5%, trong đó khoản mục Phải trả liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu tăng 21.105,46 tỷ đồng; khoản mục “Nợ dài hạn” tăng thêm 15.112,68 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 8,1%, trong đó khoản mục Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng 15.108,39 tỷ đồng.

1.4. Kết quả giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025

- Với kết quả kinh doanh như đã nêu tại mục 1.3 (i) ở trên, năm 2025 Công ty Mẹ TĐBV đã hoàn thành tốt các kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã giao.

- Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2024 theo tỷ lệ 10,551%/mệnh giá cổ phiếu tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 783.224.748.303 đồng, đã trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ -TĐBV ngày 21/06/2025 của ĐHĐCĐTN 2025.

2. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa TĐBV, Công ty con, công ty do TĐBV nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT, Q.TGD, người điều hành khác của TĐBV và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa TĐBV với doanh nghiệp trong đó thành viên HĐQT, Q.TGD, người điều hành khác của TĐBV là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp đó trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

Qua công tác giám sát, BKS thấy:

- Về giao dịch giữa TĐBV với người có liên quan của Tập đoàn; hoặc giữa Tập đoàn với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Trong năm 2025, TĐBV đã thực hiện giao dịch với các bên có liên quan bao gồm: các công ty con của Tập đoàn thông qua hoạt động đầu tư và cung cấp/nhận cung cấp dịch vụ, giao dịch với các cổ đông lớn. Trong đó một số các giao dịch lớn như: đã chi 682.074.903.677 đồng là số tiền cổ tức năm 2025 Tập đoàn thanh toán cho các cổ đông lớn (Bộ Tài chính: 509.096.089.980 đồng; Sumitomo Life Insurance: 172.978.813.697 đồng...) theo Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2025.

Các trường hợp về hợp đồng và giao dịch còn lại đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Tập đoàn ghi trong BCTC gần nhất. Do đó theo quy định tại Khoản 5(a) Điều 40 của Điều lệ Tập đoàn hiện hành các hợp đồng và giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Tập đoàn. Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch này đều được Tập đoàn thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT tại các Nghị quyết của HĐQT; các hợp đồng và giao dịch được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(Chi tiết giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan và cổ đông lớn của Tập đoàn được báo cáo tại Phụ lục 3 của Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2025 theo Công văn số 169/2026/BC-TĐBV ngày 30/01/2026 đã được Tập đoàn Bảo Việt công bố thông tin trên website của Tập đoàn theo đường dẫn: <https://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cong-bo-thong-tin/ArticleList/42/>).

- Giao dịch giữa người nội bộ TĐBV, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do TĐBV nắm quyền kiểm soát: không có.

- Giao dịch giữa TĐBV với các đối tượng khác:
 - Giao dịch giữa TĐBV với Công ty mà thành viên HĐQT, KSV, Q.TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): không có.
 - Giao dịch giữa TĐBV với Công ty mà người có liên quan của Thành viên HĐQT, KSV, Q.TGD là thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD): không có.
- Các giao dịch khác của TĐBV (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, KSV, Q.TGD: không có.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Q.TGD và cổ đông

- Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025 - 2026, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Q.TGD trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn, của cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn. Các KSV đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT.

- Đối với cổ đông: giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025 - 2026, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

III. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ KSV

1. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

Ban Kiểm soát có 03 KSV, các KSV đều hoạt động độc lập, không phải là Người quản lý Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán BCTC của Tập đoàn. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ Tập đoàn, với kết quả hoạt động như đã nêu trên, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã thực hiện đúng chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Q.TGD qua việc quản trị và điều hành Tập đoàn.

- Đã hoàn thành tốt việc thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên và năm 2025 theo VAS đã được EY Việt Nam kiểm toán/soát xét.

- Qua thực hiện nhiệm vụ, BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Q.TGD để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh doanh bền vững của Tập đoàn.

- BKS đã tổ chức các phiên họp định kỳ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS. Để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh, BKS thường xuyên trực tiếp trao đổi hoặc lấy ý kiến các KSV qua thư điện tử và hệ thống Teams của TĐBV.

- BKS đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS. Các quyết định của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các KSV

- Trên cơ sở Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, Bản phân công nhiệm vụ đối với các KSV, các KSV đều đã tích cực tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, các phiên họp BKS, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- Trong các phiên họp và các hoạt động của BKS, các KSV đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS.
- Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các KSV luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng, lấy việc bảo vệ lợi ích của Tập đoàn và cổ đông là nhiệm vụ trọng tâm; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

GIỮA 2 KỲ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2026 - 2027

Căn cứ nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ TĐBV, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định có liên quan đến hoạt động của BKS, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2026 - 2027 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, các quy định nội bộ của Tập đoàn và Pháp luật có liên quan.
- Thực hiện giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Q.TGD/TGD, Người quản lý khác thông qua một số đầu mục công việc chính như:
 - Thẩm định BCTC riêng, BCTC hợp nhất bán niên và năm 2026 của Tập đoàn;
 - Rà soát báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết/Quyết định của HĐQT;
 - Rà soát/tham gia ý kiến đối với hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ (nếu phát sinh);
 - Các công việc khác có liên quan.
- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán (tính thống nhất, nhất quán, phù hợp) và công tác lập, kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2025 đối với Tập đoàn của đơn vị Kiểm toán độc lập (nếu có).
- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, tham dự các phiên họp khác do Tập đoàn tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát công tác quản trị và điều hành Tập đoàn (khi được mời tham dự).
- Chuẩn bị nội dung trình báo cáo thẩm định BCTC, báo cáo tình hình kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn, báo cáo giám sát, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Q.TGD/TGD, báo cáo hoạt động của BKS và Báo cáo kết quả lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các BCTC năm 2027, 2028, 2029 của TĐBV lên ĐHĐCĐ thường niên 2027.

V. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ những nội dung nêu trên, BKS báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 xem xét, phê duyệt thông qua Báo cáo hoạt động của BKS TĐBV giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025 - 2026 và kế hoạch hoạt động giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2026 - 2027.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu: VT, BKS.



Vũ Thanh Hải

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

Số: 712/2026/TĐBV-BKS

TỜ TRÌNH**V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo Tài chính năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt****Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026 của Tập đoàn Bảo Việt**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025.

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 15).

Căn cứ Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV) ban hành kèm theo Quyết định số 577/2026/QĐ-HĐQT ngày 04/5/2026 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính (BCTC) giữa Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV) và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam) sẽ kết thúc sau khi EY Việt Nam hoàn tất việc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Tập đoàn. Thực hiện trách nhiệm được quy định tại Điều lệ TĐBV, Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026 của TĐBV về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét các BCTC trong các năm tài chính 2027, 2028, 2029 của TĐBV (sau đây gọi chung là “kiểm toán BCTC”) như sau:

1. Căn cứ và những lợi ích của việc thuê Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC dài hạn

Việc ký kết hợp đồng kiểm toán dài hạn không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như các chuẩn mực kế toán, kiểm toán của Việt Nam, đồng thời phù hợp với thông lệ và xu hướng của các Tập đoàn lớn trên thế giới. Đánh giá việc thực hiện ký kết hợp đồng kiểm toán dài hạn tại TĐBV, BKS thấy rằng việc làm này đã đem lại một số lợi ích cơ bản sau:

- **Thứ nhất, đảm bảo hoàn thành và công bố BCTC đã được kiểm toán đúng thời hạn quy định với chất lượng tốt:** Việc ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC dài hạn đã giúp Công ty kiểm toán có thể lập một kế hoạch dài hạn nhằm duy trì được đội ngũ nhân viên ổn định, có kiến thức sâu về lĩnh vực kiểm toán, có hiểu biết đầy đủ hơn về hệ thống tổ chức, quản trị của đơn vị được kiểm toán. Điều này giúp nâng cao hiệu quả làm việc giữa kiểm toán viên và đơn vị được kiểm toán, giúp Công ty kiểm toán hoàn thành công tác kiểm toán BCTC đảm bảo chất lượng và thời hạn, từ đó đơn vị được kiểm toán đáp ứng được nghĩa vụ tuân thủ về thời



hạn công bố thông tin cũng như chất lượng các BCTC đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

- **Thứ hai, mức phí kiểm toán ổn định đảm bảo ở mức độ hợp lý:** Việc ký kết hợp đồng kiểm toán dài hạn đã giúp đơn vị được kiểm toán có được sự ổn định về mức phí kiểm toán. Trong các năm qua, mức phí kiểm toán áp dụng với TĐBV thay đổi không đáng kể trong bối cảnh chi phí nhân công hàng năm đều tăng.
- **Thứ ba, được cung cấp một số dịch vụ ưu đãi, miễn phí; đồng thời tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán hàng năm:** Ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC dài hạn với một Công ty kiểm toán, ngoài việc nâng cao hiệu quả, đảm bảo thời gian cho công tác kiểm toán và soát xét các BCTC, còn đem lại cho đơn vị được kiểm toán cơ hội thụ hưởng một số dịch vụ miễn phí/ưu đãi về giá như tham gia các buổi tập huấn, hội thảo, trao đổi kiến thức, cập nhật các văn bản pháp luật mới về chế độ, chính sách tài chính kế toán, môi trường kinh doanh..., qua đó đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng quản trị và điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc ký hợp đồng kiểm toán BCTC dài hạn còn giảm thiểu đáng kể thời gian và công sức của BKS, Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành trong việc triển khai, thực hiện các thủ tục lựa chọn Công ty kiểm toán hàng năm.

2. Về tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh, nhu cầu kiểm toán và thông lệ thực hiện kiểm toán trong các năm vừa qua tại TĐBV và các Công ty con, BKS xin đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu chí chính để lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập như sau:

- Công ty kiểm toán có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;
- Công ty kiểm toán có nhóm chuyên gia tính toán bảo hiểm (Actuary) và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các BCTC trong lĩnh vực bảo hiểm, quản lý quỹ, chứng khoán, ngân hàng theo các quy định của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS);
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC theo quy định;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do TĐBV yêu cầu;
- Có đề xuất cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng phù hợp cho TĐBV.

3. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Từ các căn cứ, đề xuất nêu trên, BKS kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2026:

- Thông qua các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập nêu tại Mục 2 ở trên. Việc thông qua tiêu chí lựa chọn tại Mục 2 trên đây được hiểu là thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đáp ứng các tiêu chí này tại thời điểm TĐBV thực tế tiến hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.

- Phê duyệt chủ trương về việc lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán dài hạn với 01 Công ty kiểm toán độc lập nằm trong số các Công ty kiểm toán độc lập đáp ứng tiêu chí nêu tại Mục 2 ở trên để kiểm toán, soát xét BCTC của TĐBV trong 03 năm tài chính 2027, 2028, 2029.
- Giao HĐQT quyết định dự toán mua sắm đối với hạng mục “Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các BCTC năm 2027, 2028, 2029 của Tập đoàn Bảo Việt”, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT, Cấp có thẩm quyền liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở phù hợp theo quy định tại Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt.
- BKS đề xuất được cử thành viên BKS tham gia vào Tổ giúp việc chủ đầu tư, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định theo Quy chế lựa chọn nhà thầu của TĐBV.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



[Handwritten signature]

Vũ Thanh Hải



11781-CICP
TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT
TP. HÀ NỘI

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: ~~715~~ 15/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15);

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg đã quy định về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;


Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15). Theo Điều 2 của Luật, đối tượng áp dụng bao gồm “Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp”. Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật số 68/2025/QH15.

Khoản 1 Điều 59, Luật số 68/2025/QH15 quy định: “Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có trách nhiệm rà soát, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành điều lệ được sửa đổi, bổ sung; quy chế tài chính; quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này; việc ban hành phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Như vậy việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn là cần thiết nhằm bảo đảm phù hợp với tinh thần của Luật số 68/2025/QH15, các văn bản khác có liên quan và yêu cầu quản trị, điều hành của Tập đoàn, trong đó tập trung vào các nhóm nội dung chính sau:

- Bổ sung các điều khoản liên quan đến quản lý vốn nhà nước để đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật số 68/2025/QH15 do Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước;

- Sửa đổi quy định liên quan đến việc phân phối lợi nhuận của Tập đoàn; 



- Sửa đổi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trên cơ sở phù hợp với Điều 27 Luật số 68/2025/QH15, theo đó, mức “10% tổng tài sản” được thay bằng mức “50% vốn chủ sở hữu”;

- Cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn đảm bảo phù hợp với Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg đã quy định về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (được trình bày cụ thể tại Phụ lục đính kèm).

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt xem xét và thông qua nội dung như sau:

1. Các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt theo *Phụ lục 1. Bảng tổng hợp nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt* đính kèm Tờ trình này.

2. Các nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn lần thứ 16 theo *Phụ lục 2. Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt lần thứ 16* đính kèm Tờ trình này.

3. Chi tiết Dự thảo Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 16) đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình././

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT
Nguyễn Thừa Nhật





PHỤ LỤC 1. BẢNG CẬP NHẬT, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Kèm theo Tờ trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 số 75/2026/TTr-HĐQT ngày 05 / 06/2026 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16))

Nguyên tắc trình bày: Trong Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (*aaa*); những nội dung lược bỏ là những nội dung được in đậm, gạch ngang (~~aaa~~).



STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
1	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí bảo hiểm xã hội) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề.		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
		Chi tiết: - Hoạt động kinh doanh bất động sản (trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyên nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng); (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)			(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
3	6201	Lập trình máy vi tính	6219	Lập trình <i>máy vi tính khác</i> Chi tiết: <i>- Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ</i>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
				<i>nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng số cải phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web.</i>	
4	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6220	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính <i>quản lý cơ sở hạ tầng máy tính</i>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
5	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6310	<i>Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê lưu trữ và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động báo chí)</i>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung	
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề		Tên ngành nghề kinh doanh
				2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)	
6	6312	Công thông tin	6390	<p>Công thông tin. Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: - Hoạt động công tìm kiếm web - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí; - Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí. (Trừ hoạt động báo chí)</p>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

Sh

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung	
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề		Tên ngành nghề kinh doanh
7	6209	<p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên</p>	6290	<p>Hoạt động dịch vụ <i>máy tính và công nghệ thông tin khác và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</i></p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt máy tính cá nhân, cài đặt phần mềm.</i> - <i>Hoạt động công nghiệp công nghệ số;</i> <p>Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ</p>	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <p>Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025</p> <p>Điều 4 Nghị định 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.</p>

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
		Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.		thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát	

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung	
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề		Tên ngành nghề kinh doanh
				triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.	
8	9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9510	Sửa chữa, <i>bảo dưỡng máy tính máy vi tính</i> , thiết bị <i>thông tin và truyền thông ngoại vi</i>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
9	1820	Sao chép bản ghi các loại	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
					ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
10	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8569	<p>Định vụ Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn giáo dục; - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Hoạt động khảo thí trong giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh; - Phát triển chương trình giảng dạy; 	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <p>Điều 115 Nghị định 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt</p>

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
				<ul style="list-style-type: none"> - <i>Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập;</i> - <i>Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.</i> 	động trong lĩnh vực giáo dục.
11	8559	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin; - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể; 	(Giữ nguyên mã ngành) 8559	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin; - Giáo dục dự bị; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; - Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; 	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung	
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề		Tên ngành nghề kinh doanh
		<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; 		<ul style="list-style-type: none"> - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể; - Đào tạo tự vệ; - Các khóa học về chăm sóc sức khỏe; - Các khóa học may vá; - Các khóa học về thư giãn; - Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,.. - Các khóa đào tạo về các sản phẩm bảo vệ thực vật; - Dạy máy tính; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo về sự sống... 	
12	5820	Xuất bản phần mềm	5829	<p>Xuất bản phần mềm <i>khác</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xuất bản phần mềm hệ thống</i> - <i>Xuất bản phần mềm ứng dụng</i> 	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung	
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề		Tên ngành nghề kinh doanh
				- Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu: Xuất bản các phần mềm khác như: phần mềm bảo mật máy tính, phần mềm an ninh mạng, phần mềm tạo mô hình hóa... (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
13	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (không bao gồm bảo hiểm y tế) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý và môi giới (trung gian bảo hiểm) bảo hiểm trong việc bán, thương lượng hoặc tư vấn về chính sách bảo hiểm.	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
14	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
					định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
15	6190	<p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng</p>	Giữ nguyên mã ngành 6190	<p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước </p>	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <p>Điều 5 Nghị định 163/2024/NĐ-CP</p>

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
		Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.		Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet. <i>- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;</i> <i>- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;</i> <i>- Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP);</i>	hướng dẫn Luật viễn thông 2023

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	
				<ul style="list-style-type: none"> - <i>Cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn văn bản (SMS), gửi tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh, âm thanh, gửi tin nhắn đa phương tiện (SMS+, MMS+), cung cấp dịch vụ tin nhắn "push" mà không sử dụng mạng viễn thông để truyền dữ liệu.</i> - <i>Cung cấp dịch vụ thông báo (ví dụ như: dịch vụ thông báo của ngân hàng, tin nhắn quảng cáo...).</i> - <i>Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;</i>
16	7020	Hoạt động tư vấn quản lý	Giữ nguyên mã ngành 7020	<p>Hoạt động tư vấn quản lý <i>kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác</i></p> <p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban</p>

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
					<i>hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</i>
17	7730	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển</p>	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề.		<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p>

Sh

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung	
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề		Tên ngành nghề kinh doanh
18	6399	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6390	<p><i>Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động công tìm kiếm web - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí; - Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí. <p><i>(Trừ hoạt động báo chí)</i></p>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
19	Chưa có	Chưa có	6829	<p><i>Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà chung cư. 	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
					<p><i>Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</i></p> <p>Điều 9, Điều 66 Luật Kinh doanh bất động sản 2023.</p> <p>Điều 149, Điều 150, Điều 151 Luật Nhà ở 2023.</p> <p>- Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;</p>
20	<i>Chưa có</i>	<i>Chưa có</i>	4651	<i>Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm</i>	<p>- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống</p>

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
					<p>ngành kinh tế Việt Nam);</p> <p>- Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;</p>
21	Chưa có	Chưa có	6110	<p><i>Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <p>- Vận hành, duy trì hoặc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng để truyền tải giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống viễn thông có dây, không dây hoặc vệ tinh, bao gồm:</p> <p>+ Vận hành và bảo trì các thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn cung cấp liên lạc điểm - đến - điểm thông qua đường dây cố định (dây đồng hoặc cáp quang), vi ba hoặc kết hợp giữa đường dây cố định và liên kết vệ tinh;</p>	<p>- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <p>- Điều 10 Luật Viễn thông 2023;</p> <p>- Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;</p>

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
				<ul style="list-style-type: none"> + Vận hành hệ thống phân phối cáp (ví dụ: phân phối dữ liệu và tín hiệu truyền hình), có thể bao gồm hoặc không bao gồm việc cung cấp dịch vụ video theo yêu cầu từ bên thứ ba cho khách hàng; + Cung cấp dịch vụ truy cập internet bởi đơn vị vận hành cơ sở hạ tầng viễn thông; + Bảo trì và vận hành mạng viễn thông di động và không dây khác, bao gồm cả hệ thống nhắn tin báo gọi (paging systems); + Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận được từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh hoặc qua truyền hình giao thức internet. Các đơn vị được phân loại ở đây thường 	

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	
				<p><i>không sản xuất nội dung chương trình;</i></p> <p><i>+ Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP) bằng mạng viễn thông.</i></p> <p><i>- Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động viễn thông có thể sử dụng một hoặc nhiều công nghệ kết hợp.</i></p> <p><i>- Kinh doanh dịch vụ viễn thông;</i></p> <p><i>- Kinh doanh hàng hóa viễn thông</i></p>
22	Chưa có	Chưa có	6120	<p><i>Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <p><i>- Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông;</i></p> <p><i>- Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông;</i></p> <p><i>- Đại lý dịch vụ viễn thông;</i></p> <p>- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống</p>

Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	
				<i>ngành kinh tế Việt Nam);</i> - Điều 14, 42 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
23	<i>Chưa có</i>	<i>Chưa có</i>	7211	<i>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên</i> - Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam); - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
24	Chưa có	Chưa có	8230	<p><i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <p><i>- Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như triển lãm và hội chợ thương mại, sự kiện doanh nghiệp, triển lãm chung hoặc chuyên ngành, hội nghị và hội thảo, thảo luận chuyên đề, họp chuyên đề, hội thảo chuyên đề, chợ nông sản và hội chợ thủ công mỹ nghệ, lễ hội...</i></p>	<p>- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam);</p> <p>- Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;</p>



**BHƯ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT LẦN THỨ 16**

(Kèm theo *Tờ trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 số 15 /2026/TTr-HĐQT ngày 05 / 06/2026 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16)*)

Nguyên tắc trình bày: Trong Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung này này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (*aaa*); những nội dung lược bỏ là những nội dung được gạch ngang (~~aaa~~).

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>[...]</p> <p>c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;</p> <p>d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;</p> <p>e. chưa quy định</p> <p>[...]</p> <p>n. "Tập đoàn" là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>[...]</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 <i>và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 <i>và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Chứng khoán;</i></p> <p>e. "Luật quản lý vốn nhà nước" là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 <i>và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật quản</i></p>	<p>Bổ sung để làm rõ và đầy đủ các căn cứ để tham chiếu trong toàn bộ văn bản.</p>

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	<i>lý vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật quản lý vốn nhà nước;</i> p. "Tập đoàn" là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính</i>) Thành phố Hà Nội cấp.	
2	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn;	Bỏ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.
3	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] h. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn <i>và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm;</i>	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

ly

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
4	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] i. Chưa quy định	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] <i>j. “Người đại diện phần vốn nhà nước” là cá nhân được Bộ Tài chính ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn.</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.
5	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] q. “Công ty liên kết” là doanh nghiệp mà Tập đoàn không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] <i>s. Công ty liên kết” là doanh nghiệp mà Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.</i> không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Phụ lục II Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
6	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và	3. Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam - Điện thoại:(84.24) 392899999/(84.24) 39289898	Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam . - Điện thoại:(84.24) 392899999/(84.24) 39289898	Sửa đổi theo đơn vị hành chính sau sáp nhập.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	thời hạn hoạt động của Tập đoàn			
7	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn	<p>6499 - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</p> <p>Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>6499 - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và <i>hoạt động quỹ hưu trí bảo hiểm xã hội</i>)</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p>
8		6201- Lập trình máy vi tính	<p>6219 - Lập trình <i>máy vi-tính khác</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>- <i>Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng số cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web.</i></p>	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p>

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
9		6202 - Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6220 - Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
10		6311 - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6310 - Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê lưu trữ và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động báo chí)	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
11		6312 - Cổng thông tin	6390 Cổng thông tin Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: - Hoạt động cổng tìm kiếm web - Dịch vụ thông tin qua điện thoại;	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<p>- Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí;</p> <p>- Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí.</p> <p>(Trừ hoạt động báo chí)</p>	<p>ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p>
12		<p>6209 - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu;</p>	<p>6290 - Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt máy tính cá nhân, cài đặt phần mềm.</p> <p>- Hoạt động công nghiệp công nghệ số;</p> <p>Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung; tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công</p>	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <p>Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025</p> <p>Điều 4 Nghị định 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công</p>

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.	nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.	nghệ công nghệ số.
13		9511 Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9510 - Sửa chữa, <i>bảo dưỡng máy tính</i> máy vi tính, thiết bị <i>thông tin và truyền thông</i> ngoại vi	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
14		8560 Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8569 - Dịch vụ <i>Hoạt động</i> hỗ trợ giáo dục <i>khác</i> <i>Chi tiết:</i>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn giáo dục; - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Hoạt động khảo thí trong giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh; - Phát triển chương trình giảng dạy; - Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập; - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học. 	<p>(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <p>Điều 115 Nghị định 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</p>
15		<p>8559 - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin; - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; 	<p>8559 - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin; Giáo dục dự bị; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; - Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; 	<p>Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam</p> <p>(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p>

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<ul style="list-style-type: none"> - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; 	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể; - Đào tạo tự vệ; - Các khóa học về chăm sóc sức khỏe; - Các khóa học may vá; - Các khóa học về thư giãn; - Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,.. - Các khóa đào tạo về các sản phẩm bảo vệ thực vật; - Dạy máy tính; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo về sự sống... 	
16		5820 - Xuất bản phần mềm	<p>5829 - Xuất bản phần mềm <i>khác</i></p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất bản phần mềm hệ thống - Xuất bản phần mềm ứng dụng - Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu: Xuất bản các phần mềm khác như: phần mềm bảo mật máy tính, phần mềm an ninh mạng, phần mềm tạo mô hình hóa... <p><i>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)</i></p>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
17		6190 - Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính	6190 - Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.</p>	<p>cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.</p> <p><i>- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;</i></p> <p><i>- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;</i></p> <p><i>- Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP);</i></p> <p><i>- Cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn văn bản (SMS), gửi tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh, âm thanh, gửi tin nhắn đa phương tiện (SMS+, MMS+), cung cấp dịch vụ tin nhắn "push" mà không sử dụng mạng viễn thông để truyền dữ liệu.</i></p> <p><i>- Cung cấp dịch vụ thông báo (ví dụ như: dịch vụ thông báo của ngân hàng, tin nhắn quảng cáo...).</i></p> <p><i>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;</i></p>	<p><i>định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</i></p> <p>Điều 5 Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật viễn thông 2023</p>
18		7020 - Hoạt động tư vấn quản lý	7020 - Hoạt động tư vấn quản lý <i>kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác</i>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
				định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
19		6399 - Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	<p>6390 - Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động công tìm kiếm web - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí; - Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí. <p>(Trừ hoạt động báo chí)</p>	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
20		Chưa có	<p>6829 - Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà chung cư. 	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
				<p><i>thống ngành kinh tế Việt Nam)</i> Điều 9, Điều 66 Luật Kinh doanh bất động sản 2023. Điều 149, Điều 150, Điều 151 Luật Nhà ở 2023. - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;</p>
21		Chưa có	4651 - Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	<p>- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (<i>Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>); - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;</p>
22		Chưa có	6110 - Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh	<p>- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành</p>

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận hành, duy trì hoặc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng để truyền tải giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống viễn thông cố dây, không dây hoặc vệ tinh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Vận hành và bảo trì các thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn cung cấp liên lạc điểm - đến - điểm thông qua đường dây cố định (dây đồng hoặc cáp quang), vi ba hoặc kết hợp giữa đường dây cố định và liên kết vệ tinh; + Vận hành hệ thống phân phối cáp (ví dụ: phân phối dữ liệu và tín hiệu truyền hình), có thể bao gồm hoặc không bao gồm việc cung cấp dịch vụ video theo yêu cầu từ bên thứ ba cho khách hàng; + Cung cấp dịch vụ truy cập internet bởi đơn vị vận hành cơ sở hạ tầng viễn thông; + Bảo trì và vận hành mạng viễn thông di động và không dây khác, bao gồm cả hệ thống nhắn tin báo gọi (paging systems); + Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận được từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh hoặc qua truyền hình giao thức internet. Các đơn vị được phân loại ở đây thường không sản xuất nội dung chương trình; + Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP) bằng mạng viễn thông. - Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động viễn thông có thể sử dụng một hoặc nhiều công nghệ kết hợp. 	<p>kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 10 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh dịch vụ viễn thông; - Kinh doanh hàng hóa viễn thông 	
23		Chưa có	<p>6120 - Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông; - Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông; 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam); - Điều 14, 42 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
24		Chưa có	<p>7211 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
				về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam); - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
25		Chưa có	8230 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như triển lãm và hội chợ thương mại, sự kiện doanh nghiệp, triển lãm chung hoặc chuyên ngành, hội nghị và hội thảo, thảo luận chuyên đề, họp chuyên đề, hội thảo chuyên đề, chợ nông sản và hội chợ thủ công mỹ nghệ, lễ hội...	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam); - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
26	Điều 10. Thu hồi cổ phần	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 10 Điều lệ mẫu tại

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.	ùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.	Thông tư 116/2020/TT-BTC
27	Điều 12. Quyền của cổ đông	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tập đoàn, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tập đoàn , có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.	Bổ theo yêu cầu của Bộ Tài chính phù hợp với Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
28	Điều 12. Quyền của cổ đông	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn, pháp luật quy định.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 115.1.a Luật Doanh nghiệp 2020.
29	Điều 12. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp Luật Doanh nghiệp và khoản 18 Điều 1 Luật số	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp Luật Doanh nghiệp và khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tham chiếu quy định pháp luật.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;		
30	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: [...] b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: [...] b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất <i>từ</i> một nửa (1/2) <i>trở lên</i> so với số đầu kỳ;	Sửa đổi để đảm bảo rõ ý.
31	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: <i>Chưa có</i>	<i>a. Định hướng phát triển của Tập đoàn, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;</i>	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Phù hợp Điều 138.2 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 27.2.a Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.
32	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [.....]	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [.....] f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, <i>Trưởng Ban kiểm soát</i> và Kiểm soát viên;	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	hội đồng cổ đông	e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;		
33	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [.....] j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [.....] k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý), <i>yêu cầu phá sản</i> Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Phù hợp Điều 27.2.d Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.
34	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [.....] l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; m. Quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất.	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [.....] m. Quyết định <i>hoạt động</i> đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; <i>chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;</i>	Đối với điểm l: Chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Phù hợp quy định tại Điều 27.2.d Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và Điều 26.2 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Đối với điểm m: Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp quy định tại Điều 19,

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;	<p>n. Quyết định cho thuê, <i>cho vay</i>, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản <i>có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.</i></p> <p>q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành <i>đã bán</i> của mỗi loại;</p>	<p>27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.</p> <p>Đối với với điểm p: Bổ sung để làm rõ quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong vấn đề này và phù hợp với Khoản 1g Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
35	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định hoạt động đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; <i>chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá</i>	Chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp chỉnh sửa, bổ sung về thẩm quyền của ĐHCĐ tại Điều 15.2.1 Điều lệ.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	<i>trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.</i>	
36	Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định <i>hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất</i> (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	Chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp chỉnh sửa, bổ sung về thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại Điều 15.2.1 Điều lệ.
37	Điều 23.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử	Bổ sung khoản liên quan nội dung

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] 3. Biên bản họp và Nghị quyết được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.	song ngữ trong Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ theo khoản 2 Điều 5 Thông tư 96/2020/TT-BTC, đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC
38	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo theo quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. [...] 6. Chưa quy định	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Số lượng Tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo theo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. [...] 6. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Đối với khoản 2: Sửa đổi để phù hợp với các quy định tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Đối với khoản 6: Bổ sung theo quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
39	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>2. [...] Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: [...]</p> <p>r. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;</p> <p>t. Quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;</p> <p>[...]</p> <p>ff. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng.</p>	<p>r. Quyết định <i>hoạt động</i> đầu tư, <i>chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất</i> hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;</p> <p>t. Quyết định cho thuê, <i>cho vay</i>, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản <i>có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.</i></p> <p>[...]</p> <p>ff. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12)</p>	<p>Đối với khoản r, t: Chính sửa, bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp Điều 19, Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.</p> <p>Đối với khoản ff: Bổ sung để làm rõ quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong vấn đề này.</p>

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			tháng. <i>Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</i>	
40	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12 /2020 và <i>Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025</i> của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung tham chiếu để phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
41	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết).	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.</i>	Bổ sung phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.
42	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a. Ban kiểm soát;	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định tại Khoản 3b Điều 157 Luật doanh nghiệp

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người <i>quản lý khác</i> điều hành doanh nghiệp;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
43	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	Chưa quy định	3. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn, Người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Bổ sung theo Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025.
44	Điều 37. Kiểm soát viên	3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số...	3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số...	Bỏ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.
45	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung	4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không điều hành doanh nghiệp khác không	4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh	Bổ sung tham chiếu để đảm bảo phù hợp với các nội dung được bổ sung tại Điều lệ.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	đột về quyền lợi	phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này.	cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.	
46	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2	5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể: a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch eó giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) (hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên) có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc	Đối với khoản a: Chính sửa, bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính phù hợp quy định tại Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP và Điều 27.2.đ Luật số 68/2025/QH15; Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Đối với khoản c: Nội dung này

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>Điều 164 của Luật doanh nghiệp. Cụ thể:</p> <p>a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét.</p> <p>[...]</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét.</p> <p>[...]</p> <p>e. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>được quy định theo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. Hiện thông tư này đã bị thay thế bởi TT 116/2020/TT-BTC và đã lược bỏ nội dung này.</p>

sh

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
47	<p>Chương XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC</p> <p>Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.</p>	Chưa quy định	<p>XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC</p> <p><i>Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.</i></p> <p><i>Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước, do đó Tập đoàn cần tuân thủ các quy định liên quan đến quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các văn bản khác có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</i></p> <p><i>1. Người đại diện phần vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định có liên quan đến việc báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.</i></p> <p><i>2. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định nội bộ của Tập đoàn và Điều lệ của các doanh nghiệp có liên quan.</i></p> <p><i>3. Việc đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của Tập đoàn thực hiện theo các quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan</i></p> <p><i>4. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn chỉ được thực hiện đối với công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ và áp dụng theo nguyên tắc sau:</i></p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 27, 54, 55 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<p>- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm bảo lãnh. Việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thâm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh;</p> <p>- Tổng giá trị các khoản cho công ty con vay với từng công ty con không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì Tập đoàn báo cáo Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt;</p> <p>- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng và khoản cho công ty con vay không vượt quá giá trị vốn góp của Tập đoàn tại Công ty con;</p> <p>- Tuân thủ các quy định tại luật quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>5. Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Luật quản lý vốn nhà nước, bao gồm các nội dung sau:</p> <p>- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.</p> <p>- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn.</i> - <i>Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</i> - <i>Các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.</i> - <i>Kết quả giám sát nội bộ.</i> - <i>Các nội dung báo cáo Bộ Tài chính khác theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật.</i> <p>6. Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</p>	
48	Điều 44. Tổ chức Đảng, đoàn thể	1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương	1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Khối Doanh nghiệp Trung ương Bộ Tài chính .	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.
49	Điều 45. Phân phối lợi nhuận	<p>2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <p>a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);</p> <p>b. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.</p>	<p>2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <p>2.1. Chia lãi cho các thành viên bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);</p> <p>2.2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;</p>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 25 Điều 29, Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và thực tế tại Tập đoàn.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>c. Trích không quá 35% vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn.</p> <p>d. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Tập đoàn, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.</p> <p>e. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong Tập đoàn thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.</p>	<p>2.3. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 2.1, 2.2 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:</p> <p>a. Trích tối đa 35% <i>không quá 50%</i> vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn <i>để sử dụng vào mục đích mở rộng sản xuất, kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được phê duyệt.</i></p> <p>b. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Tập đoàn, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước <i>Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ.</i></p> <p>c. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông <i>trừ trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu.</i> Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong Tập đoàn thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. <i>Phân lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.</i></p>	

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<p><i>Tập đoàn được chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn trong trường hợp cần bổ sung vốn để đầu tư dự án.</i></p> <p><i>Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn để bổ sung vốn nhà nước tại Tập đoàn thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i></p>	

Handwritten mark



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ mười sáu)



Hà Nội, ngày tháng năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tập đoàn	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 10. Thu hồi cổ phần	15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 12. Quyền của cổ đông	16
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	18
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp	23
Điều 17. Thay đổi các quyền	23
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	26

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	32
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	34
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	38
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	43
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn	43
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	44
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	44
Điều 34. Người điều hành Tập đoàn	44
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	45
IX. BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	46
Điều 37. Kiểm soát viên	47
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp Ban kiểm soát; thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	47
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	49
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	49
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	49
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	51
XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	52
Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.	52

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN	53
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	53
XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	54
Điều 44. Tổ chức Đảng, đoàn thể	54
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	55
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	55
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	57
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	57
Điều 47. Năm tài chính	57
Điều 48. Chế độ kế toán	57
Điều 49. Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác	57
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	58
Điều 51. Báo cáo thường niên	58
XVI. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN	58
Điều 52. Kiểm toán	58
XVII. DẤU VÀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ	59
Điều 53. Dấu và chứng từ điện tử	59
XVIII. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ	59
Điều 54. Giải thể	59
Điều 55. Thanh lý	59
XIX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	60
Điều 56. Thông báo	60
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	60
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	61
Điều 58. Điều lệ Tập đoàn	61
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	61
Điều 59. Ngày hiệu lực	61

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn Bảo Việt ngày tháng năm (sau đây gọi tắt là "Điều lệ").

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Doanh nghiệp;

d. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Chứng khoán;

e. "**Luật quản lý vốn nhà nước**" là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật quản lý vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật quản lý vốn nhà nước;

f. "**Ngày thành lập**" là ngày Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. "**Người quản lý doanh nghiệp**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn;

h. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm;

i. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tập đoàn Bảo Việt trong các trường hợp được quy định tại khoản 23

Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

j. "**Người đại diện phần vốn nhà nước**" là cá nhân được Bộ Tài chính ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn.

k. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tập đoàn;

l. "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tập đoàn;

m. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Tập đoàn được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua bằng nghị quyết;

o. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

p. "**Tập đoàn**" là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

q. "**Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt**" là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác, bao gồm có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác.

r. "**Công ty con**" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.

s. "**Công ty liên kết**" là doanh nghiệp mà Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.

t. "**Sở giao dịch chứng khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tập đoàn

1. Tên Tập đoàn

- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Việt: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Anh: BAOVIET HOLDINGS
- Tên Tập đoàn viết tắt: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

2. Tập đoàn là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại:(84.24) 39289999/(84.24) 39289898

- Fax:(84.24)39289609/(84.24) 39289610

- E-mail: service@baoviet.com.vn

- Website:www.baoviet.com.vn

4. Tập đoàn có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tập đoàn phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tập đoàn bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn

Tập đoàn có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là cá nhân đại diện cho Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tập đoàn, đại diện cho Tập đoàn với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn như sau:

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
1	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Hoạt động kinh doanh bất động sản (trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng); (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)
3	6219	Lập trình máy tính khác Chi tiết: - Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng số cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web.
4	6220	Tư vấn máy vi tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính
5	6310	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động báo chí)
6	6290	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt máy tính cá nhân, cài đặt phần mềm.

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		- Hoạt động công nghiệp công nghệ số;
7	9510	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính và thiết bị thông tin và truyền thông
8	1820	Sao chép bản ghi các loại
9	8569	<p>Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn giáo dục; - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Hoạt động khảo thí trong giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh; - Phát triển chương trình giảng dạy; - Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập; - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.
10	8559	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; - Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các khóa học về chăm sóc sức khỏe; - Các khóa học may vá; - Các khóa học về thư giãn; - Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,.. - Các khóa đào tạo về các sản phẩm bảo vệ thực vật; - Dạy máy tính. - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo về sự sống;

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
11	5829	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: - Xuất bản phần mềm hệ thống - Xuất bản phần mềm ứng dụng - Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu: Xuất bản các phần mềm khác như: phần mềm bảo mật máy tính, phần mềm an ninh mạng, phần mềm tạo mô hình hóa... (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)
12	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (không bao gồm bảo hiểm y tế) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý và môi giới (trung gian bảo hiểm) bảo hiểm trong việc bán, thương lượng hoặc tư vấn về chính sách bảo hiểm.
13	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
14	6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; - Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; - Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP); - Cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn văn bản (SMS), gửi tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh, âm thanh, gửi tin nhắn đa phương tiện (SMS+, MMS+), cung cấp dịch vụ tin nhắn "push" mà không sử dụng mạng viễn thông để truyền dữ liệu. - Cung cấp dịch vụ thông báo (ví dụ như: dịch vụ thông báo của ngân hàng, tin nhắn quảng cáo...). - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
15	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác
16	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		máy vi tính) không kèm người điều khiển
17	6390	<p>Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động công tìm kiếm web; - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí; - Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí. <p>(Trừ hoạt động báo chí)</p>
18	6829	<p>Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà chung cư.
19	4651	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
20	6110	<p>Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận hành, duy trì hoặc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng để truyền tải giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống viễn thông có dây, không dây hoặc vệ tinh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Vận hành và bảo trì các thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn cung cấp liên lạc điểm - đến - điểm thông qua đường dây cố định (dây đồng hoặc cáp quang), vi ba hoặc kết hợp giữa đường dây cố định và liên kết vệ tinh; + Vận hành hệ thống phân phối cáp (ví dụ: phân phối dữ liệu và tín hiệu truyền hình), có thể bao gồm hoặc không bao gồm việc cung cấp dịch vụ video theo yêu cầu từ bên thứ ba cho khách hàng; + Cung cấp dịch vụ truy cập internet bởi đơn vị vận hành cơ sở hạ tầng viễn thông; + Bảo trì và vận hành mạng viễn thông di động và không dây khác, bao gồm cả hệ thống nhắn tin báo gọi (paging

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		<p>systems);</p> <p>+ Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận được từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh hoặc qua truyền hình giao thức internet. Các đơn vị được phân loại ở đây thường không sản xuất nội dung chương trình;</p> <p>+ Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP) bằng mạng viễn thông.</p> <p>- Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động viễn thông có thể sử dụng một hoặc nhiều công nghệ kết hợp.</p> <p>- Kinh doanh dịch vụ viễn thông;</p> <p>- Kinh doanh hàng hóa viễn thông</p>
21	6120	<p>Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông;</p> <p>- Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông;</p> <p>- Đại lý dịch vụ viễn thông;</p>
22	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
23	8230	<p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như triển lãm và hội chợ thương mại, sự kiện doanh nghiệp, triển lãm chung hoặc chuyên ngành, hội nghị và hội thảo, thảo luận chuyên đề, họp chuyên đề, hội thảo chuyên đề, chợ nông sản và hội chợ thủ công mỹ nghệ, lễ hội...</p>

2. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn là sử dụng vốn, tài sản, bộ máy quản lý, kỹ năng, lực lượng lao động và khả năng của các cổ đông để tăng tối đa lợi nhuận của Tập đoàn, tăng giá trị cổ phần cho cổ đông và tái đầu tư để duy trì và phát triển Tập đoàn.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn

1. Tập đoàn được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng

thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tập đoàn.

2. Tập đoàn có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Tập đoàn là bảy nghìn bốn trăm hai mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn (7.423.227.640.000) Việt Nam Đồng.

Tổng số Vốn điều lệ của Tập đoàn được chia thành bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tư (742.322.764) cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là mười nghìn Việt Nam Đồng (10.000 VNĐ/Cổ phần).

2. Tập đoàn có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tập đoàn vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tập đoàn có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tập đoàn, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Các cổ đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển nhượng quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tập đoàn quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Số cổ phần được quyền chào bán của Tập đoàn là tổng số cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Giá bán cổ phần được chào bán không

được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu hoặc số chiết khấu phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

c. Cổ phần chào bán cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

d. Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8. Tập đoàn có thể mua cổ phần do chính Tập đoàn đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tập đoàn mua được xử lý theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

9. Tập đoàn có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Tập đoàn phát hành trái phiếu có khả năng chuyển đổi thành cổ phần thì các trái phiếu này phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tập đoàn tại thời điểm phát hành, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tập đoàn được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phần tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tập đoàn phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tập đoàn. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Liên quan tới cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng nhận cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tập đoàn hoặc trong thời hạn (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tập đoàn, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tập đoàn chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tập đoàn.

5. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào liên quan tới bất kỳ cổ đông nào mà dẫn tới hoặc có thể dẫn tới việc phải điều chỉnh các nội dung trong sổ đăng ký cổ đông, thì cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc công ty chứng khoán nơi cổ đông lưu ký để Tập đoàn/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông.

Tập đoàn sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Tập đoàn không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ của cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tập đoàn (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tập đoàn.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông

báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tập đoàn bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn, pháp luật quy định;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Tiếp cận thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tập đoàn, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tập đoàn giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tập đoàn sau khi Tập đoàn đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tập đoàn; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử

người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tương ứng tại Điều 25, Điều 36 Điều lệ này và theo quy định như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Việc cử, chỉ định, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và các nội dung liên quan khác được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Doanh nghiệp. Tổ chức là cổ đông của Tập đoàn sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn được cử người đại diện theo ủy quyền với số lượng không hạn chế.

6. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tập đoàn và các quy chế nội bộ của Tập đoàn; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (với điều kiện cổ đông đã trực tiếp đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử trước đó với Tập đoàn).

6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tập đoàn dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tập đoàn.

9. Bảo mật các thông tin được Tập đoàn cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tập đoàn cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

10. Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ một nửa (1/2) trở lên so với số đầu kỳ;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này (ngoại trừ trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn

hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.

g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

h. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Định hướng phát triển của Tập đoàn, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;

b. Thông qua báo cáo tài chính năm;

c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên từng nhiệm kỳ;

e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tập đoàn;

i. Quyết định việc huy động vốn dưới các hình thức làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn; loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tập đoàn;

k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý), yêu cầu phá sản Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;

l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tập đoàn và cổ đông;

m. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

n. Quyết định cho thuê, cho vay, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này;

o. Quyết định phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn có mức huy động bằng hoặc lớn hơn 10% giá trị tổng tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

p. Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

u. Hàng năm, phê duyệt tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư và phát triển của Tập đoàn Bảo Việt căn cứ trên đề xuất của Hội đồng Quản trị; Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch, phương án sử dụng Quỹ đầu tư và phát triển hàng năm;

v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu

biểu quyết tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định của pháp Luật Chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tập đoàn phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ

đồng đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Họp bằng công nghệ

a. Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Video; (ii) Điện thoại; (iii) Công nghệ khác cho phép mỗi cổ đông giao tiếp với từng cổ đông khác; hoặc (iv) Kết hợp các công nghệ này.

b. Trường hợp tất cả các cổ đông không cùng dự họp tại một địa điểm trong một cuộc họp sử dụng công nghệ và mỗi cổ đông có thể giao tiếp với các cổ đông khác thì các cổ đông tham gia được xem là tập họp cùng nhau tại một cuộc họp và trực tiếp có mặt tại cuộc họp đó, và mọi tiến trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo cách đó là hợp pháp và có hiệu lực như được tiến hành tại một cuộc họp mà tất cả các cổ đông thực tế có mặt tại cùng một địa điểm.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển

nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 20 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tập đoàn theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử (với điều kiện số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đã được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Tập đoàn tại Danh sách cổ đông có liên quan; trong trường hợp cổ đông chưa đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử với Trung tâm Chứng khoán Việt Nam thì phải trực tiếp đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử của mình với Tập đoàn trước khi thực hiện biểu quyết theo quy định tại điểm này): Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tập đoàn nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp/Người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tập đoàn có trang

thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

9. Trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 22 của Điều lệ này, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành,

không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp và Nghị quyết được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị

hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị tại công ty khác);
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế được

Tập đoàn quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên (hoặc một số lượng khác phù hợp với pháp luật tại từng thời điểm), số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và trong các trường hợp sau:

a. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

d. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và có thể không phải là cổ đông của Tập đoàn.

6. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ

quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tập đoàn; điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết để phù hợp với thực tế hoạt động; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn và/hoặc phân cấp, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Thực hiện hoặc phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn tại các doanh nghiệp do Tập đoàn nắm giữ vốn góp, cổ phần;

q. Cử hoặc phân cấp cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định số tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó trên cơ sở đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tập đoàn;

r. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyên nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

s. Ban hành các định mức chi phí và các định mức khác cho Ban kiểm soát, bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị và cho hội đồng thành viên, kiểm soát viên của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

t. Quyết định cho thuê, cho vay, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.

u. Quyết định phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn (bao gồm việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền) mà có mức huy động nhỏ hơn 10% giá trị tổng tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

v. Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

x. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tập đoàn;

y. Thành lập các công ty con của Tập đoàn;

aa. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tập đoàn;

bb. Phân cấp quản lý cán bộ (bao gồm các chức danh cán bộ tại Tập đoàn và tại các doanh nghiệp do Tập đoàn sở hữu cổ phần, phần vốn góp);

cc. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

dd. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

ee. Việc định giá tài sản góp vào Tập đoàn không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tập đoàn, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

ff. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

gg. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tập đoàn;

hh. Các vấn đề khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12 /2020 và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể giao, phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác đại diện ký kết tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này. Việc giao, phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác được quy định cụ thể tại văn bản nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành, phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và tuân thủ quy định của Pháp Luật liên quan.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa

thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn phải được báo cáo tại Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao bổ sung và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi được Chủ tịch phân công, ủy quyền. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm

nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện các công việc cần thiết để Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có đơn từ chức hoặc quyết định bãi nhiệm.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn;

những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tập đoàn.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tập đoàn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là

địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản) để thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn; Đối với các nội dung Chủ tịch Hội đồng quản trị không được biểu quyết theo quy định tại điểm b Khoản 11 Điều này, người chủ trì lấy ý kiến sẽ được chỉ định theo các nguyên tắc tương tự tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị. Thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề/nội dung cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến và họ tên, phần ký của thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến. Sau khi nhận được thư lấy ý kiến, trong thời hạn ghi trên thư lấy ý kiến, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến bằng văn bản của mình đến Tập đoàn bằng các hình thức sau: (i) gửi trực tiếp cho Người phụ trách quản trị Tập đoàn/Hội đồng quản trị (bao gồm cả gửi qua đường bưu điện); hoặc (ii) gửi qua thư điện tử/fax hoặc phương thức giao dịch điện tử hợp pháp khác cho Người phụ trách quản trị Tập đoàn/Hội đồng quản trị (mà hình thức/phương thức giao dịch đó đã được đăng ký trước với Tập đoàn).

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết và Ban kiểm soát chấp thuận và ngược lại. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đại diện của Ban kiểm soát (nếu đại diện Ban kiểm soát chứng kiến việc kiểm phiếu).

d. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến sẽ là ý kiến quyết định.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Các ủy ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của ủy ban nhưng: (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của ủy ban và (b) nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của các ủy ban đó chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Hội đồng quản trị quyết định chi phí hoạt động hàng năm của các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị từ nguồn chi phí hoạt động hàng năm của Tập đoàn.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm “Người phụ trách quản trị Tập đoàn” để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Trưởng Ban/Chánh Văn phòng/Giám đốc Trung tâm/Giám đốc Chi nhánh (và tương đương) và các chức danh khác.

Điều 34. Người điều hành Tập đoàn

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tập đoàn được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp khác với số

lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tập đoàn do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn, Người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Xây dựng và đệ trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn trình Hội đồng quản trị; Tổ chức, thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn đã được Hội đồng quản trị hoặc/và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tập đoàn ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tập đoàn theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại chức danh Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác mà Tập đoàn cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Chuẩn bị các bản kế hoạch chiến lược dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn. Kế hoạch kinh doanh hàng năm phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tập đoàn. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình kế hoạch kinh doanh sơ bộ cho năm tài chính tiếp theo lên Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét phê chuẩn, thực hiện tạm giao kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch, chiến lược tài chính năm (05) năm và phù hợp với dự báo thị trường năm kế hoạch.

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tập đoàn;

g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tập đoàn, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tập đoàn là từ ba (03) đến (05) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp Ban kiểm soát; thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong

vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tập đoàn theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các lợi ích khác bổ sung (nếu có) cho Kiểm soát viên chuyên trách trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tập đoàn (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị).

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tập đoàn vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng hoặc tiết lộ những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp, Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật Chứng khoán về công bố thông tin.

Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, khi Hội đồng quản trị được thông báo về các hợp đồng liên quan, các hợp đồng đó có thể tiếp tục nếu được đa số các thành viên khác của Hội đồng quản trị đồng ý. Tuy nhiên, các thành viên của Hội đồng quản trị sẽ cần phải đảm bảo rằng bất kỳ xung đột lợi ích nào cũng sẽ được điều hòa một cách thích hợp. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản

trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tập đoàn mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.

5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch (hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên) có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong

hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tập đoàn bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tập đoàn ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tập đoàn với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn được Tập đoàn bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp

cho phép. Tập đoàn có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.

Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước, do đó Tập đoàn cần tuân thủ các quy định liên quan đến quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các văn bản khác có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Người đại diện phần vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định có liên quan đến việc báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

2. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định nội bộ của Tập đoàn và Điều lệ của các doanh nghiệp có liên quan.

3. Việc đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của Tập đoàn thực hiện theo các quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn chỉ được thực hiện đối với công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ và áp dụng theo nguyên tắc sau:

- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm bảo lãnh. Việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh;

- Tổng giá trị các khoản cho công ty con vay với từng công ty con không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì Tập đoàn báo cáo Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt;

- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng và khoản cho công ty con vay không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Tập đoàn tại Công ty con tại mọi thời điểm;

- Tuân thủ các quy định tại Luật Quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Luật quản lý vốn nhà nước, bao gồm các nội dung sau:

- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.
- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn.
- Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp
- Các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.
- Kết quả giám sát nội bộ.
- Các nội dung báo cáo Bộ Tài chính khác theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật.

6. Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tập đoàn. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tập đoàn vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tập đoàn phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

4. Điều lệ Tập đoàn phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

XIII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 44. Tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổ chức Đảng, đoàn thể của Tập đoàn Bảo Việt gồm Đảng ủy Tập đoàn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể khác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Bộ Tài chính. Đảng ủy Tập đoàn có chức năng chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện nhiệm vụ chính trị nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa người lao động và Tập đoàn.

Đảng ủy tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong doanh nghiệp để Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Tập đoàn thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Tập đoàn có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng ủy thực hiện công tác Đảng trong Tập đoàn theo quy định của Hiến Pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng.

Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc giữ quan hệ phối hợp chặt chẽ theo các quy định về phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trên cơ sở phân cấp quản lý cán bộ của Đảng ủy và quy định của Tập đoàn, khi thực hiện công tác cán bộ chủ chốt của Tập đoàn, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có văn bản gửi Đảng ủy xin ý kiến về nội dung dự kiến thực hiện. Căn cứ ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định về công tác cán bộ chủ chốt theo các quy định của Tập đoàn. Thông qua các cấp ủy Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc lãnh đạo cán bộ, đảng viên triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng góp phần hoàn thành chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc.

Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn lãnh đạo, chỉ đạo Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác thuộc Tập đoàn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn thể đó đồng thời triển khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn.

2. Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của người lao động Tập đoàn, chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn. Công đoàn đại diện cho người lao động, cùng với đoàn thể khác trong Tập đoàn chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Lãnh đạo Tập đoàn; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng Tập đoàn ngày càng phát triển vững mạnh.

3. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam gồm những người lao động của Tập đoàn là những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng và độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên, thanh niên. Đoàn thanh niên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo Tập đoàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn, góp phần xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên ngày càng phát triển vững mạnh tại Tập đoàn Bảo Việt.

4. Hội Cựu chiến binh Tập đoàn là tổ chức xã hội - chính trị của các cựu chiến binh thuộc các lực lượng vũ trang và bán vũ trang qua các thời kỳ, là người lao động đã và đang làm việc tại Tập đoàn. Hội phụ nữ Tập đoàn là tổ chức, chính trị - xã hội của người lao động nữ tại Tập đoàn. Hội Cựu chiến binh và Hội phụ nữ Tập đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn có nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm cầu nối giữa người cựu chiến binh, người lao động nữ với Người quản lý doanh nghiệp, góp phần xây dựng khối đoàn kết trong Tập đoàn Bảo Việt. Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Người quản lý doanh nghiệp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội, góp phần xây dựng tổ chức Hội ngày càng phát triển vững mạnh tại Tập đoàn Bảo Việt.

5. Ngoài ra, người lao động Tập đoàn có thể thành lập các tổ chức chính trị - xã hội khác trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ của Tập đoàn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị, xã hội hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tập đoàn.

2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

2.1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);

2.2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;

2.3. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 2.1, 2.2 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:

a. Trích không quá 50% vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn để sử dụng vào mục đích mở rộng sản xuất, kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hàng năm được xác định trên cơ sở nhu

cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

b. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ.

c. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền cho các cổ đông trừ trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.

Tập đoàn được chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn trong trường hợp cần bổ sung vốn để đầu tư dự án.

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn để bổ sung vốn nhà nước tại Tập đoàn thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Tập đoàn không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tập đoàn phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tập đoàn đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tập đoàn không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tập đoàn đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, cổ đông được quyền nhận cổ tức phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

6. Việc trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tập đoàn mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tập đoàn có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tập đoàn tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tập đoàn mở tài khoản theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Tập đoàn sử dụng chế độ kế toán phù hợp với các quy định pháp luật.
2. Tập đoàn lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tập đoàn.
3. Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận). Trường hợp Tập đoàn có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
4. Trong trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, Tập đoàn có thể chuyển đổi báo cáo tài chính hàng năm theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Điều 49. Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác

Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác (nếu có) tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Định kỳ, Tập đoàn phải lập bản báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính phải bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn (gồm có: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính) phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tập đoàn trong kỳ kinh doanh đó.

3. Tập đoàn phải lập và công bố, nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước các báo cáo giữa niên độ, bán niên và cả năm theo các quy định của Pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm của Tập đoàn phải được kiểm toán hoặc soát xét theo quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán hoặc soát xét phải được công bố trên website của Tập đoàn đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Tập đoàn phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN

Điều 52. Kiểm toán

1. Ban kiểm soát đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tập đoàn cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận tại hợp đồng với công ty kiểm toán được lựa chọn. Tập đoàn phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính của Tập đoàn phải được soát xét, kiểm toán theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và

đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

XVIII. DẤU VÀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Điều 53. Dấu và chứng từ điện tử

1. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu dấu, việc quản lý và sử dụng dấu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị quyết định việc Tập đoàn sử dụng chứng từ điện tử, chữ ký số, chữ ký điện tử trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 54. Giải thể

1. Tập đoàn có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tập đoàn trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Tập đoàn, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tập đoàn hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tập đoàn ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tập đoàn.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý

thay mặt Tập đoàn trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tập đoàn trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Tập đoàn;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Thông báo

Bất kỳ thông báo nào theo Điều lệ này sẽ được lập bằng văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh và phải được gửi tới địa chỉ của người nhận theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tập đoàn, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tập đoàn, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Tập đoàn;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Tập đoàn

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt thông qua ngày ... tháng năm 2026 tại Hà Nội.

2. Điều lệ được lập thành (05) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp Bộ Tài Chính;

b. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tập đoàn có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Phi

1731
ÁN
ỆT
HÀ

Phụ lục 01: Danh sách cổ đông sáng lập và các thông tin liên quan*(Đính kèm bản Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi bổ sung lần thứ mười sáu)*

Cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần	Tổng mệnh giá Cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
Bộ Tài chính Việt Nam	Số 28, Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	482.509.800	4.825.098.000.000	65,00%
HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited	18/F, Tower 1, HSBC Centre, 1 Sham Mong Road, Kowloon, Hong Kong S.A.R.	0	0	0
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	22.154.400	221.544.000.000	2,98%

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

Số: ~~716~~ 2026/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt
(sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15). Theo Điều 2 của Luật, đối tượng áp dụng bao gồm “Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp”. Như vậy, Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật số 68/2025/QH15.

Khoản 1 Điều 59, Luật số 68/2025/QH15 quy định: “Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có trách nhiệm rà soát, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành điều lệ được sửa đổi, bổ sung; quy chế tài chính; quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này; việc ban hành phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều lệ Tập đoàn đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Tập đoàn. Do đó, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt là cần thiết để bảo đảm phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật nêu trên, trong đó tập trung vào các nhóm nội dung chính sau:

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống thuật ngữ nhằm bảo đảm thống nhất với Điều lệ Tập đoàn, mô hình tổ chức hiện hành và các quy định pháp luật mới có liên quan;

- Cập nhật các nguyên tắc quản trị công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, công bố thông tin minh bạch, kịp thời và đầy đủ.

my



- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác của Quy chế để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và thực tiễn quản trị, điều hành tại Tập đoàn.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Các nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn lần thứ 5 theo *Phụ lục. Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt lần thứ 5* đính kèm Tờ trình này.

2. Chi tiết Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5) đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

**TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT**

Nguyễn Thừa Nhật





**PHỤ LỤC. BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (LẦN THỨ 5)**

(Kèm theo Tờ trình Đại Hội đồng cổ đông số 716/2026/TTr-HĐQT ngày 05 / 06 / 2026 của Hội đồng quản trị Tập đoàn về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5))

Nguyên tắc trình bày: Trong Bảng giải trình sửa đổi này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (*aaa*); những nội dung lược bỏ là những nội dung gạch ngang (~~aaa~~).

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng	2. Quy chế được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp, Người Đại diện của Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.	2. Quy chế được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp, và Người Đại diện của Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ tại các Công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.	Sửa đổi bổ sung phạm vi áp dụng để đảm bảo phù hợp với các quy định của Quy chế.
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ	"Tập đoàn Bảo Việt" hoặc "Tập đoàn" là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	"Tập đoàn Bảo Việt" hoặc "Tập đoàn" là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính</i>) Thành phố Hà Nội cấp.	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.
3	Điều 2. Giải thích từ ngữ	<i>Công ty liên kết</i> là doanh nghiệp mà Tập đoàn không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa	<i>Công ty liên kết</i> là doanh nghiệp mà Tập đoàn Bảo Việt nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Phụ lục II Thông tư

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.	phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn. không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.	99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
4	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn.	Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm.	Sửa đổi theo ý kiến Bộ Tài chính và đảm bảo phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.
5	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn	Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn.	Sửa đổi theo ý kiến Bộ Tài chính và đảm bảo phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.
6	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, thay thế tại từng thời điểm. Nghị định 155 là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020	Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm. Nghị định 155 là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán	Bỏ do không nhắc đến trong toàn bộ văn bản

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán		
7	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Người Đại diện là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền (quyết định hoặc hợp đồng ủy quyền), có thể được Tập đoàn cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, được ủy quyền thay mặt Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách là Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn.	<i>Người Đại diện là các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và trách nhiệm của Tập đoàn đối với phần vốn của Tập đoàn đầu tư tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư có vốn góp của Tập đoàn. là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền (quyết định hoặc hợp đồng ủy quyền), có thể được Tập đoàn cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, được ủy quyền thay mặt Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách là Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn.</i>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với cách định nghĩa Điều 3 Giải thích từ ngữ của Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
8	Điều 3. Nguyên tắc quản trị	2. Các nguyên tắc quản trị Tập đoàn bao gồm a. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; c. Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan; d. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông;	<i>2. Việc quản trị của Tập đoàn tuân thủ quy định của pháp luật và các nguyên tắc sau đây: a. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; b. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Tập đoàn và cổ đông; c. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; d. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt</i>	Viết lại nội dung này theo quy định tại Điều 40 Luật Chứng khoán để đảm bảo phù hợp với việc quản trị của Công ty đại chúng.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		e. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tập đoàn.	<i>động quản trị Tập đoàn;</i> <i>e. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Tập đoàn;</i> <i>f. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Tập đoàn; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng</i>	
9	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông	4. Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. Ngoài ra Cổ đông có các quyền sau đây: a. Quyền được đối xử công bằng; b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tập đoàn công bố theo quy định của pháp luật.	Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. Ngoài ra Cổ đông có các quyền sau đây: a. Quyền được đối xử công bằng; b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tập đoàn công bố theo quy định của pháp luật.	Bỏ do nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán.
10	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ	Bỏ nội dung trình bày chi tiết do Điểm k Khoản 2 Điều 6 Quy chế đã tham chiếu đến quy định tại Điều 132 Luật Doanh

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Tập đoàn có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tập đoàn mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tập đoàn trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này. - Tập đoàn phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tập đoàn giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. 	<p>đồng <i>thực hiện</i> theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Tập đoàn có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tập đoàn mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tập đoàn trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.</p> <p>Tập đoàn phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tập đoàn giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>ngành.</p>

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		đoàn giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.		
11	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>l) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>...</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp</p>	<p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>l) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <i>hoặc người khác ký tên trên biên bản họp</i> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp <i>hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</i></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 2, khoản 3 Điều 23 Điều lệ Tập đoàn.
12	Điều 7. Báo	2. Thù lao, chi phí hoạt động và các	2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội	Hiện tại Tập đoàn có ban

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn	đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.	hành quy định cụ thể về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, tiền thưởng của thành viên HĐQT, TGD, KSV... theo đó việc sửa đổi này là cần thiết để đảm bảo phù hợp với thực tế.
13	Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch	4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch	Bổ để phù hợp định nghĩa về Công ty con tại khoản 1 Điều 2 Quy chế.
14	Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại	5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);	5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Đại hội đồng cổ đông thường niên			Ngoài ra, sửa đổi để thống nhất cụm từ “thành viên độc lập Hội đồng quản trị” tại Quy chế.
15	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn	3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định <i>pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn.</i> tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;	Hiện tại Tập đoàn có ban hành quy định cụ thể về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, tiền thưởng của thành viên HĐQT, TGD, KSV... theo đó việc sửa đổi này là cần thiết để đảm bảo phù hợp với thực tế.
16	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập	4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;	Bỏ để phù hợp định nghĩa về Công ty con tại khoản 1 Điều 2 Quy chế.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;		
17	Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị: b. Có đơn từ chức;	6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị: b. Có đơn từ chức và được chấp thuận ;	Bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
18	Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn không chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại quá tối đa năm (05) công ty khác.	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
19	Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
20	Điều 12.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự	Khoản 3, 4: Sửa đổi, bổ

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.</p> <p>4. Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.</p> <p>5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải đáp ứng yêu cầu sau;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp có số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 	<p>cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành. 4. Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đáp ứng yêu cầu sau;</p> <ul style="list-style-type: none"> — Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; — Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; — Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp có số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên <p><i>4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</i></p>	<p>sung để phù hợp với quy định tại Điều 26 Điều lệ Tập đoàn và Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>Khoản 4: bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025.</p>

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
21	Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty.	9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <i>người phụ trách quản trị công ty</i> và người quản lý khác của công ty.	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
22	Điều 16. Hội đồng quản trị	1. Thông báo họp Hội đồng quản trị: a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình nghị sự, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các thành viên.	1. Thông báo họp Hội đồng quản trị: a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba <i>năm (03-05)</i> ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình nghị sự, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các thành viên.	Sửa đổi để thống nhất với quy định tại Điều 30 Điều lệ Tập đoàn
23	Điều 16. Hội đồng quản trị	2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:	2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt	Chỉnh sửa, bổ sung để rõ nghĩa hơn và phù hợp với Khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
24	Điều 17. Các ủy ban của Hội đồng quản trị	<p>2. Cơ cấu của các Ủy ban:</p> <p>Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.</p> <p>3. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban, Chủ nhiệm Ủy ban</p> <p>a. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Tiêu chuẩn cụ thể của các thành viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.</p> <p>4. Việc thành lập Ủy ban, trách</p>	<p>2. Cơ cấu của các Ủy ban:</p> <p>Số lượng thành ủy viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.</p> <p>3. Tiêu chuẩn thành ủy viên của Ủy ban, Chủ nhiệm Ủy ban</p> <p>a. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Tiêu chuẩn cụ thể của các thành ủy viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.</p> <p>4. Việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của các Ủy ban và từng thành ủy thành viên.</p> <p>Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng thành ủy thành viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban</p>	Chỉnh sửa để phù hợp Điều lệ Tập đoàn và tình hình thực tế tại Tập đoàn.

37
DO
V
11

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		nhiệm của các Ủy ban và từng thành viên. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.	thuộc Hội đồng quản trị.	
25	Điều 18. Người phụ trách quản trị Tập đoàn	4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau: ... k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn.	4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau: ... k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ <i>và các quy định của</i> Tập đoàn.	Chỉnh sửa, bổ sung để chặt chẽ hơn.
26	Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý	Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Chánh Văn phòng và các chức danh khác.	Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/ Phó Giám đốc <i>Khôi/Ban Trung tâm/Chi nhánh, Giám đốc</i> Người đứng đầu các Ban/Chánh Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm (và tương đương) và các chức danh khác.	Phù hợp với mô hình tổ chức mới của Tập đoàn.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
27	Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	Đã được quy định cụ thể tại Điều 25
28	Điều 32. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc	2. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các Giám đốc Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Chánh Văn phòng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.	2. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và/hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, người đứng đầu hoặc các Giám đốc Ban, Chi nhánh, Ban, Trung tâm, /Chi nhánh/Chánh Văn phòng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con, và Doanh nghiệp và Quý đầu tư có vốn góp của Tập đoàn.	Phù hợp với mô hình tổ chức mới của Tập đoàn.
29	Điều 33. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Công ty con do	1. Hội đồng thành viên nhân danh Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Hội đồng thành viên nhân danh Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tập đoàn .	Bổ sung để đảm bảo rõ nghĩa

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ			
30	Điều 35. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt	3. Các Công ty Con và đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt được ưu tiên trong việc sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư tập trung như hệ thống công nghệ thông tin, trụ sở làm việc và các cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật khác; sử dụng các dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt theo định hướng của Tập đoàn Bảo Việt như: dịch vụ bảo hiểm, hỗ trợ bán chéo sản phẩm, hoạt động đầu tư, dịch vụ quản lý và kinh doanh bất động sản, dịch vụ Công nghệ thông tin, dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các dịch vụ khác trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận. Giá cả sử dụng tiện ích nội bộ theo chính sách do Tập đoàn Bảo Việt ban hành trên cơ sở quy định của pháp luật;	Viết lại nội dung Khoản này như sau: <i>3. Các Công ty con của Tập đoàn được ưu tiên sử dụng các dịch vụ về công nghệ thông tin, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư tài chính, quản lý quỹ, trụ sở văn phòng làm việc, truyền thông thương hiệu, đề án hợp lực Tập đoàn, cơ sở vật chất kỹ thuật... do Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt cung cấp</i>	Nội dung này được viết lại để đảm bảo phù hợp với thực tế tại Tập đoàn.



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

*(Được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt thông qua tại
Nghị quyết số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày tháng năm 2026)*



my

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc quản trị Tập đoàn	6
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông	7
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông lớn	7
Điều 6. Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	12
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	13
Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập.....	13
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	16
Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	18
Điều 15. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 16. Họp Hội đồng quản trị	19

Điều 17.	Các Ủy ban của Hội đồng quản trị	21
Điều 18.	Người phụ trách quản trị Tập đoàn	22
CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT.....		23
Điều 19.	Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên	23
Điều 20.	Kiểm soát viên	25
Điều 21.	Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.....	25
Điều 22.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	25
Điều 23.	Cuộc họp của Ban kiểm soát	26
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TẬP ĐOÀN		26
Điều 24.	Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 25.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc; nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Tổng Giám đốc	26
Điều 26.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	27
Điều 27.	Người điều hành doanh nghiệp	27
CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN.....		28
Điều 28.	Quyền của Tập đoàn.....	28
Điều 29.	Phương thức thực hiện quyền của Tập đoàn	28
Điều 30.	Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Tập đoàn trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn	28
Điều 31.	Quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị	29
Điều 32.	Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc.....	29
Điều 33.	Quyền, trách nhiệm của Người đại diện tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.....	30

Điều 34.	Quyền và nghĩa vụ của Người Đại diện tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.....	30
Điều 35.	Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.....	31
CHƯƠNG VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ		32
Điều 36.	Hệ thống Kiểm soát nội bộ.....	32
Điều 37.	Nguyên tắc kiểm soát nội bộ	32
Điều 38.	Kiểm toán nội bộ	33
CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC; HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT		33
Điều 39.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp/ng nghị quyết, xin ý kiến	34
Điều 40.	Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị	34
Điều 41.	Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao	35
Điều 42.	Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên	35
Điều 43.	Đánh giá hàng năm đối với thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	35
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		36
Điều 44.	Hiệu lực của Quy chế	36

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng và ban hành theo quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, đồng thời cân nhắc và áp dụng các thông lệ tốt được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Tập đoàn và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Quy chế này được ban hành với mục đích nhằm thực thi một chính sách rõ ràng về quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Tập đoàn. Quy chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tập đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; (ii) các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; (iii) trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; (iv) đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc; (v) quy định về việc quản trị của Tập đoàn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn; (vi) quy định về việc kiểm soát nội bộ của Tập đoàn và các nội dung khác trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp và Người Đại diện của Tập đoàn tại các Công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt” là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác, bao gồm có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác.

“Tập đoàn Bảo Việt” hoặc **“Tập đoàn”** là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty con là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) Vốn Điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

của công ty đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn Bảo Việt nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.

Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm.

Người quản lý doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn.

Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Quy chế này.

Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tập đoàn.

Cổ đông lớn là Cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Cơ quan Nhà nước là bất kỳ và toàn bộ các cơ quan sau đây của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, ban ngành hay đơn vị của các đối tượng trên, và bất kỳ và tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, cơ quan hay quan chức khác mà theo ý kiến của Tập đoàn thì sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia hay xin ý kiến của họ là cần thiết hoặc nên có cho bất kỳ việc hay vấn đề gì được nêu hay dự liệu trong Quy chế này.

Hội đồng quản trị là Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tập đoàn.

Tổng Giám đốc là Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.

Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.

Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội

nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.

Người Đại diện là các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và trách nhiệm của Tập đoàn đối với phần vốn của Tập đoàn đầu tư tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư có vốn góp của Tập đoàn.

Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tập đoàn Bảo Việt trong các trường hợp được quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt.

Hội đồng thành viên là hội đồng thành viên của công ty do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

Pháp luật là tất cả các hiến pháp, hiệp ước, lệnh, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quyết định, quy chế, thông tư và các văn bản khác có hiệu lực pháp luật do Cơ quan Nhà nước ban hành, được áp dụng cho Tập đoàn (bao gồm cả Quyết định số 310/2005/QĐ/TTg ngày 28/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 945/2007/QĐ-BTC ngày 07/3/2007 của Bộ Tài chính) và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ Tập đoàn và các văn bản pháp luật đã có sự thay đổi điều chỉnh mới mà Quy chế này chưa cập nhật hoặc dẫn đến những quy định trong Quy chế này không còn phù hợp thì những quy định mới đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Tập đoàn

1. Quản trị Tập đoàn là những biện pháp nội bộ để quản trị và kiểm soát Tập đoàn, liên quan tới các mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp với các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị Tập đoàn nhằm tạo ra một cơ chế và quá trình để đề ra các mục tiêu của Tập đoàn và xác định các phương tiện để đạt những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của Tập đoàn một cách hiệu quả.

2. Việc quản trị của Tập đoàn tuân thủ quy định của pháp luật và các nguyên tắc sau đây:

- a. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- b. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Tập đoàn và cổ đông;

- c. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- d. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn;
- e. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Tập đoàn;
- f. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Tập đoàn; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông lớn

Cổ đông lớn có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tập đoàn và của các Cổ đông khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 15 Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý do thảo luận

và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

b) Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của Pháp luật;

- Tập đoàn lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có: (i) thông tin về Cổ đông, nếu Cổ đông là cá nhân phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; nếu Cổ đông là tổ chức phải có tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính và (ii) số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông.

c) Thông báo triệu tập/họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Thời gian gửi thông báo họp: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

- Cách thức gửi thông báo họp: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

d) Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

- Chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị để gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- + Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- + Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- + Phiếu biểu quyết;
- + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Tập đoàn.

e) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc Cổ đông ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 16 Điều lệ của Tập đoàn.

- Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ.

- Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Tập đoàn cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại người diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Trường hợp Cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay khi đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

f) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Tập đoàn.

g) Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu:

- Hội đồng quản trị xây dựng và thông qua quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bao gồm quy định về cách thức bỏ phiếu, biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc quy định về việc bầu dồn phiếu trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Cổ đông bỏ phiếu, biểu quyết theo cách thức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

h) Cách thức kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

- Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Tập đoàn theo phương thức bầu dồn phiếu, sau khi Cổ đông bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu kiểm phiếu và thông báo kết quả bầu lên Chủ tọa để thông báo cho toàn thể Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu, trong đó: ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

i) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

j) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

l) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Thư ký Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông theo cách quy định tại Điều 23 Điều lệ Tập đoàn. Biên bản phải có một số nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu

bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

+ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham gia dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

m) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Trình tự, thủ tục và các vấn đề lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản

a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 12 Điều 20 của Điều lệ Tập đoàn, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

b) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Tập đoàn.

4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng hội nghị trực tuyến

Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Video; (ii) Điện thoại; (iii) Công nghệ khác cho phép mỗi Cổ đông giao tiếp với từng Cổ đông khác; hoặc (iv) Kết hợp các công nghệ này.

Trường hợp tất cả các Cổ đông không cùng dự họp tại một địa điểm trong một cuộc họp sử dụng công nghệ và mỗi Cổ đông có thể giao tiếp với các Cổ đông khác

thì các Cổ đông tham gia được xem là tập hợp cùng nhau tại một cuộc họp và trực tiếp có mặt tại cuộc họp đó và mọi tiến trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo cách đó là họp pháp và có hiệu lực như được tiến hành tại một cuộc họp mà tất cả các Cổ đông thực tế có mặt tại cùng một địa điểm.

Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước cuộc họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Hàng năm Tập đoàn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Tập đoàn không được sử dụng việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thay cho việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên cần tuân theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Tập đoàn và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn;

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;

6. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;

7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
9. Các kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó nhưng chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên cần tuân theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp;
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn;
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Tập đoàn;
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
7. Các kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được mời phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm hoặc trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có

các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 25, Điều 26 Điều lệ Tập đoàn. Theo đó, trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Tập đoàn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp..

3. Công bố thông tin ứng viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

đ. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn Bảo Việt và các bên có liên quan của Tập đoàn;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn:

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

a. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc bầu dồn phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

h. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thông báo về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Cổ đông cùng thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

b. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

8. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Tập đoàn quy định tại Quy chế quản trị của Tập đoàn. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử theo quy định pháp luật.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Tập đoàn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Tập đoàn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên (hoặc một số lượng khác phù hợp với pháp luật tại từng thời điểm), số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và có xét yếu tố về giới.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không

được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Tập đoàn.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản trị doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là Người Đại diện của Tập đoàn.

e. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và

điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Tập đoàn.
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của Người có liên quan đến Tập đoàn.
3. Đảm bảo hoạt động của Tập đoàn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tập đoàn.
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
5. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Bảo Việt.
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.
7. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
8. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn Bảo Việt.
9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.
10. Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn Người điều hành doanh nghiệp;
 - Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
 - Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp;

- Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.

b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

- Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

11. Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 15. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.

Điều 16. Họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 30 Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này, cụ thể như sau:

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình nghị sự, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các

thành viên.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tập đoàn. Thành viên Ban kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là phiếu quyết định;

b. Trừ quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

c. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

d. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

e. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Tập đoàn được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản cuộc họp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

a. Nghị quyết Hội đồng quản trị được chuyển đến các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

b. Đối với các Nghị quyết về các vấn đề cần công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Tập đoàn thực hiện việc công bố thông tin theo quy định Pháp luật.

Điều 17. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, quy định cụ thể như sau:

1. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và/hoặc các Ủy ban khác.

2. Cơ cấu của các Ủy ban:

Số lượng ủy viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.

3. Tiêu chuẩn ủy viên của Ủy ban:

Tiêu chuẩn cụ thể của các ủy viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.

4. Việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của các Ủy ban và từng ủy viên:

Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng ủy viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 18. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và Cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Tập đoàn.
5. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên được quy định cụ thể tại Điều 36, Điều 37 Điều lệ Tập đoàn. Theo đó, trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn

2. Cách thức cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn:

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

a. Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc bầu dồn phiếu để bầu Kiểm soát viên được quy định trong Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

4. Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Kiểm soát viên:

a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Tập đoàn và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.

b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

a. Thông báo về việc bầu Kiểm soát viên phải được gửi đến các cổ đông cùng thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Điều 6 Quy chế này.

b. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Khoản 4 Điều này.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát:

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 20. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên có thể không phải là Cổ đông của Tập đoàn.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền tiếp cận thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của các Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tập đoàn xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ Kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối, Người đứng đầu các Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm (và tương đương) và các chức danh khác.

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc; nhiệm kỳ và tiêu chuẩn

Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tập đoàn.

4. Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Tập đoàn, các công ty thành viên của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

5. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế này, các quy định nội bộ khác của Tập đoàn và Hợp đồng lao động.

Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tập đoàn được tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Tập đoàn do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Quy chế này và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Hội đồng quản trị quy định cụ thể trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp của Tập đoàn tại quy chế nội bộ.

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 28. Quyền của Tập đoàn

Tập đoàn là Chủ sở hữu của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu phần vốn góp của Tập đoàn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.

Điều 29. Phương thức thực hiện quyền của Tập đoàn

Tập đoàn, các Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn là các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân.

Tập đoàn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là Chủ sở hữu, Cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan, cụ thể:

1. Đối với Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ:

a) Tập đoàn là Chủ sở hữu của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

b) Tập đoàn thực hiện quyền Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn và thông qua Hội đồng thành viên để thực hiện các quyền của Chủ sở hữu.

2. Đối với Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ: Tập đoàn thực hiện quyền của Cổ đông, thành viên góp vốn thông qua Người Đại diện của Tập đoàn tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty con đó và các quy định khác có liên quan.

3. Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn: Tập đoàn cử Người Đại diện quản lý phần vốn góp hoặc trực tiếp thực hiện quyền của Cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, Quy chế này, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 30. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Tập đoàn trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn

Quyền và trách nhiệm của Tập đoàn trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn được phân công và phân cấp giữa:

1. Hội đồng quản trị;
2. Tổng Giám đốc;
3. Hội đồng thành viên công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn; Người Đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp của Tập đoàn.

Điều 31. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ giữa Tập đoàn và doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, các quy định nội bộ của Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong việc nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

3. Quyết định cử, bổ nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng thành viên tại các công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Người Đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; quyết định phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng thành viên, Người Đại diện quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

4. Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tập đoàn do Hội đồng quản trị ban hành.

5. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các Quy chế, Quy định của Tập đoàn để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Tập đoàn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

6. Các quyền khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con và Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 32. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định đối với những nội dung thuộc quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp

của Tập đoàn.

2. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và/hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, người đứng đầu Khối, Chi nhánh, Ban, Trung tâm, Văn phòng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con, Doanh nghiệp và Quỹ đầu tư có vốn góp của Tập đoàn.

3. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các văn bản của Tập đoàn để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Tập đoàn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

4. Các quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, Quy chế này và các quy định nội bộ khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 33. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Hội đồng thành viên nhân danh Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Công ty con theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo các quy định pháp luật, quy định nội bộ liên quan của Tập đoàn và quy định tại Điều lệ Công ty con.

3. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Tập đoàn (với vai trò là Chủ sở hữu) tại Công ty con.

4. Đề xuất để Tập đoàn xem xét quyết định những nội dung thuộc quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với vai trò là Chủ sở hữu Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty con và quy định của Tập đoàn hoặc chấp thuận đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Tập đoàn.

5. Chủ động quyết định các nội dung không thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận của Tập đoàn theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Tập đoàn, Công ty con và tuân thủ các quy định pháp luật, các quy định của Tập đoàn và quy định nội bộ của Công ty con có liên quan.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Tập đoàn.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Người Đại diện tại Công ty con do Tập

đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn

1. Thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn của Tập đoàn theo phạm vi ủy quyền.

2. Tham gia quản trị tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn.

3. Chịu trách nhiệm triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Tập đoàn đối với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và lợi ích của các cổ đông và các bên liên quan.

4. Xin ý kiến chấp thuận của Tập đoàn trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Tập đoàn.

5. Chủ động tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định các nội dung không thuộc các trường hợp phải báo cáo xin ý kiến Tập đoàn theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Tập đoàn và Công ty con hoặc Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và tuân thủ các quy định có liên quan.

6. Giám sát hoạt động của Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định nội bộ hoặc theo yêu cầu của Tập đoàn.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 35. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt

1. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

2. Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, phát huy hiệu quả hoạt động chung toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

3. Các Công ty con của Tập đoàn được ưu tiên sử dụng các dịch vụ về công nghệ thông tin, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư tài chính, quản lý quỹ, trụ sở văn phòng làm việc, truyền thông thương hiệu, đề án hợp lực Tập đoàn, cơ sở

vật chất kỹ thuật... do Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt cung cấp.

4. Hội đồng thành viên, Người Đại diện trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm triển khai các chính sách, định hướng phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

CHƯƠNG VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 36. Hệ thống Kiểm soát nội bộ

1. Kiểm soát nội bộ là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt thiết lập, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

2. Tập đoàn tổ chức xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, phân công trách nhiệm thực hiện, thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ nhằm bảo đảm giám sát hiệu quả sự tuân thủ các quy định pháp luật, các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, các quy định nội bộ và các quy trình hoạt động.

3. Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm:

- a. Môi trường kiểm soát;
- b. Quy trình đánh giá rủi ro;
- c. Hệ thống thông tin;
- d. Các hoạt động kiểm soát;
- e. Giám sát các kiểm soát;
- f. Các nội dung khác có liên quan.

Điều 37. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn phải được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải được thiết lập, duy trì đối với mọi hoạt động của Tập đoàn, trong đó tăng cường kiểm soát đối với các hoạt động, nghiệp vụ có rủi ro cao.

2. Lãnh đạo các cấp của Tập đoàn đều phải nhận dạng, đánh giá rủi ro trong hoạt động để có biện pháp kiểm soát rủi ro, quản lý rủi ro thích hợp.

3. Hoạt động kiểm soát nội bộ gắn liền với các hoạt động hàng ngày của Tập đoàn; cơ chế kiểm soát nội bộ được quy định và tổ chức thực hiện ngay trong quy trình nghiệp vụ dưới nhiều hình thức như:

a. Cơ chế phân cấp uỷ quyền được thiết lập và thực hiện một cách hợp lý, phân công nhiệm vụ phải rõ ràng, minh bạch; đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích, đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau; đảm bảo cán bộ trong Tập đoàn không có điều kiện để thao túng hoạt động, che giấu thông tin phục vụ các mục đích cá nhân hoặc che giấu các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và các quy chế, cơ chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ có liên quan.

b. Cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ.

c. Tuân thủ nguyên tắc kiểm soát kép. Nguyên tắc kiểm soát kép là yêu cầu trong việc phân công nhiệm vụ có ít nhất hai người thực hiện và kiểm tra đối với một công việc nhằm đảm bảo an toàn tài sản và hiệu quả công tác. Không để một cá nhân nào có thể thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Đảm bảo mọi cán bộ đều phải quán triệt được tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát nội bộ và vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm soát nội bộ; đồng thời phải tham gia thực hiện một cách đầy đủ, có hiệu quả các quy định, quy trình nghiệp vụ có liên quan. Hội đồng thành viên Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Người Đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định về kiểm soát nội bộ của Tập đoàn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

Điều 38. Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn, cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn trong việc đạt được các mục tiêu.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC; HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ,

KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp/ngợi quyết, xin ý kiến

1. Hội đồng quản trị mời các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tùy từng nội dung có thể mời thêm Tổng Giám đốc, Người điều hành khác tham dự.

Các khách mời này có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Ý kiến của khách mời có thể được sử dụng để tham khảo nhưng không bắt buộc phải ghi nhận tại biên bản cuộc họp. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Điều 16 Quy chế này và các quy định nội bộ khác của Tập đoàn. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Khi có yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có thể được mời tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban kiểm soát, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Nghị quyết/Quyết định Ban kiểm soát được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Tập đoàn hoặc quyền lợi của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Tập đoàn tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Tập đoàn; Tập đoàn có các hoạt động trái quy định của pháp luật; Tập đoàn bị đình chỉ

kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Tập đoàn vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Tập đoàn có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; các vấn đề tương tự phát sinh tại các Công ty con của Tập đoàn.

Điều 41. Báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao

1. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng quản trị kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của HĐQT khi được yêu cầu.

Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

Điều 43. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trình báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

2. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên.

4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Tập đoàn từng thời kỳ.

5. Xử lý vi phạm và kỷ luật

a) Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý vi phạm đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

b) Hội đồng quản trị có thẩm quyền xử lý vi phạm và quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc xử lý vi phạm, kỷ luật; các hình thức xử lý vi phạm, kỷ luật; trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Tập đoàn từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực của Quy chế

1. Trong trường hợp nội dung Quy chế này có sự khác biệt so với Điều lệ Tập đoàn và/hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì Điều lệ Tập đoàn và/hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Trường hợp các quy định pháp luật về quản trị áp dụng đối với Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có sự thay đổi, khác với nội dung Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức sửa đổi, bổ sung Quy chế này và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày .../.../-2026 tức thời điểm được Đại hội đồng cổ đông 2026 của Tập đoàn biểu quyết thông qua.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này. *my*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q. CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thừa Nhật

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

Số: 717/2026/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH**Về việc: Thông qua Báo cáo Tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Tập đoàn Bảo Việt***Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;
- Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt;
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 và Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại hội Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 và Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt đã được kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Điều hành;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 11623354/E-68737085-HN của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 11623354/E-68737085 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo Tài chính riêng năm 2025;
- Bảng Cân đối kế toán riêng và hợp nhất;
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;
- Các Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất.

Một số thông tin tóm tắt về Báo cáo Tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm tài chính 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt như sau:



I. Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán:

1. Bảng Cân đối Kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
I	Tổng Tài sản	291.805.652	251.286.327
1	Tài sản ngắn hạn	150.363.052	121.226.741
2	Tài sản dài hạn	141.442.600	130.059.586
II	Tổng Nguồn vốn	291.805.652	251.286.327
1	Nợ phải trả	266.325.311	227.720.440
2	Vốn Chủ sở hữu	25.480.341	23.565.887

2. Kết quả Hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2025	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2024
I	Tổng Doanh thu hợp nhất	59.699.658	56.875.462
1	Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	44.940.741	43.506.339
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	14.039.756	12.689.327
3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác và Doanh thu khác	719.161	679.796
II	Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.554.431	2.663.171
III	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.921.572	2.194.169

II. Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán:

1. Bảng Cân đối Kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
I	Tổng Tài sản	18.756.355	18.265.689
1	Tài sản ngắn hạn	5.211.152	4.622.673
2	Tài sản dài hạn	13.545.203	13.643.016
II	Tổng Nguồn vốn	18.756.355	18.265.689
1	Nợ phải trả	225.831	194.428
2	Vốn Chủ sở hữu	18.530.524	18.071.261

2. Kết quả Hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2025	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2024
I	Tổng Doanh thu	1.828.376	1.692.650
1	Doanh thu hoạt động tài chính	1.434.940	1.335.525
2	Doanh thu hoạt động khác	393.436	357.125
II	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.285.413	1.180.183
III	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.285.413	1.180.183

Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải đầy đủ trên website của Tập đoàn tại địa chỉ www.baoviet.com.vn.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q. CHỦ TỊCH
TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT
Nguyễn Thừa Nhật



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Số: 718/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026


TỜ TRÌNH
Về việc chi trả thù lao đối với
thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên năm 2025
và đề xuất mức thù lao năm 2026**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
của Tập đoàn Bảo Việt**

Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên trong năm 2025 và mức thù lao kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

I. Các căn cứ đề xuất

- Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;
- Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;
- Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt hiện hành;
- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 21/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Trách nhiệm và tính chất công việc thực tế của các vị trí công việc hưởng thù lao;
- Sự khác biệt về tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Độc lập với Thành viên Hội đồng Quản trị khác theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo tính độc lập, khuyến khích giám sát hiệu quả, phù hợp với thông lệ thị trường.

II. Đề xuất mức thù lao thực hiện năm 2025**1. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên****a. Mức thù lao kế hoạch**

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 21/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt, mức thù lao kế hoạch của thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên như sau: 

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách: 17.200.000 đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách: 12.000.000 đồng/người/tháng.

b. Đề xuất mức thù lao thực hiện năm 2025

Năm 2025, mức tiền lương thực hiện (M_{th}) của Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách được Tập đoàn xác định theo Điều 20, Điều 21 Nghị định 44/2025/NĐ-CP và kết quả kinh doanh theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn như sau (đơn vị: đồng):

TT	Vị trí chức danh	M_{kh}	Tăng theo lợi nhuận	M_{th}
1	Trưởng Ban kiểm soát	96.800.000	1.622.823	98.422.823
2	Thành viên Hội đồng quản trị	94.600.000	1.585.941	96.185.941
3	Kiểm soát viên	94.600.000	1.585.941	96.185.941

Căn cứ Điều 23 Nghị định 44/2025/NĐ-CP, mức chi trả mức thù lao thực hiện năm 2025 tối đa không quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách (M_{th}), cụ thể như sau (đơn vị: đồng):

TT	Vị trí chức danh	Mức thù lao kế hoạch	Mức thù lao tối đa	So với kế hoạch
1	Trưởng Ban kiểm soát	17.200.000	19.684.565	+ 2.484.565
2	Thành viên Hội đồng quản trị	17.200.000	19.237.188	+ 2.037.188
3	Kiểm soát viên	12.000.000	19.237.188	+ 7.237.188

Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt đề xuất mức thù lao thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên trong năm 2025 như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát: 19.200.000 đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 13.200.000 đồng/người/tháng.

Mức thù lao đề xuất nằm dưới ngưỡng tối đa theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP, bảo đảm cân đối, hợp lý về tương quan thù lao giữa Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên, phù hợp với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quỹ thù lao thực hiện năm 2025 được xác định theo thời gian làm việc thực tế, số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên theo mức thù lao trên là 1.699.200.000 đồng, trong đó: *uul*

- Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị: 1.152.000.000 đồng
- Quỹ thù lao của Ban Kiểm soát: 547.200.000 đồng

2. Thù lao của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt tạm ứng thù lao cho các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ở mức 60.000.000 đồng/người/tháng. Mức thù lao này xác định theo nguyên tắc: Mức thù lao của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không vượt quá 3,5 lần mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn, có tính đến trách nhiệm, tính chất công việc, sự khác biệt về tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị với các Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính độc lập, khuyến khích giám sát hiệu quả, có tham khảo thông lệ thị trường.

Hiện nay, các nguyên tắc này đã được cụ thể hóa trong Quy chế Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại Tập đoàn Bảo Việt.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Tập đoàn đề xuất mức thù lao thực hiện của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong năm 2025 như sau:

- Mức thù lao tối đa của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:
 $3,5 \text{ lần} \times 19.200.000 = 67.200.000 \text{ đồng/người/tháng}$
- Đề xuất mức thù lao quyết toán: 67.000.000 đồng/người/tháng
- Quỹ thù lao quyết toán: $67.000.000 \times 3 \times 12 = 2.412.000.000 \text{ đồng}$

3. Tổng quỹ thù lao năm 2025

Hội đồng quản trị Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét, phê duyệt việc quyết toán quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 là 4.111.200.000 đồng, trong đó:

- Quỹ thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị là: 1.152.000.000 đồng;
- Quỹ thù lao của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là: 2.412.000.000 đồng;
- Quỹ thù lao của Ban Kiểm soát: 547.200.000 đồng.

Căn cứ quỹ thù lao thực hiện và quỹ thù lao đã tạm ứng theo mức thù lao kế hoạch, Tập đoàn xác định quỹ thù lao còn lại được hưởng và thực hiện chi trả theo quy định.

III. Đề xuất mức thù lao kế hoạch năm 2026

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quy chế Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại Tập đoàn Bảo Việt,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt kế hoạch chi thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên trong năm 2026 như sau:

117
 OÀ
 VII
 TP.

mlc

- Mức thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên bằng mức thù lao thực hiện năm 2025, cụ thể:

- Mức thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát: 19.200.000 đồng/người/tháng;

- Mức thù lao kế hoạch của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: 67.000.000 đồng/người/tháng

- Mức thù lao kế hoạch của Kiểm soát viên: 13.200.000 đồng/người/tháng.

- Mức thù lao thực hiện năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên được điều chỉnh theo kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo:

- Mức thù lao thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện tương ứng của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách theo Điều 7 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP

- Mức thù lao thực hiện của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối đa không quá 3,5 lần mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 17 Quy chế quản lý lao động tiền lương tại Tập đoàn.

- Căn cứ quỹ thù lao thực hiện và quỹ thù lao đã tạm ứng theo mức thù lao kế hoạch, Tập đoàn xác định quỹ thù lao còn lại được hưởng. Trường hợp chi vượt quỹ thù lao thực hiện thì phải hoàn trả phần thù lao đã chi vượt trước ngày 30 tháng 6 năm sau liền kề theo Điều 7 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT

Nguyễn Thừa Nhật

BAOVIET



**TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ
NĂM 2026 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

Số: 7/2026/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH**Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt,

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận thực hiện sau thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là lợi nhuận sau thuế) năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

- Tổng lợi nhuận sau thuế là: **1.285.413.218.955 đồng**.

- Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: **642.706.609.478 đồng**, bằng 50% lợi nhuận sau thuế năm 2025 để tăng cường năng lực tài chính cho các Công ty Con, chủ động nguồn lực cho đầu tư phát triển bao gồm đầu tư công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh doanh theo Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Tập đoàn Bảo Việt.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Căn cứ lợi nhuận thực hiện năm 2025 sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là **41.546.996.130 đồng**, bằng 3,23% lợi nhuận sau thuế năm 2025.

+ Cổ tức năm 2025: Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận sau thuế còn lại của năm tài chính 2025 là 601.159.613.347 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 là 64.186.093 đồng, tổng lợi nhuận còn lại đến hết năm 2025 là 601.223.799.440 đồng, thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, làm tròn ở mức **8,09%** trên mệnh giá cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng), tương đương số tiền dự kiến là **600.539.116.076 đồng**.

Phần lợi nhuận năm 2025 còn lại (dự kiến 684.683.364 đồng) dùng để bổ sung vào nguồn chia cổ tức cho các năm sau.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt, *uy*



Hội đồng Quản trị dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2026 dự kiến là: **1.320 tỷ đồng**; Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (7.423,2 tỷ đồng) dự kiến là 17,8%.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2026 còn lại sau khi xử lý các nội dung theo quy định của Pháp luật được phân phối dự kiến như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: không quá 50%. Mức trích lập cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật;

+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: thực hiện theo quy định của Pháp luật;

+ Chi trả cổ tức năm 2026: Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định của Pháp luật.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

+ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt như trên;

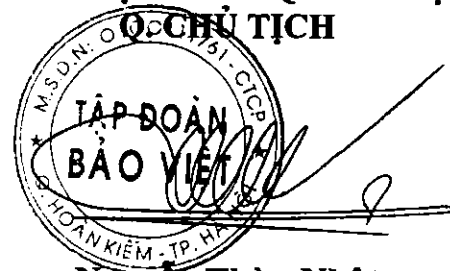
+ Giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thừa Nhật



Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Số: 720/2026/TTr-TĐBV

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Về việc thông qua định hướng Chiến lược phát triển tổng quát
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Tập đoàn Bảo Việt**

Căn cứ Chiến lược phát triển Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2035 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Căn cứ các định hướng lớn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026–2030, đặc biệt là Bộ nghị quyết chiến lược của Đảng về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, năng lượng, giáo dục và y tế;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026–2030,

Hội đồng Quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 và đề xuất điều chỉnh định hướng Chiến lược phát triển tổng quát giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt để Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025**• Về mục tiêu chiến lược tổng thể:**

Tính đến cuối năm 2025, Bảo Việt duy trì thuộc nhóm dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm, trong đó Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) vươn lên vị trí số 1 về thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm, vượt mục tiêu chiến lược đề ra là Top 3, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) duy trì vị trí Top 2 thị trường về thị phần doanh thu phí gốc. Hệ thống bán hàng và dịch vụ sau bán hàng của Bảo Việt đa dạng và lớn nhất tại Việt Nam.

• Về mục tiêu tài chính**- Hợp nhất:**

+ Tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn hoàn thành vượt cao so với mục tiêu chiến lược (MTCL) được phê duyệt. Cụ thể, tổng tài sản và lợi nhuận sau

thuế hợp nhất đến năm 2025 đạt lần lượt 291.806 tỷ đồng và 2.921 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 14,8%/năm và 13%/năm (so với MTCL là 10-11%/năm và 6-7%/năm).

+ Tổng doanh thu Hợp nhất chưa đạt mục tiêu chủ yếu do doanh thu từ hoạt động bảo hiểm thấp hơn dự kiến trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động bất lợi.

Giai đoạn 2021-2025, thị trường bảo hiểm gặp nhiều khó khăn, thách thức (tác động sâu rộng của đại dịch Covid 19, khủng hoảng truyền thông năm 2023, suy giảm niềm tin của người dân, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn gia tăng...) tác động lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, trong đó có Bảo Việt. Tính chung giai đoạn 2021-2025, thị trường bảo hiểm tăng trưởng bình quân 4,6%/năm, giảm mạnh so với giai đoạn 2016-2020 (21,7%), thấp hơn nhiều so với mục tiêu doanh thu toàn ngành bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 15%/năm (Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó, thị trường bảo hiểm nhân thọ đạt tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 2,1%/năm, giảm mạnh so với giai đoạn 2016-2020 (27,9%), thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 10,6%/năm, giảm đáng kể so với giai đoạn 2016-2020 (12%).

Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm gặp nhiều khó khăn, 02 Tổng Công ty BVNT và BHBV vẫn luôn nỗ lực, đẩy mạnh tìm kiếm các kênh khai thác bảo hiểm, phát triển các sản phẩm bảo hiểm mới, biến thách thức thành cơ hội để khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành. BVNT ghi nhận mức tăng trưởng tổng doanh thu phí bảo hiểm bình quân giai đoạn 2021-2025 là 3,1%, cao hơn mức tăng bình quân thị trường là 2,1%. BHBV định hướng tăng trưởng gắn với hiệu quả, tập trung ưu tiên vào mục tiêu hiệu quả, kiểm soát rủi ro trong khai thác nhằm kiểm soát tỷ lệ bồi thường và giảm tỷ lệ chi phí kết hợp xuống dưới 100% trong bối cảnh tình hình bão lũ, thiên tai gây ra nhiều thiệt hại lớn. Lợi nhuận sau thuế của BHBV từ hơn 71 tỷ năm 2020 đã tăng lên 300 tỷ năm 2025. Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc năm 2025 của BHBV là 43,6%, giảm dần từ 48,3% năm 2023 và 44,6% năm 2024. BHBV tiếp tục duy trì vị thế số 2 thị trường về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc với mức tăng trưởng doanh thu phí gốc năm 2025 dần phục hồi đạt trên 6%, sau giai đoạn tăng trưởng chậm để tập trung vào hiệu quả.

- Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành mục tiêu LNST, năm 2025 đạt 1.285 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2025 là 5%/năm (MTCL là 5-6%/năm) và cơ bản hoàn thành mục tiêu Tổng doanh thu, đạt 1.828 tỷ đồng năm 2025, tăng trưởng bình quân 5,4%/năm (MTCL là 6-7%/năm).

- Đối với lĩnh vực bảo hiểm: _{wt}

+ Tổng Công ty BVNT vượt MTCL về chỉ tiêu thị phần tổng doanh thu phí và lợi nhuận sau thuế. Cụ thể, tính đến cuối năm 2025, BVNT dẫn đầu thị trường về tổng doanh thu phí với 22,5% thị phần. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 2.294 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 2021-2025 là 21,2%/năm (MTCL là >10%/năm). ROE của BVNT duy trì 12% trở lên trong giai đoạn 2021-2025, riêng năm 2025 đạt 19,7%, hoàn thành mục tiêu thuộc TOP 5 về ROE đối với các công ty BHNT tại Việt Nam.

+ Tổng Công ty BHBV cũng cơ bản đạt một số MTCL: thuộc top 2 doanh nghiệp có thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc lớn nhất Việt Nam (năm 2025 đứng thứ 2 với 12,6% thị phần). Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 300 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 33,6%/năm (so với MTCL là 27-28%/năm). Tỷ lệ chi phí kết hợp <100% từ sau năm 2023.

- Các lĩnh vực khác:

+ BVF duy trì vị thế là công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp và hiệu quả, thuộc nhóm dẫn đầu về tổng tài sản quản lý (Top 2) với gần 156.000 tỷ đồng AUM năm 2025, hiệu quả đầu tư vượt kỳ vọng khách hàng;

+ BVSC tiếp tục giữ vị thế CTCK hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đến 2025 xây dựng nền tảng giao dịch số tương đối hoàn chỉnh.

+ BVI: Tập trung chủ yếu quản lý nguồn lực bất động sản trong nội bộ Tập đoàn.

II. Định hướng Chiến lược phát triển tổng quát giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035

Trong giai đoạn 2021–2025, mặc dù bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động bất lợi, thị trường bảo hiểm chịu tác động mạnh từ suy giảm niềm tin, tăng trưởng chậm lại và áp lực cạnh tranh gia tăng, Tập đoàn Bảo Việt vẫn duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm, bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động và cơ bản hoàn thành nhiều mục tiêu chiến lược quan trọng. Đến cuối năm 2025, Bảo Việt Nhân thọ vươn lên vị trí số 1 về thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm; Bảo hiểm Bảo Việt duy trì vị trí Top 2 thị trường phi nhân thọ; tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn hoàn thành vượt mục tiêu chiến lược được phê duyệt.

Bên cạnh các kết quả đạt được, một số mục tiêu, định hướng và giải pháp chiến lược cần tiếp tục được rà soát, điều chỉnh lại để phù hợp với bối cảnh tình hình thị trường trong thời gian tới cũng như các định hướng lớn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026–2030, cụ thể: Tầm nhìn chiến lược chưa lượng hóa rõ hơn vị thế trong khu vực; các động lực tăng trưởng truyền thống, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm, đang dần tiệm cận giới hạn trong khi các lĩnh vực tài chính, đầu tư, chứng

khoán, quản lý quỹ còn nhiều dư địa để khai thác; hệ sinh thái Bảo Việt mới ở giai đoạn hình thành trong đó các cấu phần về khách hàng, dữ liệu, sản phẩm, kênh phân phối và đối tác chưa được kết nối đồng bộ thống nhất; chuyển đổi số chưa thực sự trở thành động lực tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động; hoạt động hợp lực chưa tạo thành nền tảng tăng trưởng chung cho toàn hệ sinh thái Tập đoàn.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung trọng tâm liên quan đến việc rà soát, điều chỉnh định hướng, chiến lược tổng quát giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt như sau:

1. Mô hình tăng trưởng

Tập đoàn Bảo Việt định vị mô hình phát triển giai đoạn 2026–2030 theo hướng *hệ sinh thái tích hợp gồm 05 cấu phần trụ cột: Đầu tư - Tài chính - Bảo hiểm - Chăm sóc sức khỏe - Công nghệ, lấy khách hàng là trung tâm và Sản phẩm tích hợp là lợi thế cạnh tranh bền vững.*

2. Tầm nhìn đến năm 2035

- Trở thành định chế tài chính – bảo hiểm trụ cột quốc gia phấn đấu nằm trong Top 150 doanh nghiệp Đông Nam Á đến năm 2030 và hướng đến Top 100 đến năm 2035.

- Tiên phong cung cấp giải pháp toàn diện, tích hợp và cá nhân hóa vì mục tiêu “An nhàn tài chính & Sống khỏe bền lâu” cho người Việt, vì người Việt.

3. Mục tiêu định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030

- Mục tiêu định hướng: Đến năm 2030 xây dựng thành công Hệ sinh thái tích hợp Đầu tư - Tài chính - Bảo hiểm - Chăm sóc sức khỏe – Công nghệ trên nền tảng số của Bảo Việt.

4. Nhiệm vụ chủ yếu giai đoạn 2026-2030:

- Công ty Mẹ giữ vai trò trung tâm định hướng, điều phối, kiểm soát an toàn và bảo vệ giá trị hệ sinh thái.

- Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, tiếp tục duy trì vị thế top đầu thị trường đồng thời kiểm soát hiệu quả, chất lượng khai thác, quản trị rủi ro và biên lợi nhuận.

- Lĩnh vực tài chính như quản lý quỹ, chứng khoán, ngân hàng và đầu tư được xác định là nhóm động lực mở rộng doanh thu trên mỗi khách hàng.

- Đối với các động lực tăng trưởng mới: Chăm sóc sức khỏe, công nghệ/dữ liệu, đối tác/hệ sinh thái mở được phát triển nhằm tăng tương tác, cá nhân hóa sản phẩm và giữ chân khách hàng, là nền tảng để tái cấu trúc mô hình kinh doanh và tạo thêm các không gian tăng trưởng doanh thu mới cũng như thúc đẩy tái tăng trưởng lĩnh vực bảo hiểm trong hệ sinh thái Tập đoàn.

- Thương hiệu: Xây dựng thương hiệu Bảo Việt gắn với giá trị “An nhàn tài chính – Sống khỏe bền lâu” cho người Việt, vì người Việt.

- Quản trị: Thực hiện các mục tiêu ESG, nâng cao tiêu chuẩn quản trị theo chuẩn mực OECD.

- Từng bước mở rộng hiện diện và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đầu tư thông qua đầu tư ra nước ngoài, tham gia Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam (IFC); hợp tác với các định chế tài chính quốc tế và kết nối với các trung tâm tài chính – bảo hiểm hàng đầu nhằm mở rộng không gian tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh khu vực.

5. Mục tiêu tài chính giai đoạn 2026-2030.

- Đến năm 2030, tổng doanh thu hợp nhất đạt 68.600 tỷ đồng, tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 2.950 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu Công ty Mẹ tối thiểu 10%/năm cho giai đoạn 2026-2030.

6. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030

Để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và triển khai chiến lược hệ sinh thái tích hợp giai đoạn 2026–2030, Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030 theo định hướng sau:

- Đối với hoạt động đầu tư lãi suất cố định: Tập đoàn duy trì số dư tiền gửi ở mức phù hợp, đủ để đảm bảo khả năng thanh toán, có dòng thu nhập ổn định, đáp ứng nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ khác. Tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (trực tiếp hoặc ủy thác) và/hoặc hỗ trợ Công ty chứng khoán Bảo Việt (BVSC), Công ty quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) thông qua hoạt động cho vay/đầu tư trái phiếu để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Đối với hoạt động đầu tư cổ phần, góp vốn: Ưu tiên nguồn lực để đầu tư tăng vốn vào các Công ty con nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cốt lõi. Nghiên cứu để đầu tư mới vào những lĩnh vực hỗ trợ core lõi như Y tế, Bảo hiểm Sức khỏe... Tập đoàn xem xét không trực tiếp đầu tư ngắn hạn vào cổ phần, góp vốn. Hoạt động đầu tư ngắn hạn cổ phần góp vốn sẽ được xem xét triển khai thông qua ủy thác tại Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) nhằm tận dụng lợi thế sẵn có của BVF qua đó cải thiện hiệu quả đầu tư.

- Đầu tư nhiều hơn cho công nghệ thông tin/dữ liệu/hạ tầng công nghệ và chuyển đổi số để từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh số; Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát rủi ro đầu tư vốn.

- Đối với các cấu phần mở rộng hệ sinh thái như chăm sóc sức khỏe, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, fintech/insurtech, dữ liệu, nền tảng số và các mô hình kinh doanh mới, Tập đoàn nghiên cứu kết hợp đầu tư trực tiếp, M&A có chọn lọc, liên doanh, liên kết và hợp tác đối tác nhằm giảm áp lực vốn đầu tư ban đầu, bổ sung nhanh các năng lực còn thiếu và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng quy mô, nâng cao vị thế cạnh tranh của Bảo Việt trong khu vực.

7. Kế hoạch cơ cấu lại vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là “Kế hoạch cơ cấu lại vốn giai đoạn 2026-2030”)

- **Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV), Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT):** Giai đoạn 2026-2030, Tập đoàn sẽ xem xét giải pháp tăng vốn cho BHBV, BVNT và/hoặc tiến hành cổ phần hóa 02 Tổng Công ty qua đó huy động thêm nguồn lực cho 02 Tổng Công ty thông qua thị trường chứng khoán để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và quy định pháp luật. Trường hợp cổ phần hóa, Tập đoàn dự kiến vẫn nắm giữ vai trò chi phối tại 02 Tổng Công ty.

- **Công ty Đầu tư Bảo Việt (BVI):** triển khai các giải pháp chuyển đổi BVI thành Công ty cổ phần theo hướng Tập đoàn dự kiến không tiếp tục chi phối tại BVI. Phương án cổ phần hóa BVI và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại BVI sẽ được cân đối, phù hợp với nhu cầu vốn của BVI, khả năng thu xếp nguồn vốn của Tập đoàn và tình hình thị trường tại thời điểm tiến hành cổ phần hóa.

- **Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt (BVF):** dự kiến giữ nguyên mô hình hiện tại, nhu cầu vốn của đơn vị sẽ được Tập đoàn cân đối theo nhu cầu hoạt động kinh doanh của quỹ tại từng thời kỳ.

- **Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC):** Tập đoàn dự kiến tăng vốn để đảm bảo nguồn lực tài chính đáp ứng điều kiện kinh doanh của BVSC cũng như những yêu cầu về tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hàng năm. Tập đoàn sẽ phối hợp với BVSC để xây dựng phương án tăng vốn phù hợp, hiệu quả trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Bên cạnh đó, Tập đoàn sẽ xem xét cơ cấu lại vốn đầu tư của Tập đoàn tại BVSC tại thời điểm phù hợp. Tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn sau cơ cấu xuống dự kiến giảm xuống dưới 50% vốn điều lệ của BVSC.

- **Thanh hoán:** Tiếp tục thanh hoán 04 khoản đầu tư nằm trong phạm vi đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021 – 2025 đã được phê duyệt, bao gồm: giảm tỷ lệ sở hữu tại Ngân hàng Bảo Việt (BVB), thanh hoán khoản đầu tư của Tập đoàn tại Bảo Việt Âu Lạc (BVAL), Trung Nam Phú Quốc (TNPQ), HiPT và các khoản đầu tư nhỏ lẻ, các khoản đầu tư không hỗ trợ cho hoạt động core lõi của Tập đoàn, các khoản đầu tư chưa đạt kỳ vọng hoặc còn ít tiềm năng phát triển, có hiệu quả thấp để cải thiện hiệu quả danh mục, tập trung nguồn lực cho các khoản đầu tư chiến lược.

Thời gian hoàn thành và trách nhiệm thực hiện: Kế hoạch triển khai cụ thể sẽ được HĐQT Tập đoàn rà soát cùng với công tác xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm và tổ chức

triển khai căn cứ vào điều kiện thị trường, nhu cầu vốn và thực tiễn kinh doanh từng năm, trên cơ sở phù hợp quy định của pháp luật từng thời kỳ.

8. Định hướng giải pháp thực hiện chiến lược

Để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030, xây dựng hệ sinh thái tích hợp gồm 05 cấu phần trụ cột: Đầu tư - Tài chính - Bảo hiểm - Chăm sóc sức khỏe - Công nghệ, trong đó tập trung thúc đẩy tăng trưởng của lĩnh vực tài chính; công nghệ là nền tảng để tái cấu trúc mô hình kinh doanh; Chăm sóc sức khỏe là không gian tăng trưởng mới, hỗ trợ tái tăng trưởng lĩnh vực bảo hiểm và thúc đẩy tăng trưởng các lĩnh vực liên quan. Tập đoàn định hướng triển khai các giải pháp chiến lược cụ thể như sau:

8.1. Xây dựng và vận hành hệ thống chiến lược Tập đoàn

Đây là giải pháp chiến lược nền tảng của Tập đoàn trong giai đoạn 2026-2030. Hệ thống chiến lược Tập đoàn bao gồm 3 cấp độ quản trị - 3 trục chức năng và 3 tầng năng lực kinh doanh, cụ thể:

- Cấp độ Tập đoàn: Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển tổng thể với mục tiêu là hoàn thiện Hệ sinh thái, hợp lực là nền tảng tạo lợi thế cạnh tranh và chuyển đổi số là động lực tăng trưởng.

- Cấp độ Công ty Mẹ: Công ty Mẹ với vai trò trung tâm và các chiến lược chức năng thuộc công ty mẹ được thiết kế theo 3 trục: Thiết kế & định hướng; điều phối & phân bổ; Kiểm soát & Bảo vệ giá trị. Các chiến lược chức năng được thiết kế theo hướng liên kết chặt chẽ, hỗ trợ và bổ trợ lẫn nhau, hình thành các “mắt xích chiến lược” trong một cỗ máy tăng trưởng thống nhất của toàn Tập đoàn, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và kết nối xuyên suốt các chức năng.

- Cấp độ Công ty Con: Các công ty con là đơn vị thực thi, trực tiếp kinh doanh, tạo ra sự gia tăng các dòng giá trị của hệ sinh thái. Chiến lược kinh doanh của các công ty con được xây dựng dựa trên cơ sở bám sát theo 3 trục chức năng từ công ty mẹ đồng thời phát huy lợi thế cạnh tranh từ 3 tầng năng lực kinh doanh của đơn vị: Năng lực cạnh tranh cốt lõi & giá trị khác biệt của đơn vị; năng lực tạo ra giá trị chung khi hợp lực với các công ty con khác của Tập đoàn trong hệ sinh thái; năng lực cộng hưởng tạo ra giá trị gia tăng cho hệ sinh thái khi đồng hành cùng các công ty con và đối tác khác trong hệ sinh thái.

8.2. Giải pháp về sản phẩm

Phát triển và cung cấp các sản phẩm tích hợp toàn diện, trọn gói, trọn đời theo hành trình khách hàng. Với mô hình hệ sinh thái, sản phẩm tích hợp được xác định là lợi thế cạnh tranh bền vững của Bảo Việt. Trên nền tảng hệ sinh thái, Tập đoàn phát triển danh mục giải pháp tích hợp trên cơ sở kết nối các năng lực về bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, tài chính, đầu tư và quản lý tài sản. Các giải pháp được thiết kế theo từng phân khúc và

giai đoạn vòng đời khách hàng nhằm đáp ứng trọn vẹn nhu cầu khách hàng và xuyên suốt hành trình khách hàng, qua đó giúp Bảo Việt chuyển đổi mô hình kinh doanh từ bán sản phẩm đơn lẻ sang cung cấp giải pháp trọn đời, trọn gói, tích hợp, toàn diện, góp phần gia tăng mức độ gắn kết khách hàng, mở rộng cơ hội bán chéo và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu toàn Tập đoàn.

8.3. Giải pháp về chuyển đổi số

Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng nền tảng dữ liệu khách hàng tập trung. Đây cũng là nền tảng để đổi mới mô hình kinh doanh, phát triển các sản phẩm và dịch vụ số, hình thành mô hình tăng trưởng mới dựa trên dữ liệu, công nghệ và hệ sinh thái tích hợp trong dài hạn.

8.4. Xây dựng hệ sinh thái mở

Phát triển hệ sinh thái đối tác mở để mở rộng quy mô và gia tăng giá trị hệ sinh thái, tập trung vào các lĩnh vực có tính hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi như y tế, tài chính, công nghệ, dữ liệu, dịch vụ đời sống và các ngành nghề liên quan, qua đó hình thành các nguồn doanh thu mới ngoài hoạt động bảo hiểm truyền thống.

8.5. Giải pháp về M&A, hợp tác chiến lược

- Thúc đẩy M&A, hợp tác chiến lược và nghiên cứu mở rộng đầu tư ra nước ngoài theo nguyên tắc thận trọng, có kiểm soát, phù hợp với quy định pháp luật, năng lực tài chính và định hướng phát triển hệ sinh thái. Giải pháp này nhằm mở rộng không gian tăng trưởng, đa dạng hóa danh mục đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thu hút công nghệ, tăng cường năng lực hội nhập và chuẩn bị điều kiện để Bảo Việt từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị tài chính – bảo hiểm khu vực ASEAN.

8.6. Giải pháp về vốn

Để đáp ứng yêu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con, triển khai chiến lược hệ sinh thái tích hợp giai đoạn 2026–2030, đầu tư CNTT/dữ liệu/hạ tầng công nghệ, Tập đoàn dự kiến triển khai đồng bộ các giải pháp để bổ sung nguồn vốn cho Tập đoàn và các đơn vị như sau: tái cơ cấu danh mục đầu tư, thanh toán/thoái vốn một số khoản đầu tư chưa phù hợp để tập trung nguồn lực cho lĩnh vực ưu tiên; trích quỹ đầu tư phát triển ở mức 50% lợi nhuận sau thuế hàng năm; nghiên cứu chia cổ tức bằng cổ phiếu sau khi trích các quỹ theo quy định; nghiên cứu chuyển đổi/cổ phần hóa các công ty con phù hợp như Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty Đầu tư Bảo Việt để huy động thêm nguồn lực xã hội và thu hút đối tác chiến lược; nghiên cứu tăng vốn cho Công ty Mẹ; huy động vốn trên thị trường tài chính (vay vốn từ các tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu...)

9. Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện

Cùng với việc tổ chức triển khai Chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt sẽ rà soát, đánh giá định kỳ để hoạt động của Tập đoàn luôn bám sát với định hướng chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua, từ đó có các điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của chính sách, thực tiễn kinh doanh trong nước và thế giới.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua các nội dung điều chỉnh chính trong Chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2026–2030; thông qua định hướng, chiến lược phát triển tổng thể giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt;

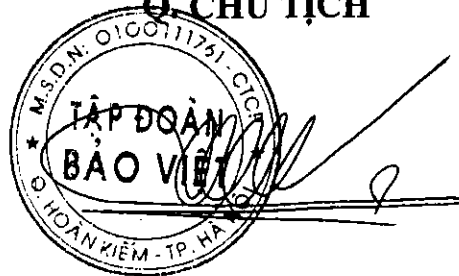
- ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng Quản trị: (i) xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt chiến lược phát triển chi tiết giai đoạn 2026-2030; (ii) tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2026-2030; (iii) xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với các hình thức cơ cấu lại vốn quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ, quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo hoàn thành mục tiêu, định hướng của Tập đoàn như tại định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035; đảm bảo công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn của Tập đoàn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- CL, TC, ĐT;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thừa Nhật